

TỦ SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

HỎI ĐÁP
VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

9(V)2

————— 105 - 2011

QĐND - 2011

H 425 Đ
TỦ SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG

THƯ VIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM
308
ĐI CHỈ

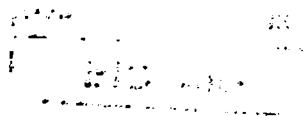
NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2011

*** Ban biên soạn:**

- ĐẶNG VIỆT THỦY (Chủ biên)
- PHAN NGỌC DOÃN
- NGUYỄN MINH THỦY
- GIANG TUYẾT MINH

*** Hoàn chỉnh bản thảo:**

ĐẶNG VIỆT THỦY



LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam được ký kết. Sau Hiệp định đế quốc Mỹ đã thay thực dân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam bằng chủ nghĩa thực dân mới, cùng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm công khai xóa bỏ hiệp định và từ bỏ những cam kết quốc tế.

Cũng như toàn miền Nam, ở Quảng Ngãi, khi địch tiếp quản, các cuộc bắt bớ, tra tấn bắn giết diễn ra thường xuyên và ngày càng quyết liệt. Nhà tù, trại giam mọc lên khắp nơi. Nhà lao Quảng Ngãi chỉ đủ chỗ cho 500 người, nhưng thường xuyên có đến 5.000 người bị giam giữ. Từ tháng 10 năm 1954, Mỹ - Diệm bắt đầu tiếp quản Trà Bồng rồi lần lượt chiếm đóng các huyện miền Tây Quảng Ngãi. Tại đây, chúng áp dụng ngay chính sách "dùng người dân tộc để trị người dân tộc", dùng người dân tộc để chống lại cách mạng. Chúng đã dùng cả bộ máy thống trị, hệ thống "tố Cộng", xây dựng đồn bốt... để đàn áp đồng bào các dân tộc ở đây một cách rất dã man, tàn bạo với những thủ đoạn man rợ như thời trung cổ. Đồng bào dân tộc Cor đã nói: "Tội ác Mỹ - Diệm chât cao hơn núi Cà Đam. Lòng dân căm thù giặc sâu hơn nước sông Tang".

Đứng trước những âm mưu, thủ đoạn và hành động tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm có

chủ trương xây dựng căn cứ Trà Bồng và các huyện miền Tây, phát động rộng rãi phong trào diệt ác ôn, bảo vệ cách mạng. Đến mùa thu năm 1959, tỉnh đã thành lập được 5 đơn vị vũ trang tập trung và các tổ chức quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lãnh đạo nhân dân Trà Bồng, tẩy chay bầu cử quốc hội của chính quyền Ngô Đình Diệm. Sáng ngày 28 tháng 8 năm 1959, binh lính địch vào các thôn xóm lùng sục, cưỡng ép dân đi bỏ phiếu. Nhân dân huyện Trà Bồng đã đồng loạt nổi dậy, cùng với các đội vũ trang bao vây, tiến công các đồn cảnh sát, bảo an và trụ sở quyền. Núi rừng Trà Bồng rung chuyển trong khí thế của phong trào khởi nghĩa. Nắm bắt thời cơ, Tỉnh ủy đã quyết định mở rộng khởi nghĩa đến các xã vùng thấp trong huyện Trà Bồng, phát động khởi nghĩa ở các huyện miền núi còn lại. Cuộc khởi nghĩa lan rộng khắp miền Tây Quảng Ngãi. Chính quyền cách mạng lần lượt ra đời. Đến cuối năm 1959, vùng giải phóng mở rộng trên 40 xã, nhân dân giữ vững quyền làm chủ tuyệt đại bộ phận vùng rừng núi tỉnh Quảng Ngãi.

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa từng phần quy mô lớn trên địa bàn rừng núi rộng và giành được thắng lợi đầu tiên ở Liên khu 5 nói riêng, ở miền Nam nói chung, từ khi có Nghị quyết 15. Cuộc khởi nghĩa thể hiện rõ nét tinh thần đấu tranh liên tục và triệt để của quần chúng cách mạng. Đây là thành công điển hình trong việc kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, tạo ra sức mạnh áp đảo phá tan kim kẹp của địch, giành chính

quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã góp phần to lớn vào cao trào đồng khởi (1959-1960) của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Cuộc khởi nghĩa và quá trình chiến đấu để bảo vệ thành quả cách mạng sau đó cũng đã góp một phần vào kho tàng kinh nghiệm quý báu trong cuộc chiến tranh nhân dân ở nước ta. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi của các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh nói lên khả năng to lớn và lực lượng cách mạng hùng hậu của đồng bào miền núi. Ý chí cách mạng và tinh thần quật khởi của nhân dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi còn vang vọng mãi đến các thế hệ mai sau.

Với ý nghĩa đó, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách "Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng". Cuốn sách được biên soạn từ những nguồn tài liệu và công trình đã xuất bản, được sắp xếp một cách khá khoa học, dễ tìm hiểu và nghiên cứu. Hy vọng sẽ đáp ứng được phần nào yêu cầu của đông đảo bạn đọc. Tuy vậy, cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong được bạn đọc góp ý kiến phê bình.

Xin trân trọng giới thiệu và cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Câu hỏi 1: Hãy cho biết vài nét về địa lý, lịch sử và truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân Quảng Ngãi nói chung và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng?

Trả lời:

Quảng Ngãi là một tỉnh duyên hải Trung Trung Bộ, lưng tựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, mặt nhìn ra Biển Đông mênh mông. Phía bắc và tây bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía tây giáp Kon Tum; phía nam và tây nam giáp Bình Định, Gia Lai; phía đông giáp Biển Đông.

Địa hình tỉnh Quảng Ngãi chia làm 4 vùng: vùng núi, vùng giáp núi, vùng đồng bằng và vùng hải đảo.

Bốn huyện miền núi tính từ Bắc vào Nam là Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, thường được gọi chung là miền Tây Quảng Ngãi.

Miền Tây Quảng Ngãi bao trùm hai phần ba đất đai của tỉnh với 85 ngàn dân (thời điểm những năm năm mươi của thế kỷ XX). Từ bao thế kỷ qua, trên mảnh đất phần lớn là núi rừng trùng điệp đó, đã sống gắn bó bốn dân tộc anh em: Hrê (còn gọi là Rhe), Cor, Cà Dong và Kinh. Người Hrê với dân số khoảng trên 4 vạn rưỡi, tập trung ở phía đông huyện Sơn Hà và hai huyện Ba Tơ, Minh Long. Người Cor với khoảng 16 ngàn người, chiếm tuyệt đại bộ phận dân số

huyện Trà Bồng. Người Cà Dong độ trên 6 ngàn là chủ nhân vùng cao phía tây huyện Sơn Hà (ngày nay là huyện Sơn Tây). Người Kinh với khoảng 17 ngàn từ miền xuôi lên làm ăn sinh sống, chủ yếu ở xung quanh các huyện lỵ một số thôn xã dọc các đường giao thông và các con sông, chỉ có một số ít sống xen kẽ trong các xóm làng người Hrê ở Sơn Hà.

Người Hrê, Cor, Cà Dong là những dân tộc ít người, chủ nhân từ rất lâu đời của tỉnh Quảng Ngãi và vùng đất dọc Trường Sơn lên giáp bắc Tây Nguyên, trước khi xuất hiện người Chăm và người Lạc Việt ở vùng duyên hải¹.

Tiếng nói của ba dân tộc đó đều thuộc ngữ hệ Môn Khơme, rất gần gũi với tiếng nói của các dân tộc Xê đăng, Bana... ở cao nguyên Bắc Kon Tum.

Núi non dàn trải ra như xây thành đắp lũy án ngữ ba mặt bắc, tây, nam của miền duyên hải Quảng Ngãi đất hẹp người đông.

Về phía bắc, một dãy núi từ Trà My, Quảng Nam chạy về hướng đông, đâm thẳng xuống Dốc Sỏi, gần giáp Biển Đông, thuộc địa đầu huyện Bình Sơn với những đỉnh núi Chùa, núi Răng Cưa, núi Hang Bà cao hơn 1.000 mét, hình thành địa giới thiên nhiên của hai tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi anh em.

Ở phía tây, một dãy núi dài như vô tận, nối tiếp nhau từ Nước Óc, Long Lái thuộc huyện Trà Mi, Quảng Nam chạy qua Mang Xin, Xôn Nit, Ngọc Bốc vào Vi-ô-lác, Gội Re với các

1. Theo sách *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* của nhóm nghiên cứu các dân tộc của Ủy ban Dân tộc, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1959, tr. 197.

đỉnh núi Mang Xin, Ngọc Dai cao hơn 1.300 mét, ngăn cách hai tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi.

Ở phía nam, từ đông - nam Kon Tum, một dãy núi đồ thoai thoải xuống tận đèo Bình Đê sát Biển Đông, phân chia địa giới Quảng Ngãi và Bình Định.

Giữa những rặng núi đó, trong lòng miền Tây là những cụm núi nhấp nhô trùng điệp, với biết bao cảnh đẹp thiên nhiên mà người xưa đã từng ca tụng. Cụm núi phía bắc sông Trà Khúc có các đỉnh Tà Ót, Tà Áp, núi Ông và cao vút lên là ngọn Cà Đam 1.650 mét. Cà Đam là căn cứ chính chống Pháp của đồng bào Cor trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cụm núi phía nam sông Trà Khúc có các đỉnh nối tiếp nhau: núi Mun, Kỳ Lân và Đá Vách. Núi Đá Vách hay Thạch Bích cao trên 1.000 mét, là nơi đã diễn ra những trận đánh quyết liệt của đồng bào Hrê chống lại bọn vua quan nhà Nguyễn.

Đứng ngay giữa trung tâm của tỉnh, núi Thạch Bích là một vị trí rất tốt, từ đó có thể quan sát đến tận tỉnh lỵ và cả 6 huyện đồng bằng. Cụm núi thuộc địa phận huyện Ba Tơ gồm các đỉnh Nước Goá, Hòn Giá, và không biết cơ man nào là đồi núi trập trùng như một bầy voi phục, mà con đầu đàn là ngọn Cao Muôn cao gần 1.000 mét, quanh năm mây phủ. Đó là nơi khai sinh đội du kích Ba Tơ anh hùng.

Miền Tây Quảng Ngãi là đầu nguồn và cũng là nơi giao hội của những con sông Trà Bồng, Trà Khúc (với 4 chi lưu lớn), sông Vệ và sông Trà Câu.

Rừng núi miền Tây Quảng Ngãi có nhiều tài nguyên, lâm thổ sản phong phú. Ngoài các thứ gỗ quý như lim, sơn trà,

chò, kê... còn có dẫu rái, chè, cau, mật ong... và đặc sản nổi tiếng nhất là quế Trà Bồng.

Đất đai miền Tây phân chia rõ hai vùng cao, thấp và từ đó đã hình thành hai cách làm ăn khác nhau trong cùng một nguồn sống chủ yếu là nông nghiệp. Ở vùng cao, nhân dân sống bằng nghề đốt rẫy, tía lúa, tía ngô, trồng khoai, sắn. Kỹ thuật canh tác còn thô sơ, lạc hậu. Ở vùng thấp, dọc theo thung lũng các con sông và suối lớn, quanh các quận lỵ và ở vùng giáp ranh, đồng bào đã cày ruộng, cấy lúa hai vụ, kỹ thuật canh tác không khác gì người Kinh mấy. Ở cả hai vùng cao, thấp, việc chăn nuôi gia súc (trâu và lợn), gia cầm khá phát triển trong khi thủ công nghiệp hầu như không có vai trò đáng kể. Việc khai thác lâm sản, trồng cây đặc sản (chè, quế, hồ tiêu, cau, trầu, v.v...) đã trở thành một nguồn thu hoạch quan trọng.

Về mặt xã hội, nhìn chung, các dân tộc đều phát triển đến trình độ có chiếm hữu tư nhân về ruộng đất, nhưng đất đai núi rừng vẫn là tài sản của toàn xã hội, thuộc quyền sở hữu chung của làng xóm. Như vậy chế độ chiếm hữu tập thể vẫn còn tồn tại. Xã hội ở đây cũng như ở các vùng dọc Trường Sơn và Tây Nguyên đang còn phân hoá, việc phân chia giai cấp chưa rõ rệt. Giữa hai vùng cao thấp, giữa hai vùng làm ruộng và làm rẫy, có sự phát triển không đồng đều.

Ở vùng cao, sự phân chia giai cấp chưa rõ rệt, chỉ có người có của hơn và kẻ nghèo hơn do có ít hay nhiều sức lao động và của cải, ngoài ra còn có một số ít người đi ở làm thuê.

Ở vùng thấp, giai cấp đã bắt đầu hình thành rõ hơn, nhất là ở vùng đông Sơn Hà, Ba Tơ. Việc chiếm hữu ruộng đất, áp

bức bóc lột trước Cách mạng tháng Tám rất nặng nề. Có người chiếm hữu đến 20, 30 mẫu ruộng, đột xuất có kẻ chiếm đoạt đến hàng trăm mẫu, cả một vùng rừng rú, cả một khúc sông. Có một tầng lớp người đã sống bằng phát canh, thu tô, cho vay nợ lãi, nuôi người ở mang tính chất nô lệ.

Từ năm 1945, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, nhất là từ năm 1952 đến năm 1954, việc cải cách dân chủ từng bước thực hiện có kết quả đã hạn chế nhiều sự bóc lột đó. Từ sau năm 1954, bọn phản động địa phương dựa vào Mỹ - ngụy cố phục hồi chế độ bóc lột cũ. Nhưng vì phong trào quần chúng mạnh, trình độ giác ngộ cách mạng của nông dân cao, cho nên mưu toan đó của địch không thực hiện được.

Do trình độ canh tác, sản xuất lạc hậu, đất đai ở dọc các triền núi luôn bị xói mòn làm cho bạc màu, thời tiết luôn bị khô cháy, nắng hạn, nên đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng cao rất khổ sở. Một năm đói đến 5, 6 tháng. Bên cạnh đó là cảnh sưu cao, thuế nặng của bọn cường hào, ác bá. Mặc dù lệ chính thức đặt ra là 15 ngày sưu trong một năm, nhưng đồng bào phải đi hết tháng này qua tháng khác để làm đường, xây đồn trại, phục dịch cho bọn quan quân, hào lý. Đồng bào phải đóng thuế thường là gấp hai, gấp ba lần, có khi gấp năm, sáu lần mức thuế quy định, do việc lạm thu, nhùng nhịu. Thay cho 2 đồng 50 (tiền Đông Dương) thuế, chúng đã bắt mỗi suất đình phải nộp đến 375 cân thóc hoặc 50 cân hạt cau khô hay một tạ quế vỏ. Ngoài ra đồng bào còn bị cướp bóc nhiều về lâm thổ sản qua việc cống nạp. Bọn quan quân đã bắt mỗi suất đình mỗi năm phải nộp 1 cây gỗ to, 100 tấm tranh, 40 cây tre, 1 tạ củi, v.v...

Người dân lao động còn bị đè nặng bởi nạn phạt vạ, "bắt nhuộm"¹. Bọn cà rá, tù trưởng, chánh tổng... muốn phạt vạ, bắt nhuộm bất kỳ lúc nào chúng muốn. Nhiều người không có để nộp, phải mang nợ suốt đời hay phải di ở làm nô lệ. Ở vùng người dân tộc Hrê, sự bóc lột về tô, nợ lãi càng nhiều, càng làm cho người lao động nghèo khổ thêm điều đúng.

Ở miền Tây Quảng Ngãi không những chỉ có sự áp bức về dân tộc, mà ở nhiều vùng, sự bóc lột và áp bức giai cấp cũng đã khá nặng nề. Cũng vì lẽ đó mà cuộc đấu tranh chống đối lại áp bức bóc lột giai cấp diễn ra liên tục và quyết liệt.

Từ thế kỷ XVIII, trong những cuộc nổi dậy của các dân tộc ít người chống lại bọn thống trị phong kiến ở Đàng Trong, sử sách còn ghi lại những cuộc khởi nghĩa khá dữ dội của đồng bào các dân tộc ở miền núi Quảng Ngãi. Đồng bào các dân tộc ở đó cũng đã chịu ảnh hưởng của phong trào Tây Sơn và cũng đã từng ủng hộ những người anh hùng "áo vải, cờ đào", dấy nghĩa, dựng nước. Từ thời nhà Nguyễn Gia Long cùng với nhân dân các tỉnh, họ đã liên tục nổi dậy chống lại bọn quan tướng đầu sỏ như Lê Văn Duyệt, Nguyễn Tấn, Nguyễn Thân trong một cuộc đấu tranh bền bỉ kéo dài hàng chục năm. Bọn quan lại trải qua bao năm vất vả cũng không thuận phục được các dân tộc ở đây. Chúng đã xây một lũy dài gọi là "lũy bình Man" hay "lũy Mọi" dài 37.479 trượng (120km) chạy dài từ miền Nam Quảng Nam dọc theo các chân núi đến Bắc Bình Định, để ngăn chặn các cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc tràn xuống trung châu.

Thực dân Pháp đến xâm lược nước ta, sau khi tạm ổn định được sự thống trị ở đồng bằng, vào khoảng cuối thế kỷ

1. Tục lệ ở miền núi khi ai xâm phạm đến phong tục, tập quán thì bắt phải cúng tế để trừ hậu quả, hay phải bồi thường bằng vật chất để chuộc tội.

XIX đầu thế kỷ XX, chúng bắt đầu xâm nhập miền Tây Quảng Ngãi. Chúng đã duy trì trong một thời gian dài chế độ cai trị của triều đình nhà Nguyễn. Sự thống trị càng thêm hà khắc nên nhân dân càng tích cực chống lại. Không có năm tháng nào không có những cuộc nổi dậy vũ trang chống bắt sưu, thu thuế, chiếm đất đóng đồn, đàn áp, khủng bố.

Công cuộc vũ trang chống Pháp của đồng bào các dân tộc đã lên đến đỉnh cao vào khoảng năm 1937 với cuộc khởi nghĩa được gọi là phong trào "Nước Xu Đổ", một bộ phận nổi dậy của đồng bào các dân tộc ở Bắc Tây Nguyên do Sam Bram đề xướng.

Phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc miền núi Quảng Ngãi đã sớm chịu ảnh hưởng của cuộc đấu tranh chống thực dân, phong kiến của đồng bào trung châu do Đảng ta lãnh đạo. Từ sau khi giặc Pháp đem các chiến sĩ cách mạng người Kinh lên giam cầm ở nhà lao Trà Bồng hay đày ải ở căng an trí Ba Tơ, thì ảnh hưởng của Đảng lại càng được thấm sâu trong nhân dân.

Đặc biệt là ngày 11 tháng 3 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi và chi bộ căng an trí Ba Tơ, các chiến sĩ cách mạng và đồng bào dân tộc ở quanh châu lỵ Ba Tơ đã đứng lên khởi nghĩa, chiếm châu lỵ, thủ tiêu ách thống trị của thực dân, phong kiến, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Đội du kích Ba Tơ được thành lập, chiến khu kháng Nhật được xây dựng làm căn cứ để phát triển phong trào ra khắp cả tỉnh, tích cực chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi vào tháng Tám năm 1945.

Một ngày sau khi có lệnh khởi nghĩa, ngày 15 tháng 8 năm 1945, phối hợp với các đội du kích, nhân dân các huyện

miền núi đã tiêu diệt xong các đồn bốt của phát xít Nhật và thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng ở thôn xã và châu. Từ đó đã mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ nhân dân các dân tộc đứng lên làm chủ núi rừng và tham gia tích cực vào sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Sau Cách mạng tháng Tám, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, cuộc sống của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi được sự quan tâm, chăm sóc của Đảng và Chính phủ, đã có nhiều biến đổi to lớn về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

Những biến đổi đó đã va chạm đến quyền lợi của bọn phản động trong tầng lớp trên ở địa phương. Bọn chúng dựa vào thân quyền và được sự giúp đỡ và xúi giục của thực dân Pháp đã gây ra vụ phản cách mạng đẫm máu ở Sơn Hà năm 1950. Nhưng không bao lâu, đồng bào Hrê ở Sơn Hà nghe theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhanh chóng thấy rõ bộ mặt gian ác của thực dân Pháp và bọn tay sai, đã đoàn kết lại cùng với chính quyền và quân đội quét sạch bọn phiến loạn ở địa phương và đánh bại các cuộc hành quân ứng cứu của Pháp từ Kon Tum xuống. Sau đó Đảng và Chính phủ vừa tích cực chăm lo cải thiện đời sống cho quần chúng, vừa ra sức xây dựng miền Tây trở thành vùng căn cứ kháng chiến mạnh cả về ba mặt chính trị, quân sự, kinh tế. Chính sách dân tộc của Đảng được thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ, có ảnh hưởng lớn đến đời sống các dân tộc. Vì vậy, nhân dân các dân tộc miền Tây đã đoàn kết, hăng hái tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến và bảo vệ vùng tự do. Họ đã tỏ lòng biết ơn vô bờ bến đối với Đảng, với Bác Hồ vĩ đại, vị lãnh tụ vô vàn kính yêu của tất cả các dân tộc anh em trong đại gia đình Tổ quốc Việt Nam.

Đến tháng 7 năm 1954, khi Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, hoà bình được lập lại, Quảng Ngãi là một tỉnh hoàn toàn tự do. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Ngãi và Liên khu 5 vừa thu được những thắng lợi vô cùng to lớn. Phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ và Điện Biên Phủ, quân và dân Liên khu 5 với chiến dịch lịch sử Đông Xuân 1953-1954, đã hoàn toàn đánh bại chiến dịch Ất-lăng, một mũi tiến công chủ yếu của kế hoạch Na-va. Vùng tự do không những được giữ vững mà còn mở rộng ra sau khi tỉnh Kon Tum và hầu hết tỉnh Gia Lai được giải phóng. Nhân dân vô cùng phấn khởi, tràn đầy khí thế chiến thắng. Nhưng để thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, vì lợi ích chung của cả nước, bộ đội và cán bộ phải chuyển quân tập kết ra miền Bắc. Vùng tự do, trải qua 9 năm kháng chiến được củng cố và mở rộng với bao nhiêu thành quả tốt đẹp của chế độ dân chủ nhân dân, giờ đây phải sống dưới sự quản lý tạm thời của đối phương. Lịch sử đã sang trang, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta lại bước sang giai đoạn mới. Biết bao tình huống, bao sự kiện, bao nhiêu vấn đề đã đặt ra giữa ta và địch. Cùng với nhân dân toàn miền Nam, nhân dân trong tỉnh, nhân dân miền Tây Quảng Ngãi bước vào một giai đoạn đấu tranh đầy gian khổ, gay go và quyết liệt.

Câu hỏi 2: Làm rõ thêm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và truyền thống yêu nước của nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi?

TRƯỜNG : QUẢNG NGÃI
308
GIÁ CHỈ

Trả lời:

Trà Bồng là huyện miền núi nằm ở Tây Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Phía Đông giáp hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh; phía

Tây giáp huyện Tây Trà; phía Nam giáp huyện Sơn Hà; phía Bắc giáp huyện Trà My và huyện Núi Thành (tỉnh Quảng Nam). Diện tích 418,75km².

Trà Bồng xưa là một trong bốn "nguồn" (đơn vị hành chính thời phong kiến) của tỉnh Quảng Ngãi, thường được gọi là nguồn Đà Bồng, đến đời vua Minh Mạng (1820-1840) đổi là Thanh Bồng, một thời gian sau mới đổi thành Trà Bồng. Nguồn Trà Bồng về mặt hành chính có lúc gọi là châu, là đồn, gồm 3 tổng, 34 sách (làng).

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, châu Trà Bồng đổi là huyện Trà Bồng¹, hình thành 13 xã: Trà Khê, Trà Phong, Trà Quân, Trà Lâm, Trà Giang, Trà Thanh, Trà Lãnh, Trà Nham, Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình. Đến năm 1951, 3 xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình (nguyên là làng Xuân Khương, Đông Phú, Bình Hoà thời Pháp thuộc) cắt giao cho huyện Bình Sơn, thành một xã Bình Lâm.

Từ năm 1954, chính quyền Sài Gòn tiếp quản, đến giữa năm 1958, đổi huyện Trà Bồng thành quận Trà Bồng, đổi tên xã cũ thành tên xã mới (cũng lấy chữ Trà làm đầu): xã Trà Xuân đổi thành xã Trà Khương, xã Trà Giang đổi thành xã Trà Nhĩ, xã Trà Thủy đổi thành Trà Bắc, xã Trà Sơn đổi thành Trà Lang, xã Trà Thanh đổi thành Trà Đoài, xã Trà Lâm đổi thành Trà Bình, xã Trà Lãnh đổi thành Trà Trung, xã Trà Nham đổi thành Trà Thượng, xã Trà Quân đổi thành Trà Hương, xã Trà Khê đổi thành Trà Hoa, xã Trà Phong đổi thành Trà Thạnh. Quận lỵ đặt ở xã Trà Khương (Trà Xuân).

1. Các sách cũ nhập thành các xã mới, các làng tây Bình Sơn nhập vào huyện Trà Bồng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng kháng chiến quyết định cắt các xã phía Nam Cà Đam của huyện Sơn Hà có dân tộc Cor đang sinh sống là các xã Sơn Thọ, Sơn Hiệp, Sơn Bùi, Sơn Tân nhập vào Trà Bồng, đổi thành xã Trà Thọ, Trà Hiệp, Trà Bùi, Trà Tân. Có thời, các xã phía Đông Bắc được cắt thành Khu 1, các xã quanh núi Cà Đam được tách lập thành Khu 2, các xã phía Tây huyện cắt lập thành Khu 9, trực thuộc vùng căn cứ địa của Tỉnh ủy.

Nguồn Trà Bồng là nơi dân tộc Cor cư trú, phía Tây và phía Bắc tiếp liền với nguồn Trà My tỉnh Quảng Nam, phía Nam tiếp với nguồn Thanh Cù.

Nguồn Trà Bồng là một vùng vô cùng hiểm trở, với lớp lớp núi cao dốc đứng, các khối núi tiếp liền nhau chỉ để lại bên dưới khe sâu thăm thẳm mà không có những thung lũng thoáng rộng như các nguồn khác ở phía Nam. Địa hình đồi núi của Trà Bồng rất có lợi thế về mặt chiến thuật trong phát triển chiến tranh du kích, đặc biệt Trà Bồng còn có vô số các dòng suối chảy len lỏi giữa các khe núi sau đó đổ ra sông với nhiều sản vật nên đã được chọn làm căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Về hệ thống núi đồi, có thể giới thiệu một số ngọn núi lớn sau đây:

Núi Cà Đam: cao 1.650m trên vùng núi Tây Bắc tỉnh Quảng Ngãi, trải dài từ phía Nam của huyện Tây Trà đến phía Tây của huyện Trà Bồng. Cà Đam là tên gọi thông dụng hiện nay, phiên âm từ tiếng Kor Ka Dhop. Thời xưa sách chữ Hán gọi núi này là Vân Phong, được liệt vào hàng "danh sơn", nằm trong 10 cảnh đẹp Quảng Ngãi với mỹ danh "Vân Phong dạ vũ". Sách "Phủ Man tạp lục" của tác giả Nguyễn Tấn thì gọi đây là núi Chủ Sơn do người Cor xem đây là núi

Chúa, tựa như người Việt có ý niệm về "tổ sơn", tức "ông bà" sinh ra các núi khác. Cà Đam gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử.

Năm 1938, hưởng ứng phong trào của "Nước Xu Đỏ" của các dân tộc Bắc Tây Nguyên, người Cor dưới sự chỉ huy của các thủ lĩnh nghĩa quân như cụ Gia, cụ Châu, cụ Phú, cụ Tài đã từ vùng núi Cà Đam dẫn các đoàn nghĩa quân Cor về tấn công châu ly Trà Bồng. Cuộc tấn công thất bại, đoàn nghĩa quân nép về núi Cà Đam cố thủ. Một số làng người Cor tránh xấu thuế và sự ruồng bỏ của quân Pháp cũng chuyển làng lên núi Cà Đam sinh sống, bất hợp tác với địch. Nghĩa quân Cor được duy trì và phục đánh nhiều lần quân Pháp đi tuần tiễu, hòa nhập vào đội quân cách mạng. Những năm đầu đen tối trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cơ quan đầu não của tỉnh Quảng Ngãi cũng đóng ở vùng núi Cà Đam, dựa vào thế hiểm yếu của rừng núi, nhất là dựa vào người dân Cor giàu lòng yêu nước và cách mạng.

Núi Răng Cưa: Nếu như Cà Đam được gọi là "tổ sơn" ở Đường Rừng, thì Răng Cưa cũng là núi cao ở vùng Đường Nước. Răng Cưa cao trên 1.000m, nằm ở xã Trà Hiệp, giáp với nguồn Trà My tỉnh Quảng Nam. Núi Răng Cưa là cách nói thường dùng trong tiếng phổ thông hiện nay, còn trong tiếng Cor, núi có tên là Ngók Ca Ghé, gắn với chuyện huyền thoại thần dâng nước lên và đi ghe chơi, giận thần núi, cho ghe băng qua đồi núi, để lại ba vết trên đỉnh hình sóng ghe. Núi Răng Cưa còn có tên gọi khác là núi Cú Xi. Do núi có năm ngọn nhọn hoắt, nhìn từ xa núi tựa như những ngón tay, nên núi cũng có tên là núi Ngũ Chỉ (năm ngón tay).

Ngoài hai ngọn núi kể trên, Trà Bồng còn có nhiều ngọn núi hiểm trở và phong cảnh đẹp khác như núi Chớp Vung, núi Cà Đú...

Về sông ngòi, Trà Bồng có các sông: sông Trà Bồng, sông Giang, sông Trà Bói, suối Cà Đú, suối Trà Càn, suối Nun.

Sông Trà Bồng: Là con sông lớn nhất trong vùng người Cor cư trú, là một trong bốn con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi. Vùng người Cor cư trú chính là nguồn phát sinh của dòng sông, nên mới có tên là nguồn Thanh Bồng hay nguồn Trà Bồng. Sông từ vùng núi Trà Quân (Tà Kút) chảy xuống, theo hướng Tây Đông, góp nước từ vô vàn khe suối lớn nhỏ ở đôi bên, như suối Cà Tinh, Nước Vọt, Nước Nun, Trà Càn, Cà Đú, suối Nang, suối Vin, suối Cầu, suối Bà Lãnh, sông Trà Bói chảy thẳng về hướng Đông, xuyên qua huyện Bình Sơn, đổ ra cửa biển Sa Cần, tổng cộng chiều dài khoảng 55km. Trong tiếng Cor, sông Trà Bồng gọi là Đhắc Tà Boóc. Lòng sông có nhiều tảng đá lởm chổm, dòng chảy rất xiết, khi đang khô cạn mà có một trận mưa lớn là nước sông dâng đầy, ào ạt réo vang rừng.

Sông Giang: Tiếng Cor gọi là Đhắc Giang, phát nguyên từ vùng sườn núi phía Đông Bắc núi Cà Đam thuộc xã Trà Tân, chảy theo hướng Đông Nam rồi đến xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh nhập vào sông Trà Khúc. Phụ lưu của sông Giang có nhiều khe suối, trong lòng sông đầy đá tảng, sông Giang có nhiều ốc đá ngon.

Sông Trà Bói: Tiếng Cor gọi là Đhắc Thuá, là một con sông ngắn, phát nguồn từ núi Cơi Gú ở xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và Hòn Dú thuộc xã Trà Giang. Phụ lưu có Nước Nhỏ, Nước Ve. Từ Trà Giang, sông Trà Bói chảy về hướng Nam, nhập vào sông Trà Bồng. Sông Trà Bói nổi tiếng có nhiều cá niên.

Về dân cư, cư dân ở Trà Bồng chủ yếu là người Cor, người Kinh. Người Cor chủ yếu sống bằng nghề làm rẫy, trồng quế,

bấp, săn bắn, hái lượm, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm. Xã hội Cor xưa kia ở vào thời kỳ tiền giai cấp, tính cố kết cộng đồng cao, sống hiền hòa cần cù, có nhiều giá trị văn hóa cổ truyền đặc sắc. Người Kinh cư trú chủ yếu ở xã Trà Phú, Trà Bình và thị trấn Trà Xuân phía Đông huyện, ven trục lộ giao thông, chủ yếu làm ruộng nước và buôn bán, làm nghề thủ công và có sự giao lưu văn hóa với người Cor. Ngoài ra, còn có người Hrê chủ yếu sống ở xã Trà Tân. Người Cor, người Kinh, người Hrê ở Trà Bồng có truyền thống đoàn kết, có sự giao lưu buôn bán lâu đời và có truyền thống yêu nước khá nổi bật.

Kinh tế Trà Bồng nhìn chung còn chậm phát triển. Về nông nghiệp, các tài liệu cổ cho thấy nông nghiệp ở Trà Bồng xưa cũng có một số điểm đáng chú ý. Tập "*Quảng Ngãi tỉnh chí*" của Nguyễn Bá Trác và các tác giả in trên "*Nam Phong Tạp chí*" (1933) có ghi ở thời điểm ấy, Trà Bồng (gồm cả Tây Trà ngày nay) có 1.282 mẫu ruộng (461,52 ha) thu hoạch mỗi năm được 228 tấn lúa. Có thể hiểu số ruộng này phần lớn nằm ở vùng thấp của huyện và phần nhiều do người Kinh canh tác. Ngoài ra, không thấy ghi chép về loại cây trồng khác.

Về lâm nghiệp, quế là cây trồng đặc biệt của người Cor, đến nỗi nói đến người Cor là nói đến cây quế. Người Cor trồng quế thành rừng và nhờ quế mà có nhiều vật dụng cho sự sinh tồn của mình.

Ngay từ xưa vùng Trà Bồng đã nổi tiếng với loại cây trồng đặc chủng là cây quế, thường được gọi là quế Quảng. Bên cạnh một ít quế rừng mọc tự nhiên, người Cor chuyên việc trồng quế trên rẫy, thành rừng. Nhiều thương nhân người Kinh đã lên làng người Cor để mua, đem về xuôi bán lại cho

người Hoa xuất khẩu. Thời nhà Nguyễn, hàng năm các vua Nguyễn đều cho đặt mua quế Trà Bồng. Ngoài việc trồng quế, hoạt động lâm nghiệp của người Cor chủ yếu là khai thác sản vật ở rừng.

Về tiểu thủ công nghiệp, ở Trà Bồng chủ yếu vẫn là các nghề thủ công mang tính tự túc, tự cấp của người Cor, trong đó chủ yếu là đan lát các vật dụng dùng cho sinh hoạt và sản xuất như gùi các loại, chiếu nằm, chiếu phơi lúa, mùng, giỏ nốt gà,... với những nét đan lát khá tinh xảo. Vật liệu đan chủ yếu dùng mây, cây lừng, nứa. Nghề thủ công của người Kinh thì chủ yếu là các nghề thông dụng như hồ, mộc, làm gạch ngói, rèn, khai thác đá...

Mặc dù cho đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, đồng bào dân tộc Cor ở Trà Bồng vẫn trong trạng thái kinh tế, xã hội thời tiền giai cấp nhưng đã có giao thương xuôi ngược với người Kinh, người Hoa từ rất sớm. Chợ Thạch An nằm ở phía Tây huyện Bình Sơn là một điểm giao thương khá sầm uất từ nguồn về biển. Người Cor mang quế đến bán, mua về nôi, niêu, công, chiêng, ché, vải, muối, gạo, rìu, rựa tức những vật dụng thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất. Cũng rất phổ biến là các thương nhân người Kinh mang công hàng hóa lên các làng nóc nằm ở phía lưng chừng các núi để thực hiện việc buôn bán tại chỗ.

Từ nhiều năm trước, đường từ miền xuôi lên nguồn Trà Bồng đã có nhưng chỉ là đường đất. Trà Bồng được xem là vùng rừng thiêng nước độc, xa xôi hiểm trở. Châu ly Trà Bồng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 tuy đã có nhưng còn sơ sài, chỉ có đồn binh và nhà cửa quan lại cai trị.

Nhân dân các dân tộc ở Trà Bồng có truyền thống yêu nước nồng nàn, có tinh thần anh dũng chống thực dân, phong kiến. Truyền thống vẻ vang này đã có từ lâu đời.

Dù có số dân ít ỏi, đời sống chỉ mới ở thời kỳ nguyên khai nhưng người Cor Trà Bồng và các dân tộc anh em đã biết nhận thức về đất nước và tham gia vào công cuộc bảo vệ đất nước từ khá sớm. Sự tham gia vào công cuộc bảo vệ đất nước xưa kia không hoàn toàn được ghi chép rõ trong lịch sử, nhưng để lại dấu ấn trong nhiều truyện cổ tích. Đến thời lịch sử cận đại, đã có nhiều công trình nghiên cứu xác nhận sự đóng góp của các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi trong phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn vào cuối thế kỷ XVIII.

Nhân dân Trà Bồng đã đứng lên theo chủ động Cà Đam là Đinh Thung, phối hợp với nghĩa quân Tây Sơn ở Quảng Ngãi do Trần Quang Diệu cầm đầu, xây dựng vùng cao Cà Đam và vùng thấp Tuyên Tung Đồng Tranh thành hai căn cứ của Tây Sơn tả đạo, góp công vào việc giải phóng hai phủ Quy Nhơn - Quảng Ngãi năm 1773. Nghĩa quân Tây Sơn ở Trà Bồng do Đinh Thung chỉ huy nhiều lần kéo xuống trung châu tham gia đánh quan quân chúa Nguyễn, rồi kéo về đóng tại căn cứ Cà Đam. Khi phong trào Tây Sơn thất bại, đô đốc Long, một trong những tướng tài của Tây Sơn đã trốn lên vùng rừng núi Trà Bồng ngày nay để chiêu tập đồng bào các dân tộc thiểu số chống Nguyễn Ánh (Gia Long) và mất tại đó.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược, đô hộ Việt Nam, đồng bào Cor cũng bị áp bức nặng nề. Thực dân đóng đồn lính ngự ở Trà Bồng, thường dẫn quân đi tuần tiễu, ruồng bố ở nhiều vùng. Mỗi lần đi tuần bọn lính thực dân bắt đồng bào phải cung phụng đủ điều, nào khiêng công cho quan binh, nào lo cho việc ăn của tốp lính và dâng cống sản vật là các đặc sản ở rừng. Ở vùng phía Tây, thực dân Pháp đã mở đường lên Bắc Tây Nguyên nhằm tăng cường ách áp bức, bóc

lột. Thực dân áp đặt chế độ xấu, thuế nặng nề. Nhân dân Trà Bồng đã tích cực tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp những năm 1871, 1872 do Nguyễn Tự Tân, Lê Trung Đình lãnh đạo. Đầu thế kỷ XX, ở vùng Nà Niêu có ông Đinh Boóc lãnh đạo nhân dân quanh vùng chống Pháp, trong khoảng thời gian 25 năm, từ năm 1900 đến năm 1925. Vùng người Cor giáp với người Kinh ở vùng Tây các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, nhiều người đã tham gia vào phong trào "khất thuế cự sưu" rầm rộ của đồng bào miền xuôi nổ ra vào tháng 3 năm 1908. Năm 1937, Sam Bram dấy lên phong trào yêu nước mang màu sắc thần bí Nước Xu hay Nước Thần ở Bắc Tây Nguyên. Các làng người Cor truyền tai nhau rằng trên cao nguyên Kon Tum có thứ nước có thể khiến súng đạn Pháp bắn không thủng. Người từ các làng Cor bán sản vật kiếm ít tiền, mang tiền xu đổ lặn lội đi bộ hàng chục ngày trời lên vùng Đăk Glây trên cao nguyên Kon Tum để đổi lấy "nước thần" về chiến đấu chống Pháp. Mùa hè năm 1938, bốn vị già làng là ông Gia, ông Châu, ông Phú, ông Tài dẫn bốn đoàn quân Cor xuống đánh úp đồn Trà Bồng. Trước khi đi, các đoàn quân làm lễ đâm trâu, cầu thần thánh phù hộ và mọi người đều xoa "nước thần" lên mình với niềm tin rằng thứ nước này sẽ làm cho súng đạn Pháp trở nên vô hiệu. Mọi người mang theo tên, ná, giáo, mác. Bốn đoàn quân Cor định sẽ phóng lửa đốt đồn Trà Bồng, đốt nhà tên kiếm lý châu lỵ. Đang đêm, đoàn quân tin vào "nước thần" kéo đến bao vây rồi xông vào đồn nhưng bất thần quân Pháp trong đồn bắn xối xả, khiến nhiều người trúng đạn. Đoàn quân "nước thần" bất ngờ, rối loạn rút lui. Sau cuộc khởi nghĩa này, thực dân Pháp càng đưa quân đi ruồng bố bắn giết, siết chặt ách thống trị, bắt đồng bào đi xấu, nộp thuế. Các làng Cor phía Bắc núi

Cà Đam theo cụ Gia kéo dân lên đỉnh núi Cà Đam để nương tựa nhau và tìm cách đánh Pháp. Cụ Châu ở vùng Tây Bắc núi Cà Đam cùng các già làng dựa vào thế hiểm của Làng Reo để chống Pháp. Cụ Tài cùng dân làng Búp phía Tây núi Cà Đam chuyển làng từ ngã ba Nước Riêng - Tà Ích lên đầu nguồn sông Tang. Pháp càng vây ép, các làng càng trườn lên cao, sống tạm trong các hang đá và các căn lều nhỏ. Nghĩa quân và dân các làng thống nhất dưới sự chỉ huy của cụ Gia. Nghĩa quân Cor được chia thành từng tốp đi bố phòng chiến đấu với giặc Pháp. Vũ khí chỉ là những thứ tự tạo theo cách xưa: giáo, mác, tên tẩm thuốc độc, các loại mang cung, hầm heo, bẫy đá.

Đầu năm 1939, ở Gò Rô, cụ Chân, cụ Bung chỉ huy nghĩa quân đánh với một trung đội lính khố xanh. Quân địch bị dính tên nả, bẫy đá, hầm heo, chết và bị thương quá nửa. Bên ta, cụ Chân và hai nghĩa quân hy sinh. Mấy ngày sau, Pháp đưa quân lên vùng Tà Ích để trả thù, bị nghĩa quân bắn trả và giẫm chông. Địch bao vây căn cứ Cà Đam bắt dân các làng Cor đi trước nhổ chông, gỡ thò. Dân các làng Cor bên dưới trì hoãn việc nhổ chông hoặc nhổ chỗ nọ đi cắm chỗ kia, ban ngày nhổ, ban đêm đến cắm lại. Các làng trên núi thì tăng cường thêm việc râm đường, đặt bố phòng. Nghĩa quân và nhân dân tiếp tục kéo dân lên cao.

Mùa hè năm 1942, đội nghĩa quân Cor với khoảng 100 người chặn đánh cuộc truy lùng của giặc Pháp. Con trai của cụ Gia là anh Thuộc bắn tên độc giết chết tên La Borte, quan hai đồn trưởng Trà Bông. Đến khoảng tháng 9, tháng 10 năm đó, đang mùa tuốt lúa. Chánh tổng Niêm dẫn quân địch lên càn quét, đốt nhà, phá rẫy. Các thủ lĩnh phỏng đoán rằng giặc bỏ trống đồn Trà Bông, bèn dẫn nghĩa quân Cor lên

xuống định chiếm đồn. Nghĩa quân đốt nhà chánh tổng Tám rồi rút nhanh về, qua nhà giết anh em chánh tổng Niêm. Địch vừa siết chặt bao vây căn cứ, vừa dụ hàng, nhưng nghĩa quân cương quyết cự tuyệt. Cuộc sống trên núi Cà Đam rất khắc nghiệt, khó làm rẫy, lại bị chặn các ngã đường tiếp tế từ dưới lên, nên nghĩa quân và dân các làng trên núi khổ quần. Có người không còn áo mặc, phải mặc vỏ cây. Riu rạ, giồng má, muối không có để dùng. Lực lượng phải chia hai. Một bộ phận ở lại với cụ Gia tại căn cứ Cà Đam. Một bộ phận khác theo cụ Tài vào Nà Niêu, xây dựng căn cứ bên sông Tang. Nghĩa quân tiếp tục cố thủ, chịu đựng vô vàn gian khổ và chiến đấu chống địch. Đến đầu mùa rẫy năm 1945, nhân được các làng lên báo tin bọn Pháp và chính quyền tay sai đã chạy cả rồi. Cụ Tài dẫn nghĩa quân xuống châu lỵ Trà Bồng định chiếm đồn giặc, nhưng đến nơi lại đụng quân Nhật và tay sai, phải rút về.

Cũng cần nói rõ thêm rằng, từ năm 1940, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã biết về cuộc khởi nghĩa của đồng bào Cor trên núi cao. Tháng 4 năm 1940, ban lãnh đạo của tỉnh đã bí mật mở hội nghị đại biểu ở gần đồn châu lỵ Trà Bồng do đồng chí Nguyễn Công Phương chủ trì, để triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 về đường lối giải phóng dân tộc, đã đặt vấn đề liên lạc với căn cứ của nghĩa quân. Trong những năm 1942 - 1943, nhất là từ sau khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11 tháng 3 năm 1945, từ vùng núi Ba Tơ và Di Lãng ở vùng núi phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, các chiến sĩ cộng sản đã quan tâm bắt liên lạc với các căn cứ kháng chiến của đồng bào miền cao Trà Bồng. Nhờ sự hỗ trợ của các lực lượng miền thấp, căn cứ kháng chiến dần được củng cố và trụ vững từ đó đến ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào miền cao Trà Bồng do

Phó Mục Gia và các thủ lĩnh nghĩa quân khác lãnh đạo đã kéo dài suốt bảy năm trời, vượt qua vô vàn gian lao thử thách, nhiều hy sinh, mất mát nhưng chí quyết không sờn, là tiêu biểu cho tinh thần quật khởi của nhân dân huyện Trà Bồng từ trước khi có Đảng lãnh đạo. Phong trào đấu tranh của đồng bào Cor ở Trà Bồng từ "Nước Xu Đò" 1937-1938 đến năm 1945 phối hợp nhịp nhàng với phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình của đồng bào trung châu. Nó mang tính chất dân chủ, dân tộc khá sâu sắc.

Cũng như các địa phương khác trên cả nước, từ đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp nắm quyền cai trị và thực hiện chế độ thực dân hà khắc. Ở vùng núi, Pháp càng độc quyền khai thác tài nguyên, gạo, muối và các nhu yếu phẩm khác. Vùng dân tộc thiểu số không hề có trường học và tổ chức y tế. Chúng đặt ra và tăng các sắc thuế, xâu, bóc lột nhân dân ngày càng nặng.

Do gánh chịu xâu cao, thuế nặng triền miên, nên nhân dân Trà Bồng, nhất là dân tộc thiểu số phải sống cuộc đời đói rét cơ cực, quanh năm phải ăn củ mài, đàn ông thì đóng khố, đàn bà chỉ một mảnh vải để che thân. Năm nào cũng có hàng loạt người chết vì đói và dịch bệnh.

Có áp bức tất có đấu tranh. Nhưng Trà Bồng cũng như cả tỉnh, chưa tìm được một con đường đúng đắn chống thực dân giải phóng dân tộc, xoá bỏ áp bức bóc lột. Đến năm 1927, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền về Quảng Ngãi, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội) được thành lập do đồng chí Trương Quang Trọng làm Bí thư. Tháng 3 năm 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi chính thức thành lập, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư, hoạt động theo

đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Bắt đầu từ đây, cả tỉnh nói chung, huyện Trà Bồng nói riêng, phong trào yêu nước thoát khỏi khủng hoảng về đường lối.

Cuối 1930, tại Trà Bồng đã có hai đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản, đó là các ông Bùi Kha, Đào Du người làng Đông Phú (Trà Phú). Hai đồng chí Bùi Kha và Đào Du đã tuyên truyền vận động phát huy ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, tổ chức những người giác ngộ nhất vào lực lượng cảm tình nòng cốt của chi bộ và trở thành những đảng viên cộng sản.

Thực hiện quyết định của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (tháng 6 năm 1930) và quyết định tháng 9 năm 1930 của Tỉnh ủy, đảng viên và nòng cốt của Đảng ở Trà Bồng đã tuyên truyền sâu rộng chính cương, sách lược vắn tắt của Đảng, Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhân dịp thành lập Đảng. Đồng thời mở một đợt đấu tranh hưởng ứng phong trào Xô viết - Nghệ Tĩnh. Tổ chức Đảng ở Trà Bồng, huy động hơn 2.000 quần chúng vùng thấp Trà Bồng họp mít tinh, xuống đường biểu tình vào đêm 30 và đêm 31 tháng 1 năm 1931. Tuy cuộc biểu tình đã bị bọn thực dân Pháp đàn áp dã man, nhiều đồng chí cốt cán và đảng viên bị địch giết và cầm tù, nhưng phong trào cách mạng vẫn không bị dập tắt.

Tháng 5 năm 1931, quanh châu ly Trà Bồng lại nổ ra những cuộc biểu tình do những nòng cốt của Đảng lãnh đạo nhằm phản đối thực dân Pháp khủng bố trắng; để tang cho đồng chí Nguyễn Nghiêm, người Bí thư đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, bị Pháp xử tử ngày 23 tháng 4 năm 1931.

Nhân dân Trà Bồng được đứng trước một vận hội mới mẻ, lớn lao. Năm 1942, tỉnh Quảng Ngãi đã có Ủy ban vận động cách mạng, sau đổi thành Ủy ban vận động cứu quốc, đồng thời là Tỉnh ủy lâm thời.

Ủy ban vận động cứu quốc của tỉnh đã đề ra nhiệm vụ khẩn trương tìm bắt liên lạc với các đồng chí ở các tổng, huyện, các nhà lao, củng cố an trí để truyền đạt Nghị quyết Trung ương 8, củng cố tổ chức Đảng và mở rộng cơ sở cách mạng trong quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh hình thành, phát triển và hoạt động rộng khắp trong tỉnh. Các đồng chí đảng viên cốt cán ở Trà Bồng bị tù ở các nhà lao lần lượt trở về. Phong trào cách mạng Trà Bồng được bổ sung thêm lực lượng lãnh đạo nòng cốt.

Vào khoảng cuối năm 1943, đầu năm 1944, tổ chức Đảng ở Trà Bồng đã nhận được tài liệu của Đảng, trong đó có Lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, điều lệ và chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh. Các tài liệu này đã được bí mật tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân vùng thấp Trà Bồng. Nhờ đó, nhiều đồng bào có nhận thức mới về đường lối chống đế quốc và phong kiến giải phóng dân tộc.

Như vậy, trước khi được Đảng lãnh đạo, các dân tộc anh em trên đất Trà Bồng đã không ngừng đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Đến khi các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trà Bồng ra đời, với đường lối lãnh đạo đúng đắn, các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Trà Bồng càng được nhân lên mạnh mẽ. Lòng yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất và tinh thần đoàn kết của nhân dân các dân tộc Trà Bồng đã góp phần viết nên trang sử vẻ vang cho

nhân dân Quảng Ngãi. Lịch sử cho thấy, các phong trào đấu tranh của đồng bào vùng cao luôn luôn có xu hướng phát triển và gắn liền với phong trào đấu tranh của người Kinh ở vùng thấp. Nhờ đó, đã tạo nên sức mạnh to lớn cho các phong trào yêu nước ở Trà Bồng, làm phân tán và chia rẽ lực lượng địch, khiến chúng phải bị động, lúng túng, không thể dập tắt được các phong trào cách mạng, tạo điều kiện cho việc giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 sau này.

Câu hỏi 3: Vài nét về sự ra đời và phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng trong kháng chiến chống Pháp?

Trả lời:

Trước những ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Mặt trận Việt Minh, tại Trà Bồng, nhân dân càng đấu tranh quyết liệt hơn với địch, không nộp thuế, không đi sưu. Đặc biệt, tin thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11 tháng 3 năm 1945 ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp và việc thành lập Đội du kích Ba Tơ lan đến Trà Bồng, đã làm cho tổ chức Đảng, các cơ sở cách mạng và nhân dân càng thêm tin tưởng, phấn khởi, tạo nên khí thế cách mạng mới sôi nổi hơn bao giờ hết.

Những cơ sở cách mạng nòng cốt và một số thanh niên giác ngộ sớm được tập hợp vào tổ chức "Đoàn kết chống áp bức", tổ chức tập võ, chuẩn bị cho việc giành chính quyền. Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1945, nhiều người được kết nạp vào Mặt trận Việt Minh của huyện, đông đảo hơn cả là ở các xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình.

Ngay sau khởi nghĩa Ba Tơ, nhiều đồng chí lãnh đạo ở vùng thấp đã cho người giả làm lái buôn, lên liên lạc với các già làng vùng cao, bàn việc đánh Nhật, giành chính quyền.

Tổ chức Việt Minh các làng, nóc ở nhiều xã trong huyện được thành lập. Đến tháng 4 năm 1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi có chỉ đạo là *"Phải kiên nhẫn đập tan các tổ chức tay sai của Nhật, vạch trần những luận điệu lừa bịp của chúng, vận động quần chúng đứng lên đấu tranh chống lại việc bắt phu, bắt lính, lạm quyền của giặc Nhật, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối chính sách của Đảng trong nhân dân, giành lấy ưu thế tuyệt đối về chính trị ở cả miền núi, nông thôn, đồng bằng và thị xã, thị trấn"*.

Vốn mang trong người dòng máu yêu nước và lòng căm thù bọn đế quốc cướp nước cùng bè lũ tay sai bán nước, lại tiếp thu được sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Trà Bồng đã sớm nhận rõ chân tướng kẻ thù mới - đó là phát xít Nhật.

Cùng thời gian đó, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đại đội du kích Ba Tơ Phan Đình Phùng đã được chuyển ra phía Bắc tỉnh, xây dựng chiến khu Vĩnh Sơn, lập xưởng rèn đúc vũ khí Từ Nhại tại Vĩnh Tuy (Tĩnh Hiệp, Sơn Tịnh) giáp với xã Trà Bình. Từ đây Đội du kích Ba Tơ bám vào quần chúng, luyện quân, tập võ, phát triển lực lượng cách mạng, mở ra một cao trào tiên khởi nghĩa sôi động khắp các huyện phía Bắc của tỉnh, trong đó có Trà Bồng.

Trong giai đoạn này, các thôn thuộc các xã Trà Bình, Trà Phú, Trà Xuân đều xây dựng được các đội tự vệ, do các đồng chí Đại đội Phan Đình Phùng huấn luyện. Tháng 6 năm 1945 tại xã Trà Bình thành lập 1 đội du kích mật gồm 36 đội viên. Đồng chí Phan Phước giữ chức Đội trưởng, đồng chí Trần

Minh Cẩn làm Chính trị viên. Ngày 3 tháng 8 năm 1945 đồng chí Phan Phước cùng hai đồng chí khác của Đội du kích Trà Bình là Trần Minh Huấn và Đoàn Lưu Khánh thoát ly vào Đội du kích Ba Tơ ở Đại đội Phan Đình Phùng, sau này làm nòng cốt trong tổng khởi nghĩa giải phóng Trà Bồng (ngày 15 tháng 8 năm 1945). Các đội tự vệ cứu quốc đã làm nòng cốt vận động nhân dân tích cực ủng hộ Đội du kích Ba Tơ. Nhiều lương thực, quần áo, thuốc men được nhân dân gửi, cống, chuyển đến chiến khu Vĩnh Sơn.

Đêm 13 tháng 8 năm 1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa.

Lúc này, được tin Nhật đầu hàng đồng minh, Ban Lãnh đạo Khởi nghĩa Quảng Ngãi thấy thời cơ đã đến, nên chiều ngày 14 tháng 8 năm 1945 cũng phát động lệnh khởi nghĩa.

Đêm 14 tháng 8 năm 1945, đảng viên và cán bộ Việt Minh ở Trà Bồng nhận được chỉ thị khẩn cấp tổng khởi nghĩa của trên, đã nhanh chóng triệu tập ngay lực lượng nòng cốt đã được xây dựng từ trước và phân công một bộ phận chặt cây chặn đường từ Châu Ổ lên để ngăn cản giặc Nhật, một bộ phận vây bắt Việt gian, một bộ phận phối hợp với lực lượng du kích Ba Tơ vây đánh chiếm đồn Trà Bồng, bộ phận khác thì huy động nhân dân may cờ đỏ sao vàng.

Hai trung đội du kích Ba Tơ do đồng chí Võ Thứ chỉ huy, từ chiến khu Vĩnh Sơn kéo ra Trà Hòa (nay là Trà Bình), đi theo phía Bắc xã Trà Phú, lên xã Trà Thủy, qua xã Trà Xuân, bí mật áp sát châu ly. Nhờ sự phối hợp tích cực của các đội tự vệ và nhân dân địa phương, lực lượng du kích Ba Tơ đã đánh chiếm đồn kiểm lý và đồn Tây vào đêm 15 tháng 8 năm 1945. Tên kiểm lý và binh lính đồn Tây đều đầu hàng. Đa số lý trưởng nộp đồng triện (con dấu đồng) xin đi theo cách

mạng. Chính quyền địch cai trị, áp bức đồng bào ta mấy mươi năm nay đã bị đập tan.

Trong giờ phút lịch sử đó, nhân dân các dân tộc Trà Bồng hò reo mừng thắng lợi của cách mạng, vây quanh chào mừng các chiến sĩ du kích Ba Tơ, mà trong đó có nhiều chiến sĩ là con em của quê hương Trà Bồng. Khắp các vùng thấp, vùng cao đâu đâu cũng phấp phới cờ đỏ sao vàng.

Khởi nghĩa thắng lợi, Ủy ban nhân dân cách mạng Trà Bồng được thành lập và ra mắt nhân dân. Đồng chí Đào Du làm Chủ tịch, ông Đinh Bạch Châu làm Phó Chủ tịch, ông Ngô Tùng Chánh làm Ủy viên thư ký. Đồng thời chính quyền cách mạng các xã lần lượt được thành lập. Từ đây, nhân dân các dân tộc Trà Bồng hòa chung niềm vui với đại gia đình các dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ áp bức, bóc lột của bọn thực dân phong kiến, trở thành người làm chủ đất nước.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nhân dân các dân tộc Trà Bồng từ thân phận nô lệ thấp hèn bước lên địa vị làm chủ đất nước, làm chủ núi rừng, nương rẫy, ruộng đồng, thôn xóm, bắt tay xây dựng chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân.

Trong lúc nhân dân Trà Bồng cũng như đồng bào cả nước, đang tập trung sức giải quyết nạn đói cơm, lụt muối, bệnh tật, mù chữ,... những tai họa do chế độ cũ để lại, thì ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, nổ súng xâm lược nước ta lần nữa.

Trước tình hình đó, cùng với đồng bào cả nước, đồng bào các dân tộc anh em Trà Bồng đồng tâm nhất trí quyết đứng lên chống giặc ngoại xâm.

Năm 1946, trên cơ sở các chi bộ Đảng được thành lập Đảng bộ huyện Trà Bồng đã lãnh đạo nhân dân trong huyện hăng hái thực hiện mọi mặt công tác để cứu đói xóa nạn mù chữ và chống giặc ngoại xâm.

Đi đôi với việc tổ chức các lớp học chữ, các xã trong huyện đều tập trung xây dựng lực lượng tự vệ. Những bài hát "*Tiến quân ca*", "*Diệt phát xít*", "*Cùng nhau đi hồng binh*"... cùng với những đội vệ quốc quân vào Nam đánh Pháp, đã có sức cổ vũ các tầng lớp nhân dân Kinh, Thượng ở Trà Bồng hăng hái tham gia dân quân tự vệ và các đoàn thể cứu quốc.

Tại các xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình, mỗi xã có 1 đội du kích, quân số khoảng từ 30-40 người. Những đội du kích này được các cán bộ du kích Ba Tơ của Đại đội Phan Đình Phùng trực tiếp huấn luyện, giáo dục.

Trong khi Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng đang ra sức phát triển thắng lợi của Cách mạng tháng Tám xây dựng chế độ mới thì thực dân Pháp ráo riết thực hiện dã tâm cướp nước ta. Ngày 21 tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp cho tàu chiến nã đại bác bắn phá thị xã Quảng Ngãi. Theo lệnh cấp trên, Tỉnh ủy chủ trương "*tiêu thổ kháng chiến*" chuyển các cơ quan của tỉnh và đại bộ phận nhân dân ở thị xã, thị trấn về nông thôn, huy động nhân dân xây dựng dân quân du kích và các phòng tuyến chiến đấu, chuẩn bị đánh giặc Pháp xâm lược.

Huyện ủy Trà Bồng đã mở hội nghị quân, dân, chính, Đảng toàn huyện để quán triệt nhiệm vụ chung, vạch ra những công tác cấp bách cho đảng bộ và quân dân trong huyện. Nhân dân Trà Bồng đã khẩn trương thực hiện các mặt công tác do Huyện ủy đề ra: hăng hái gia nhập dân quân, du kích, luyện tập các khoa mục cơ bản, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Đến cuối năm 1946 đã xây dựng được một trung đội bộ đội tập trung đầu tiên của huyện do đồng chí Nguyễn Lương làm Trung đội trưởng, đồng chí Huỳnh Kháng làm Chính trị viên. Đơn vị bộ đội tập trung làm nhiệm vụ cơ động toàn huyện và tham gia bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của huyện. Các tuyến bố phòng bằng chông, thò, cạm bẫy

được bố phòng ở các tuyến giáp ranh với huyện bạn. Nhiều thanh niên hăng hái tòng quân gia nhập Vệ quốc đoàn.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ những điều cam kết với Chính phủ ta. Đêm 19 tháng 12 năm 1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu bật ý chí của toàn dân tộc: "*Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*".

Thực hiện Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, nhận thấy tại Trà Bồng cần phải có một Ban quân sự để chuẩn bị tham gia kháng chiến, dưới sự chỉ đạo của trên, đầu năm 1947, cơ quan quân sự huyện (gọi là huyện đội) được thành lập. Đồng chí Phan Phước, quê ở Bình Thanh, Trà Bình làm Huyện đội trưởng, đồng chí Nguyễn Tài quê Trà Xuân làm Chính trị viên. Trong Ban chỉ huy, còn có các đồng chí Nguyễn Thoái, Lê Tấn Tòa, Võ Quế, Nguyễn Sáo, Lê Duy Quang được điều từ Bình Sơn lên tham gia công tác huấn luyện, vận động thanh niên các xã tham gia lực lượng dân quân du kích và bộ đội địa phương của huyện.

Câu hỏi 4: Trình bày quá trình củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, đấu tranh giữ vững vùng tự do, chi viện sức người, sức của cho chiến trường, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Trà Bồng?

Trả lời:

Tiếp theo Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 1946 Ban Thường vụ

Trung ương Đảng ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Tinh thần của chỉ thị khẳng định đường lối kháng chiến của Đảng ta trên những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, quyết tâm kháng chiến cực kỳ dũng cảm, hết sức chính xác, triệt để cách mạng. Đó là quyết tâm phát động cả nước đứng lên kháng chiến, là tinh thần cách mạng tiến công, là ý chí quyết tâm sắt đá của toàn dân tộc. Quyết tâm ấy dựa vào lòng tin vững chắc kháng chiến nhất định thắng lợi, tin chắc ở sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, tin tưởng vào sức mạnh tất thắng của quần chúng nhân dân.

Hai là, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài dựa vào sức mình là chính. Đó là đường lối của chiến tranh nhân dân, trên cơ sở động viên và tổ chức quần chúng sâu rộng. Toàn dân kháng chiến là nội dung xuyên suốt của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Toàn diện kháng chiến cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... huy động mọi tiềm năng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Lâu dài kháng chiến là chiến lược của chiến tranh nhân dân đánh với kẻ thù có ưu thế hơn ta về lực lượng quân sự, vừa đánh vừa bồi dưỡng sức dân để chuyển hóa so sánh lực lượng, dựa vào sức mình là chính để giành thắng lợi.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quán triệt chỉ thị của Trung ương, quân và dân Quảng Ngãi nói chung, huyện Trà Bồng nói riêng, nhất tề đứng dậy, sẵn sàng hy sinh chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Tháng 6 năm 1947, Đảng bộ Trà Bồng đã tổ chức Đại hội lần thứ nhất - Đại hội toàn thể đảng viên trong huyện. Sau khi kiểm điểm, đánh giá hoạt động của đảng bộ, các phong trào cách mạng của quần chúng trong huyện và kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy từ sau Cách mạng tháng

Tám 1945, Đại hội đề ra những chủ trương công tác lớn cho hai năm 1947 - 1948.

Thực hiện nghị quyết đại hội, huyện ủy chỉ đạo Ủy ban Kháng chiến hành chính, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt huyện vạch kế hoạch biện pháp cụ thể, phân công cán bộ đi sát các xã để hướng dẫn thi hành. Ủy ban Kháng chiến hành chính các xã được củng cố thay cho Ủy ban Hành chính trước đó, tăng cường thêm những cán bộ mới trưởng thành từ sau Cách mạng tháng Tám. Từ đây trở đi, bộ máy điều hành kháng chiến ở các xã ngày càng vững mạnh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện ủy, chính quyền, Mặt trận huyện xuống xã, đến dân đều được thông suốt, ngày càng đi vào nền nếp, đạt hiệu quả cao hơn.

Nhân dân Trà Bồng đã hăng hái thi đua đẩy mạnh phong trào sản xuất tự cấp, tự túc về lương thực, thực phẩm với khí thế hờ hởi. Đến cuối năm 1948 đầu năm 1949, Trà Bồng đã căn bản xóa được nạn đói kinh niên, tình không phải cứu đói cho Trà Bồng.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, huyện ủy phân công cấp ủy viên xuống xã triển khai thực hiện nghị quyết, đua phong trào thi đua vào chiều sâu, đạt được một số thành tích mới rất đáng phấn khởi. Đặc biệt là chăm lo phát triển đảng viên mới trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đến cuối năm 1949, tất cả 10 xã vùng cao đều có chi bộ Đảng.

Cơ quan huyện ủy lúc này được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, có các ban đảng, văn phòng phục vụ cho công tác lãnh đạo. Huyện ủy còn xây dựng cơ sở sản xuất gây quỹ đảng để chi tiêu cho hoạt động của Đảng bộ, huấn luyện cán bộ đảng viên, trợ cấp cho cán bộ thoát ly...

Thời gian này có 13 xã lần lượt mở đại hội các đoàn thể, xây dựng được Ban chấp hành Hội nông dân, Hội phụ nữ, chi đoàn thanh niên xã. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ xã, ban chấp hành các đoàn thể hoạt động ngày càng tốt hơn, thu hút ngày càng nhiều quần chúng vào các đoàn thể cách mạng, hướng dẫn hội viên tham gia các hoạt động cách mạng có hiệu quả hơn.

Về sản xuất tự cấp tự túc và thực hành tiết kiệm, đồng bào dân tộc các xã vùng cao đã có chuyển biến trong công việc làm ruộng lúa nước ở các nhà dọc sông, suối lớn. Đồng bào còn tía bắp, đậu, trồng bí, dưa xen kẽ với lúa rẫy, đẩy mạnh trồng, chăm bón và khai thác quế để đổi gạo, muối, vải. Nhân dân các xã vùng thấp đã đưa ruộng một vụ lên hai vụ một năm. Nhờ các biện pháp trên mà các năm 1948, 1949, 1950 Trà Bồng đã tự giải quyết được vấn đề lương thực. Trong phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm đã có nhiều gương điển hình tiên tiến đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Về quân sự, tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất, tháng 6 năm 1947, huyện ủy đã đề ra chủ trương là:

- Tăng cường công tác bố phòng, xây dựng lực lượng dân quân du kích, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ đánh giặc, giữ làng.

- Động viên nhân dân tích cực thực hiện "hũ gạo nuôi quân" đóng góp cho kháng chiến, nuôi dưỡng thương bệnh binh, thiết thực góp phần đẩy mạnh kháng chiến chống giặc Pháp.

Với sự ra đời của Ban quân sự huyện cùng trung đội bộ đội địa phương, đã làm nòng cốt trong thực hiện đường lối kháng chiến trường kỳ của Đảng. Phong trào toàn dân tham

gia kháng chiến đã được phát động và phát triển mạnh mẽ trong các đoàn thể, trong quảng đại quần chúng.

Đoàn thanh niên cứu quốc và Đoàn thanh niên Việt Nam huyện Trà Bồng đã hưởng ứng rầm rộ phong trào "*Phân đoàn thanh niên kiểu mẫu*", "*Phân đội thiếu niên kiểu mẫu*", đi đầu trong công tác bố phòng, gia nhập dân quân du kích, tòng quân nhập ngũ.

Ngày 6 tháng 2 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào cả nước: "*Kêu gọi đồng bào phá hoại, để kháng chiến... Đánh thì phải phá hoại... phải phá để chặn chúng lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng... Kháng chiến thắng lợi rồi tôi ra sức cùng đồng bào sửa sang tu bổ lại hết. Chúng ta sẽ làm những đường sá, cầu cống khéo hơn, những nhà cửa tốt hơn và xứng đáng với một dân tộc tự do, độc lập hơn*"¹.

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, Đảng bộ Quảng Ngãi đã phát động mạnh mẽ phong trào chiến tranh du kích, tiến hành công tác phá hoại, bố phòng, xây dựng làng chiến đấu một cách khẩn trương và triệt để.

Hưởng ứng phong trào đó, Ban Quân sự huyện Trà Bồng vận động và tích cực cùng nhân dân ngày đêm đổ ra đường, vừa phá hoại những đoạn đường xung yếu, quan trọng từ Châu Ổ đi Trà Bồng để ngăn chặn địch, vừa xây dựng vật chướng ngại, công sự chiến đấu.

Việc huấn luyện dân quân du kích, làm chông, thò, cạm bẫy, xây dựng các ổ tác chiến trên đường giao thông, trên từng tuyến chiến đấu, được tiến hành khẩn trương hơn trước.

1. Hồ Chí Minh, *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1970, tr. 171, 172.

Nhân dân còn đào khá nhiều giao thông hào, hầm tròn cá nhân để tránh bom đạn địch oanh tạc.

Lúc này, các xưởng quân giới, xưởng in của cấp trên được di chuyển đến Trà Bồng để tiếp tục hoạt động phục vụ kháng chiến và đề phòng địch bắn phá. Đồng bào các dân tộc Trà Bồng hăng hái đóng góp nhiều công sức vào việc xây dựng và bảo vệ các xưởng rèn đúc vũ khí, sản xuất đạn ba-dô-ca của Quân khu 5 tại xã Trà Bình, Trà Phú và ở thôn Tây xã Trà Xuân, Xưởng in tín phiếu của Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ tại xã Trà Bình.

Cùng với việc thường xuyên tổ chức luyện tập cho lực lượng dân quân du kích, huyện còn thực hiện vũ trang toàn dân, mỗi người dân là một người lính, với khẩu hiệu "vũ khí bất ly thân", tất cả mọi người dân khi ra đường, đi sản xuất, đều mang theo dao găm, mã tấu, dao kiếm... để sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng vây bắt biệt kích.

Việc phòng gian giữ bí mật, theo dõi kiểm soát người lạ mặt vào thôn nóc cũng được nhân dân đặc biệt chú ý. Người lạ đi đến đâu, gặp hỏi bất cứ người già, em bé những điều gì có liên quan đến kháng chiến, đều được trả lời "không biết, không nghe, không thấy". Nhờ vậy, bọn tình báo, gián điệp của địch có tai như điếc, có mắt như mù. Các cơ quan, đơn vị vũ trang, công binh xưởng, xưởng in tín phiếu của trên đặt tại Trà Bồng đều được nhân dân bảo vệ an toàn.

Để ghi nhận thành tích và công lao của nhân dân các dân tộc Trà Bồng và người lãnh đạo cao tuổi nhất đang làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện là cụ Phó Mục Gia, năm 1947, đồng chí Phạm Văn Đồng, thay mặt Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, trao tặng cụ Phó Mục Gia Huân chương Quân công hạng Nhì. Đây là huân chương cao quý nhất tặng cho nhân dân miền Nam lúc này.

Tháng 6 năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, triệu tập và chủ trì hội nghị dân quân thuộc các tỉnh phía Nam Trung Bộ. Hội nghị đã kiểm điểm đánh giá tình hình phong trào dân quân trong suốt thời gian qua, đấu tranh phê phán những thiếu sót và khuynh hướng sai lầm trong công tác xây dựng và hoạt động của dân quân các địa phương.

Trong hội nghị lần này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhắc nhở các đại biểu cần nắm vững những vấn đề chiến lược của chiến tranh du kích và phải tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cấp bách trước mắt là:

- Phát triển mạnh mẽ và rộng khắp dân quân du kích, nhất là trong vùng địch tạm chiếm và các vùng dân tộc ít người.

- Nhanh chóng kiện toàn các cơ quan chỉ đạo và chỉ huy dân quân du kích.

- Phối hợp chặt chẽ với Vệ quốc đoàn. Vệ quốc đoàn ở nơi nào, phải giúp đỡ, xây dựng, dìu dắt dân quân du kích.

- Luyện quân lập công, xây dựng làng chiến đấu. Đẩy mạnh sản xuất của dân quân du kích.

- Sản xuất tự túc một phần lương thực¹.

Thực hiện nghị quyết hội nghị dân quân Nam Trung Bộ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương: Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang. Chấn chỉnh kiện toàn hệ thống chỉ huy từ tỉnh đến huyện, xã. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự, chính trị ở các cấp, phát động toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang.

1. *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Tổng hợp, Nghĩa Bình, 1988, tr. 96.

Chủ trương của tỉnh nhanh chóng được thực hiện ở Trà Bồng. Phong trào toàn dân tham gia dân quân du kích sôi nổi khắp nơi. Mỗi xã đều được tập trung xây dựng từ 1 đến 2 trung đội dân quân để tổ chức huấn luyện làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc. Ban Quân sự huyện không ngừng được kiện toàn, đồng thời thành lập ở các xã, thôn có Ban chỉ huy xã đội và thôn đội.

Tại xã Trà Bình, nơi có phong trào sôi nổi nhất, năm 1947 đã thành lập Ban Chỉ huy xã đội lúc đầu do đồng chí Nguyễn Quế Anh làm xã đội trưởng, đồng chí Võ Hồng Sơn làm xã đội phó, đồng chí Trần Minh Cẩn làm Chính trị viên kiêm Chính trị viên đại đội tập trung của xã. Đến cuối năm 1947, đồng chí Trần Minh Cẩn được điều về huyện làm Chính trị viên đại đội tập trung của huyện, đồng chí Võ Hồng Sơn làm xã đội trưởng, đồng chí Đinh Âu làm xã đội phó, đồng chí Đinh Tấn Quang, Huyện ủy viên được điều về Trà Bình làm Phó Bí thư kiêm Chính trị viên xã đội.

Cùng với việc thường xuyên kiện toàn xã đội, các ban chỉ huy thôn, đội ở Trà Bình cũng được tập trung xây dựng. Thôn Bình Đông có Đinh Âu, Đinh Hoàng làm thôn đội trưởng và thôn đội phó. Thôn Bình Tân có Nguyễn Tống, Đỗ Ngọc Tự. Thôn Bình Thanh có Võ Dung, Đoàn Du. Thôn Bình Trung có Bùi Liễu, Ngô Bầy.

Các địa phương khác trong huyện, lực lượng dân quân du kích cũng được tập trung xây dựng và liên tục phát triển về quân số. Thực hiện chủ trương tự túc về lương thực, Ban quân sự huyện chỉ đạo các đơn vị tích cực tăng gia sản xuất. Huyện đã điều đồng chí Nguyễn Tấn Long, ở Trà Bình, lên giữ chức Trung đội trưởng kiêm phụ trách hậu cần, tài chính của Ban quân sự huyện.

Như vậy, ngay từ năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, quân dân Trà Bồng đã nêu cao tinh thần "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", biểu thị ý chí đoàn kết, quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp đến cùng.

Năm 1948, thực hiện Lời kêu gọi "Thi đua ái quốc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chủ trương của Đại hội Đảng bộ huyện Trà Bồng lần thứ hai, toàn huyện đã tập trung phát triển mạnh về phong trào nhân dân du kích chiến tranh, xây dựng bộ đội tập trung của huyện và dân quân du kích xã, thôn mạnh cả số lẫn chất lượng.

Từ tháng 2 năm 1948, phong trào "luyện quân lập công" lần lượt được phát động ở tất cả các đơn vị cơ sở. Ba kỹ thuật lớn là bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn được rèn luyện kỹ. Bộ đội còn học nhiều kỹ, chiến thuật khác để phục vụ cho đánh đồn, bót và đánh vận động. Du kích học thêm cách sử dụng vũ khí thô sơ, cách đánh dộn thổ, hóa trang, xây dựng làng chiến đấu.

Ngoài ra các đội "Bạch đầu quân" cũng được thành lập và tổ chức huấn luyện chu đáo, nhiều cụ đã cao tuổi nhưng rất tích cực tham gia luyện tập.

Phụ nữ Trà Bồng hăng hái thi đua sản xuất, tham gia hoạt động trong hội "*Mẹ chiến sĩ*", tích cực hưởng ứng phong trào "*Mùa đông binh sĩ*", "*Lập quỹ nuôi quân*", may áo trấn thủ và gửi thư, quà cho chiến sĩ ở chiến trường; nhận làm "*mẹ nuôi*", "*chị nuôi*" trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc thương bệnh binh.

Từ năm 1947 đến cuối năm 1949, đầu năm 1950, phong trào nhân dân du kích chiến tranh của huyện Trà Bồng từ vùng thấp đến vùng cao, đều phát triển khá. Xã nào cũng

xây dựng được một trung đội dân quân du kích bán tập trung. Lực lượng bộ đội tập trung của huyện đến năm 1950 đã phát triển thành hai trung đội. Các mặt công tác bố phòng, canh gác, tuần tra, huấn luyện đều đạt tiến bộ hết sức to lớn¹. Chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng vũ trang huyện Trà Bồng đã trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt xứng đáng là công cụ sắc bén của Đảng, là lực lượng nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc trên chiến trường địa phương, bảo vệ vững chắc vùng tự do Quảng Ngãi.

Đầu năm 1950, cuộc kháng chiến của quân và dân ta đang trên đà phát triển mạnh mẽ, làm cho thực dân Pháp lúng túng và suy yếu nhiều mặt. Trước tình hình đó, tháng 1 năm 1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng vạch rõ: "Cần phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sự giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch, gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị". Tiếp theo, ngày 12 tháng 2 năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh "Tổng động viên kháng chiến" và đề ra khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

Tháng 3 năm 1950, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi diễn ra tại Rừng Dê, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, đã quyết định nhiệm vụ quân sự trong thời kỳ tích cực cầm cự để chuẩn bị tổng phản công là: "*Động viên nhân, vật, tài lực phục vụ cho tiền tuyến, đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành một căn cứ địa vững chắc, trong đó việc quân sự hóa toàn dân, xây dựng làng chiến đấu, xây dựng căn cứ địa là mấu chốt*".

Lúc này thực dân Pháp bị thất bại liên tiếp trên các chiến trường. Ở vùng tự do, chúng tăng cường đánh phá bằng máy

1. Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng (1930-1992), 1994, tr. 69.

bay, pháo hạm và mở nhiều cuộc càn quét vào miền núi, ven biển, hòng gây thiệt hại về người và của, nhằm hạn chế khả năng chi viện của hậu phương đối với tiền tuyến, đồng thời ngăn chặn việc đưa cơ sở vật chất từ vùng chúng kiểm soát về vùng tự do, mở rộng phạm vi lấn chiếm vùng tự do. Tại Trà Bồng, các xã Trà Bình, Trà Phú, Trà Xuân, Trà Sơn, Trà Phong, Trà Thủy... đều bị địch đánh bom.

Trước sự lớn mạnh của chính quyền cách mạng, thực dân Pháp vô cùng tức tối, tìm mọi cách để đánh phá vùng tự do, đặc biệt là vùng rừng núi phía Tây với mưu đồ làm bàn đạp để tiến tới chiếm đóng toàn bộ vùng tự do trong Liên khu. Để thực hiện âm mưu đó, thực dân Pháp đã tìm cách mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, xúi giục một số người nhẹ dạ theo chúng chống lại cách mạng. Bọn tù trưởng phản động vì quyền lợi ích kỷ, muốn duy trì địa vị thống trị, bóc lột, nên đã theo giặc Pháp làm việc cho chúng.

Đầu năm 1950, bọn phản động Chánh Ênh, Chánh Dí, Quyền Điều, Đinh Ngô nổi lên hoạt động phá hoại ở Sơn Hà. Ngày 25 tháng 1 năm 1950, cuộc bạo loạn bắt đầu nổ ra tại xóm Gò Gia, xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà và lan nhanh ra các xã khác. Sau đó từ Sơn Hà, cuộc bạo loạn lan nhanh ra các xã Long Sơn, Long Môn huyện Minh Long; Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì huyện Ba Tơ.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Trà Bồng đã ra quyết định khẩn cấp để ngăn chặn và đối phó với quân phiến loạn, hạn chế tổn thất cho nhân dân và cho cách mạng.

Lực lượng bộ đội tập trung của huyện do đồng chí Nguyễn Lương - Trung đội trưởng và đồng chí Huỳnh Kháng - Chính trị viên, được điều động đến các xã giáp Sơn Hà, cùng du kích và nhân dân địa phương khẩn trương xây dựng các tuyến bố

phòng và ổ chiến đấu, sẵn sàng giáng trả quân phiến loạn nếu chúng kéo đến. Đồng thời, huy động nhân dân ngày đêm di chuyển tất cả các kho tàng, xưởng quân giới, cơ quan cấp trên và của huyện ra khỏi khu vực phiến loạn có thể xâm nhập.

Do làm tốt công tác phòng bị, nên khi bạo loạn lan đến các xã người Cor của huyện Trà Bồng là bị chặn đứng. Trong khi đó, cuộc bạo loạn Sơn Hà diễn ra căng thẳng, phức tạp, tỉnh phải điều nhiều đơn vị bộ đội tham gia chiến đấu, sau hơn hai năm mới dập tắt được. Tuy nhiên, hậu quả của cuộc bạo loạn này để lại là không nhỏ, gây nhiều tổn thất cho cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

Trong khi vừa tích cực phòng bị đánh trả quân phiến loạn, huyện Trà Bồng vừa đẩy mạnh phong trào thi đua phục vụ giai đoạn mới của cuộc kháng chiến. Riêng trong năm 1950, đã có hàng trăm thanh niên hăng hái tòng quân, hàng ngàn người dân đi dân công phục vụ tiền tuyến.

Tháng 11 năm 1950, do yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang của huyện đặt ra, đồng chí Phan Phước thôi giữ chức Huyện đội trưởng. Tỉnh đội Quảng Ngãi đã điều đồng chí Đoàn Khắc Bằng quê ở xã Nghĩa Lộ, thị xã Quảng Ngãi về thay thế.

Cùng với Chính trị viên Nguyễn Tài, đồng chí Đoàn Khắc Bằng bắt tay xây dựng Ban quân sự huyện ổn định về mọi mặt, nhất là công tác rèn binh, chính cán, huấn luyện quân sự sẵn sàng tham gia kháng chiến. Cuối năm 1951, huyện xây dựng thêm 1 trung đội bộ đội tập trung cho số anh em người Cor, do đồng chí Đinh Quang Úc làm Trung đội trưởng, đồng chí Đinh Bạch Tùng làm Trung đội phó, đồng chí Đinh Đàn làm Chính trị viên.

Lúc này, thực dân Pháp xây dựng các ổ vũ trang, mộ thêm binh lính, đóng thêm một số đồn, tiếp tục đánh phá vùng cao Sơn Hà, khống chế các xã sát sườn phía nam và đông nam Trà Bồng. Chúng tăng cường phi pháo đánh phá nhiều nơi ở Trà Bồng với mức độ ác liệt hơn, gây nhiều thiệt hại về người và của.

Tháng 4 năm 1952, thực dân Pháp đã huy động hai tiểu đoàn sơn chiến, một tiểu đoàn khinh binh, một đại đội trọng pháo và 700 loạn quân người Hrê, do 47 tên sĩ quan nhảy dù Pháp chỉ huy, mở chiến dịch La-tê-rít đánh phá, lấn chiếm miền Tây Quảng Ngãi, mở đầu từ các xã vùng cao huyện Ba Tơ. Trong khi giặc Pháp tăng cường đánh phá làm cho đời sống nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, thì thiên tai lại liên tiếp xảy ra. Hạn hán kéo dài 6 tháng đầu năm 1952, sau đó bão lụt lớn xảy ra tháng 10 cùng năm gây thiệt hại to lớn về người và của. Dịch họa, thiên tai đã gây nên nạn đói trầm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến phong trào trong huyện, làm cho một số bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân hoài nghi, dao động, có tư tưởng bi quan.

Tiếp thu sự chỉ đạo của huyện ủy, Ban chỉ huy quân sự huyện mở đợt sinh hoạt chính trị và chỉnh huấn, đấu tranh phê phán những biểu hiện tư tưởng hoài nghi, thiếu kiên định lập trường giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn huyện. Nhờ đợt chỉnh huấn, đã làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ âm mưu thủ đoạn của địch, nhận thức rõ thắng lợi cơ bản của ta sau 6 năm kháng chiến, những khó khăn trước mắt chỉ là tạm thời; động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm vượt khó, tiếp tục chiến đấu, giữ vững và phát triển phong trào kháng chiến.

Trong những năm 1951-1952, tin chiến thắng khắp các chiến trường trong nước truyền đến Trà Bồng. Tại Kon Tum,

có chiến thắng Kông Plông, ta diệt địch, chiếm đồn của Pháp vào ngày 6 tháng 8 năm 1951.

Ở vùng biển Quảng Ngãi, quân dân ta cùng đánh bại mọi cuộc đổ bộ càn quét của địch. Cuộc hành quân La-tê-rít của địch từ Kon Tum xuống miền Tây Quảng Ngãi cũng đã bị đập tan. Những chiến công của ta tại chiến trường miền Tây Quảng Ngãi và Bắc Tây Nguyên có sự đóng góp sức người, sức của và cả máu xương của quân dân huyện Trà Bồng.

Tháng 4 năm 1952, Liên khu ủy Khu 5 quyết định tách 4 huyện miền Tây Quảng Ngãi (gồm Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng) sáp nhập với tỉnh Kon Tum thành một đơn vị hành chính, trực thuộc Liên khu 5, mang mật danh "*Chiến trường 30*" và thành lập Ban cán sự miền Tây¹.

Nhiệm vụ đặt ra cho Ban cán sự miền Tây là, tiếp tục phát huy thắng lợi và ưu điểm, ra sức khắc phục khuyết điểm, xây dựng miền Tây thành căn cứ địa của Liên khu 5, tạo điều kiện tiến công lên giải phóng Kon Tum.

Ban quân sự Trà Bồng tiếp thu và triển khai nghị quyết hội nghị Liên khu ủy tháng 10 năm 1952 là: "*Đưa cuộc kháng chiến Nam Trung Bộ tiến lên mạnh hơn nữa, phối hợp với chiến trường toàn quốc. Mở chiến dịch Đông Xuân 1952-1953 trong toàn khu, nhằm tiêu diệt sinh lực địch bồi dưỡng lực lượng ta*".

Huyện ủy Trà Bồng lúc này sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong huyện theo hệ thống "*Chiến trường 30*", chia thành 3 ban:

- Ban chính trị do đồng chí Ngô Tùng Chánh, Ủy viên Thường vụ huyện ủy làm Trưởng ban.

1. Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng..., Sđd, tr. 82.

- Ban quân sự do đồng chí Đoàn Khắc Bảng làm Trưởng ban. Đến tháng 9 năm 1958 đồng chí Đoàn Khắc Bảng được Liên khu điều lên làm Chỉ huy trưởng khu Tây Đắc Glei, Kon Tum thì đồng chí Phạm Tấn thay làm Trưởng ban.

- Ban kinh tế do đồng chí Nguyễn Khách, Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy làm Trưởng ban.

Chủ trương chung của huyện lúc này cần khẩn trương thực hiện một số công tác lớn, đó là: *"Tập trung xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương lớn mạnh, xây dựng làng chiến đấu vững chắc, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, tiếp tục động viên nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến"*. Huyện đã phát động phong trào toàn dân ra sức chiến đấu bảo vệ vững chắc vùng tự do, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, tập trung sức phục vụ đắc lực cho chiến dịch Bắc Tây Nguyên.

Lúc này, Trà Bồng còn là nơi trú quân của các tiểu đoàn, trung đoàn bộ đội chủ lực của tỉnh, của quân khu, trước khi vào chiến dịch. Ban quân sự huyện phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo lực lượng dân quân du kích và nhân dân tăng cường phòng gian bảo mật, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các đơn vị, đồng thời tổ chức lạc quyền ủng hộ bộ đội rau, củ, gạo, muối...

Nhiều mẹ chiến sĩ đã đón nhận nuôi dưỡng thương bệnh binh từ các chiến trường đưa về. Tiêu biểu như bà Cầu Đá, bà Thủ Sự, bà Luông... đã nhận nuôi dưỡng một lúc hai, ba thương bệnh binh. Có trường hợp, các mẹ còn giúp cho anh em xây dựng gia đình hạnh phúc.

Các anh bộ đội chủ lực tham gia huấn luyện cùng đơn vị tập trung của huyện, đồng thời còn tham gia sản xuất với dân, dạy chữ cho dân, dạy hát cho thiếu nhi. Tình quân dân gắn bó đậm đà.

Để trực tiếp phục vụ cho chiến dịch, các cấp ủy Đảng, chính quyền và Ban Quân sự huyện Trà Bồng đã huy động hàng ngàn thanh niên xung phong phục vụ hỏa tuyến và hàng vạn ngày công tải đạn dược, lương thực ra chiến trường. Theo đó, mỗi người dân Trà Bồng tự nguyện đi dân công một tháng. Một số đi từ 3 tháng đến 5 tháng. Trên các tuyến đường hướng lên Bắc Tây Nguyên, bất kể mưa nắng, ngày đêm, từng đoàn dân công Trà Bồng với đôi vai trĩu nặng, gùi, công, gánh kìn kịt theo chân bộ đội ra chiến trường. Có đơn vị dân công đã theo sát bộ đội trong chiến đấu. Có nơi nhân dân đã đón cây làm cầu treo qua sông, suối lớn trong mùa mưa lũ để phục vụ cho bộ đội, dân công ra tiền tuyến.

Lực lượng bộ đội địa phương của huyện thời gian này có nhiều đồng chí được Tỉnh đội điều động tăng cường cho các đơn vị chủ lực để tham gia chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Số còn lại, kể cả các đồng chí trong Ban quân sự huyện như đồng chí Nguyễn Tài, Chính trị viên, tham gia vào Ban xây dựng xã từ đầu năm 1953 đến giữa năm 1954.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên, Ban quân sự huyện lúc này chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ âm mưu giặc Pháp và thế tất thắng của ta. Từ đó, động viên khí thế cách mạng cho quân và dân trong huyện ra sức xây dựng địa phương vững mạnh. Đồng thời huy động nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến. Phối hợp với cấp ủy, chính quyền các xã lãnh đạo nhân dân ra sức xây dựng làng chiến đấu, tăng cường bố phòng, phòng gian bảo mật, tích cực đào hầm tránh phi pháo địch, phân tán người già, trẻ em những nơi đông dân cư mà địch có thể thả bom, bắn phá, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra.

Đêm 27 tháng 1 năm 1954 chiến dịch Bắc Tây Nguyên của quân ta mở màn. Ngày 7 tháng 2 năm 1954, tỉnh Kon Tum được giải phóng.

Trên cơ sở thắng lợi của chiến dịch Bắc Tây Nguyên, tháng 3 năm 1954, Liên khu ủy 5 quyết định giải thể "Chiến trường 30", đưa 4 huyện miền Tây Quảng Ngãi nhập về lại tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, một sự kiện đem niềm hân hoan to lớn cho nhân dân cả nước và quân dân huyện Trà Bồng, đó là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, mốc son chói lọi trong 9 năm trường kỳ kháng chiến, kết thúc gần 100 năm chịu sự xâm lược của thực dân Pháp.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, chính phủ Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, thực hiện ngừng bắn, rút quân về nước. Nhân dân Việt Nam sẽ tổng tuyển cử trong cả nước vào tháng 7 năm 1956 để thống nhất nước nhà.

Ra đời và lớn lên cùng phong trào cách mạng của địa phương, lực lượng vũ trang huyện Trà Bồng đã ngày càng trưởng thành về mọi mặt. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Trà Bồng đã nêu cao vai trò nòng cốt trong phong trào toàn dân đánh giặc suốt 9 năm thực hiện đường lối kháng chiến trường kỳ. Qua thực tiễn sinh động của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, lực lượng vũ trang huyện đã thể hiện lòng trung thành với cách mạng, với Đảng và nhân dân. Từng bước vượt qua khó khăn thử thách, tập trung xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện chu đáo, giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, tham gia tích cực công tác xây dựng Đảng bộ huyện, góp phần vào thắng lợi chung của tỉnh và cả nước.

Từ tháng 10 năm 1954, lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng chuyển sang thời kỳ mới, cùng cả tỉnh, cả nước, tiếp tục chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù xâm lược mới, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Câu hỏi 5: Tháng 10 năm 1954, Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai núp dưới lá cờ Liên hiệp Pháp đã tiếp quản Quảng Ngãi. Hãy cho biết vài nét về tình hình ở Quảng Ngãi và Trà Bồng trong những năm đầu dưới chế độ Mỹ - Diệm?

Trả lời:

Tháng 10 năm 1954, Ngô Đình Diệm núp dưới lá cờ Liên hiệp Pháp đã tiếp quản Quảng Ngãi. Là một tỉnh vùng tự do, căn cứ của kháng chiến chống Pháp, có truyền thống cách mạng lâu đời, tỉnh Quảng Ngãi đã trở thành một trong những mục tiêu đánh phá hàng đầu của Mỹ, ngụy. Ngay từ đầu, chúng đã trù lên Quảng Ngãi một bộ máy cai trị phản động làm tay sai cho đế quốc Mỹ, mang đầy tính chất phục thù giai cấp. Chúng đã vục bọn địa chủ phản động và những phần tử xấu trong thời kỳ kháng chiến trước đây đứng dậy, đồng thời dùng bọn Đại Việt, Quốc dân đảng nhanh chóng thiết lập chính quyền ở huyện, xã. Chúng đã dùng mọi thủ đoạn để ngăn chặn và hòng dè bẹp phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ sau những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta.

Thực hiện chiến lược "củng cố miền Nam, tiến công miền Bắc", chúng ra sức xây dựng và củng cố chế độ độc tài phát xít gia đình trị của Diệm - Nhu, tô vẽ cho nền "độc lập" và "chủ nghĩa quốc gia" giả hiệu, bày trò "trung cầu dân ý", phé

truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên ngôi tổng thống, tổ chức bầu cử "quốc hội" riêng rẽ, ra sức thanh trừng các phe phái đối lập, những người không ăn cánh, những người do dân cử ra tham gia chính quyền địa phương. Ở Quảng Ngãi chúng đã gạt bỏ Quốc dân đảng ra khỏi bộ máy cai trị, tiêu diệt lực lượng vũ trang yếu ớt của bọn này muốn dựa vào núi rừng để chống Diệm.

Từ giữa năm 1955 trở đi, nhất là từ năm 1956, cuộc khủng bố trắng của chế độ Ngô Đình Diệm đã trở thành hoạt động có quy mô lớn và có hệ thống, đạt đến mức độ dã man xưa nay chưa từng thấy ở Quảng Ngãi. Chúng công khai đánh phá cách mạng bằng cách hô hào "tố Cộng", "diệt Cộng" đẫm máu.

Dựa vào nguy quân và nguy quyền, bọn ác ôn thôn xã mọc lên, thẳng tay khủng bố trả thù đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, cán bộ kháng chiến và những người có con em đi tập kết, cùng với tất cả những người yêu nước khác. Chúng tổ chức một hệ thống kim kẹp từ liên gia trở lên và rải một lưới mật thám, gián điệp bao trùm hết thảy. Lùng ráp, bắt bớ, tra tấn, nhục hình, giết chóc, cướp phá diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Chúng cố gây khủng khiếp trong nhân dân để dè bẹp ý chí phản kháng của họ. Có xã hàng trăm người bị bắt và bị tra tấn trong cùng một lúc. Một tên thôn trưởng cũng có quyền ra lệnh bắt người hàng loạt, giết người tại chỗ. Nhà tù mọc lên như nấm, xã nào thậm chí ở thôn nào cũng có trại giam. Nhà lao Quảng Ngãi có lúc chúng giam đến 5.000 người. Chúng xâm phạm một cách trắng trợn đến tư tưởng, tình cảm, luân thường đạo lý của các tầng lớp nhân dân, bắt con phải tố cáo cha, vợ phải lia chồng. Chúng gây không khí sợ sệt nghi kỵ, chia rẽ trong đồng bào ta, hòng làm tan rã khối đoàn kết đấu tranh của nhân dân, dè bẹp nguyện vọng

tha thiết hoà bình, thống nhất đất nước của quần chúng. Trong khi đó, thì chúng ra sức xây dựng miền Nam thành căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ, chuẩn bị lực lượng vũ trang để tiến công miền Bắc.

Từ cuối năm 1956, nhất là trong các năm 1957, 1958, trong giai đoạn tạm thời ổn định mong manh, chúng tích cực thực hiện một số chính sách phản động hòng củng cố chế độ độc tài phát xít hơn nữa. Chúng bày đặt ra chính sách "cải cách điền địa" tiếp theo các thủ đoạn quy chế tá điền, chia lại ruộng công... để hợp pháp hoá việc lấy không ruộng đất của người cày. Chúng bắt đầu thực hiện âm mưu cách ly giữa quần chúng và cách mạng để diệt cách mạng. Chúng lập ra "quốc sách dinh điền", cưỡng bức hàng vạn đồng bào nông dân ở Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh và những huyện có phong trào mạnh phải rời bỏ quê hương lên sống trong các trại tập trung trá hình ở Tây Nguyên. Ở các thôn xóm hẻo lánh, chúng rào vây hay tập trung lại thành thôn ấp lớn.

Chúng dùng bạo lực phản cách mạng đến mức tối đa để "đánh mạnh, nhổ sạch" cơ sở cách mạng. Cuộc đấu tranh giai cấp đã diễn ra hết sức ác liệt. Lịch sử của Quảng Ngãi trải qua một thời kỳ khó khăn nhất. Cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng cách mạng có nơi bị bể vỡ bị đứt liên lạc.

Cũng từ tháng 10 năm 1954, Mỹ - Diệm bắt đầu tiếp quản Trà Bồng rồi lần lượt chiếm đóng các huyện miền Tây Quảng Ngãi. Tại đây chúng áp dụng ngay chính sách "dùng người dân tộc để trị người dân tộc", dùng người dân tộc để chống lại cách mạng. Chúng sử dụng các đơn vị lính Nùng do bọn Pháp đưa từ Bắc vào để phô trương lực lượng. Chúng cố khơi lại và xuyên tạc vụ Sơn Hà trước kia để kích động nhân dân đối lập với cách mạng. Chúng đưa 2.500 lính Hrê, bọn

phiến loạn trước đây đã chạy trốn lên Tây Nguyên, do hai tên ác ôn Đinh Ngô và Đinh Ênh cầm đầu, trở về để khống chế nhân dân. Chúng cố gom lại bọn tù trưởng, già làng xấu để làm tay sai cho chúng đánh phá phong trào, kìm kẹp nhân dân và vội vã thiết lập nguy quyền ở huyện lỵ và một số xã ở dọc các đường giao thông lớn.

Riêng đối với Trà Bồng, nơi chúng thấy không thể tạo ra được đám tay sai trung thành, chúng điều từ trung châu lên một bộ máy nguy quyền gồm những tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân từ trong kháng chiến, những tên lái buôn phản động và một bọn lưu manh, mang nặng hằn thù giai cấp và ý thức bóc lột, áp bức, kỳ thị dân tộc.

Từ giữa năm 1955 đến giữa năm 1956, chúng tiến hành đợt 1 "tố Cộng" ở miền Tây Quảng Ngãi dưới chiêu bài "chiến dịch thượng du vận Phan Chu Trinh". Trọng tâm đánh phá của dịch lúc này nhằm vào huyện Sơn Hà. Một chiến dịch khủng bố đã diễn ra hết sức dữ dội. Mỹ - Diệm dựng lại và khoét sâu các mâu thuẫn cũ, kích thích oán hờn, sự kỳ thị dân tộc do bọn thực dân, phong kiến gây nên từ xưa hòng đẩy quần chúng chống đối lẫn nhau, Kinh, Thượng sát hại lẫn nhau. Chúng tiến hành những vụ thảm sát hàng loạt để gây khủng khiếp trong nhân dân. Cuộc chém giết dã man của Mỹ - Diệm lan tràn kéo dài với những thủ đoạn man rợ thời trung cổ: chôn sống người, giết chết rồi phơi thây, bêu đầu, mổ bụng, moi gan, lấy người thay trâu để đâm trong các buổi lễ ăn thề...

Bên cạnh đó, chúng dùng tiền, hàng hoá để mua chuộc, dụ dỗ quần chúng, đưa một số gạo, vải, muối... lên phân phát cho một số người.

Ở Trà Bồng, chiến dịch "tố Cộng" được tiến hành tàn bạo. Trước hết chúng đánh phá mạnh ở các xã người Kinh, rồi

loang dần ra một số xã ở quanh quận lỵ. Chúng lợi dụng bọn lái buôn, lưu manh đưa đường chỉ lối vào các thôn xóm, dùng lực lượng quân sự uy hiếp tinh thần dân chúng. Chúng mở các cuộc họp, bắt nhân dân phải trả tài sản mà cách mạng đã chia cho, đồng thời thẳng tay ăn cướp tài sản như trâu, bò, chiêng, ché, quế... Chúng cấm đoán cả những nếp sống tốt đẹp được xây dựng từ trong kháng chiến chống Pháp: cắt tóc ngắn, ăn ở vệ sinh, v.v... Chúng chà đạp một cách thô bạo phong tục, tập quán của nhân dân, như tự ý lưng sục vào nhà, buồng cũ, rẫy cũ, đánh đập ông già, trẻ em, đập vỡ chiêng, nồi... Ở đây, chúng cũng áp dụng một số hình thức giết người tàn bạo như ở Sơn Hà. Mặt khác, chúng cố dùng các thủ đoạn lừa phỉnh, dụ dỗ, cố tạo ra một số tay sai để thiết lập và nắm chắc lấy nguy quyền thôn xã ở vùng dân tộc Cor.

Bọn lái buôn và dân vệ người Kinh được rải khắp thôn xóm để kiểm soát dân chúng, cấm đoán tất cả những gì chúng cho là vết tích của Việt Minh, cộng sản. Bắt người cắt tóc ngắn, ăn dưa, nằm chiếu, tịch thu cả giáo mác, cung tên, phương tiện tự vệ hàng ngày của người dân miền núi, bán bừa vào kẻ di sớm, về tối cho là đi tiếp tế cho cán bộ. Chúng đã gây rất nhiều đau thương tang tóc.

Chúng đã dùng cả bộ máy thống trị, hệ thống "tổ Cộng" để cướp bóc người Cor, nhất là ăn cướp quế. Gia đình Diệm - Nhu chiếm độc quyền mua bán quế. Quế mua ở Trà Bồng 5 đồng (miền Nam) 1 cân, bán tại Đà Nẵng 280 đồng, đưa sang Mỹ bán 12 đô la, bằng 420 đồng. Chúng dùng uy quyền bắt dân phải bán quế với giá rẻ mạt. Chúng vu khống nhiều người là cộng sản để cướp không cả rẫy quế. Hàng tiểu đoàn nguy, hàng trăm thanh niên cộng hòa đã lưng sục vào thôn, nóc để ăn cướp quế, hay đốt cả rẫy quế non, bóc vỏ rẫy quế già. Chúng kết hợp các hình thức kìm kẹp để ăn cướp quế.

Chụp 1 tấm ảnh một yến quế, làm một thẻ căn cước một yến quế. Phạt vạ, cơ quan thị thực, đóng dấu, ký tên phải trả bằng quế. Chỉ tính sơ bộ trong năm 1957 và nửa năm 1958, chúng đã cướp không trên 5 triệu cây quế từ 10 tuổi trở lên.

Sự áp bức và đè nặng về tinh thần được thể hiện trong việc chúng cấm tất cả những nếp sống tốt đẹp được xây dựng từ trong kháng chiến chống Pháp và sự xúc phạm nghiêm trọng phong tục tập quán cổ truyền đánh, giết người, cướp nôi, cướp chiêng, sục vào bếp củ, lũng vào rẫy cấm. Người Cor đã nói: "Tội ác Mỹ - Diệm chất cao hơn núi Cà Đam. Lòng dân căm thù giặc sâu hơn nước sông Tang".

Do đó để chống lại các âm mưu và thủ đoạn đó một phong trào đấu tranh chính trị đã diễn ra sôi nổi. Đặc biệt là nhân dân luôn luôn dựa vào sức mạnh chính trị, lợi dụng chính sách bịp bợm mị dân của ngụy quyền và dùng phong tục tập quán để chống lại quân thù. Đối với cán bộ ta thì giảm dần đi tới chỗ xóa bỏ kiêng cũ để cho cán bộ dễ ra vào hoạt động trong thôn xóm. Nhưng với kẻ thù thì đặt ra đủ thứ kiêng cũ để chống lũng sục, càn quét, không chịu chụp ảnh làm thẻ căn cước, không đi hội họp, v.v... Thậm chí họ đã cấm chông, gài bẫy nói là theo phong tục cổ truyền để chống thú rừng, nhưng là để chống hành quân càn quét của Mỹ - ngụy. Nhân dân cũng chú ý làm công tác binh ngụy vận để tranh thủ một số ít người Cor bị bắt làm cho địch, phân hóa giữa bọn tay sai người Cor và người Kinh, cô lập bọn sĩ quan ác ôn...

Vì vậy những người Cor làm trong ngụy quyền hay dân vệ, qua bao lần bị thanh lọc, mua chuộc khủng bố vẫn giữ được quan hệ tốt với nhân dân, làm việc vì lợi ích của họ, hay ít nhất cũng tỏ ra có thái độ trung lập.

Từ sau khi Mỹ - Diệm phá hoại việc hiệp thương bàn về tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, thì lòng người dân

Quảng Ngãi nói chung mong muốn thay đổi hình thức đấu tranh. Cũng như nhân dân nhiều huyện miền núi khác, nhân dân Trà Bồng đã cầm vũ khí chống lại ngụy quyền, như diệt ác ôn, dân vệ có nhiều nợ máu. Nguyện vọng đó đã được thể hiện trong các bài xà ru, dân ca địa phương:

"Mỹ - Diệm cố đẩy ta về theo ma quỷ

Chết nhiều rồi phải đứng dậy đồng bào ơi!

Không đứng lên ta sẽ chết như cây quế già lột vỏ

Không đứng lên ta sẽ chết héo như rẫy quế non bị đốt

Đầu chúng ta rơi phải bắt chúng trả đầu".

Trước tình hình cách mạng chuyển sang giai đoạn mới vô cùng khó khăn ác liệt, Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng có lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Dân gắn bó với Đảng, Đảng bám rễ sâu trong dân, quyết tâm cùng chống giặc giữ làng.

Trong Hội nghị tháng 1 năm 1955, Ban cán sự miền Tây chủ trương:

- Lấy phía Nam Trà Bồng (vùng núi Cà Đam), phía Bắc Sơn Hà và vùng Ba Điền (Ba Tơ), Minh Long làm căn cứ của Tỉnh ủy.

- Đưa người của ta vào hàng ngũ địch để theo dõi và nhằm hạn chế hoạt động của quân thù.

- Dùng các tổ chức hợp pháp, biến tướng như đội tuần sương, hội săn bắn... để chống lại hành động đàn áp của địch, nếu cần thiết thì diệt bọn ác ôn.

Ngày 25 tháng 10 năm 1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi sau khi rút vào hoạt động bí mật, đã họp tại nóc Ông Tơ, phía Nam chân núi Cà Đam thuộc xã Trà Bui để rút kinh nghiệm, đề ra các chủ trương công tác lớn:

- Duy trì giữ vững phong trào ba vùng: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Phát động phong trào đấu tranh chống địch bầu cử quốc hội bù nhìn, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi quyền dân sinh, dân chủ và cứu đói ở miền Tây.

- Củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng chi bộ bí mật, các cơ quan lãnh đạo bí mật. Xây dựng các cơ sở và hạt nhân trung kiên, nòng cốt, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng, hợp pháp.

- Đẩy mạnh công tác binh dịch vận, tranh thủ ngũ quân, ngũ quyền, bố trí người của ta vào hoạt động trong các cơ quan hành chính của địch, đưa thanh niên vào ngũ quân để sau này nắm quân đội, bố trí người vào hoạt động trong các đảng phái, tôn giáo do địch chi phối, để hạn chế tính phản động của các tổ chức này.

- Quyết định lấy các xã nam huyện Trà Bồng gồm Trà Xinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lãnh làm trung tâm căn cứ của tỉnh¹.

Thực hiện chủ trương đó, huyện ủy Trà Bồng đã họp nhiều phiên, bàn bạc về phân công chỉ đạo quần chúng tận dụng phong tục tập quán của dân tộc và tự do dân chủ giả hiệu của địch để đấu tranh bảo vệ quyền lợi hàng ngày cho nhân dân, chọn người đưa vào hàng ngũ bộ máy ngũ quyền.

Đồng chí Đinh Bạch Châu (tức Phó Huệ) được Đảng bộ bố trí vào làm quận phó của địch. Qua đồng chí Châu, ta biết được nhiều âm mưu, thủ đoạn của địch, nên đối phó kịp thời. Các cuộc lùng sục, vây bắt "Cộng sản" của địch đều bị thất bại. Cho đến giữa năm 1955, hơn một đại đội ngũ quân và

1. Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm..., Sdd, tr. 153.

dám ngụy quyền vẫn lẩn quẩn quanh huyện lỵ, không dám lên núi. Ngay một bản danh sách đảng viên và cán bộ kháng chiến Trà Bồng, địch cũng không lập xong.

Trong 2 năm 1955, 1956, Đảng bộ Trà Bồng đã vượt qua nhiều thử thách ác liệt, gian khổ phức tạp chưa từng có, trực diện chống chọi với kẻ thù tàn bạo; xây dựng được lực lượng nòng cốt cách mạng trong nhân dân, xây dựng được vùng căn cứ địa, giữ gìn được đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, không một đảng viên nào đầu thú, khai báo, đầu hàng, phản bội.

Thực tế thời kỳ này, địch đánh phá ác liệt có gây cho ta những tổn thất, khó khăn, nhưng ở các xã vùng cao Trà Bồng, ta vẫn đấu tranh kiên quyết không cho địch lập bộ máy kim kẹp. Vì vậy, trong hội nghị kiểm điểm các đợt "tố Cộng, diệt Cộng", tên quận trưởng Trà Bồng phải thú nhận "Hơn một năm rưỡi tố Cộng, toàn huyện Trà Bồng chưa bắt được một đảng viên, cán bộ nằm vùng nào".

Để thiết lập bộ máy cai trị tại Trà Bồng, bọn Mỹ - Diệm đã xây dựng tại đây 13 đồn binh lớn: Nà Nêu, Trà Cú, Làng Ngài, Trà Xinh, Trà Khê, Trà Lãnh, Đá Líp, Eo Rèo, Eo Chim, Nước Vọt, Tâm Rung, Kon Leng, Tà Lạt. Mỗi đồn có từ một trung đội đến một tiểu đoàn lính ngụy chiếm giữ.

Từ cuối năm 1955, khi địch đem quân lên đánh phá miền núi, khủng bố nhân dân, cán bộ, đảng viên phải lẩn lượ thoát ly khỏi nhà dân đến ở các trại bí mật. Các nhóm sản xuất, giữ rẫy, thực chất là những cơ sở trung kiên, đa số là nam, nữ thanh niên, thay phiên nhau canh gác, tiếp tế cơm nước, giữ mối liên lạc chặt chẽ giữa cán bộ thoát ly với nhân dân trong làng.

Đến năm 1957, để tránh bị bắt lính, nam, nữ thanh niên Trà Bồng tự nguyện kéo vào các trại bí mật, thoát ly gia

đình, theo Đảng chống Mỹ - Diệm. Họ là những thanh niên can đảm, hoàn toàn tự nguyện, được dân làng tín nhiệm. Họ hăng say hoạt động không kể ngày đêm, mưa rét, khắc phục khó khăn, vượt qua mọi nguy hiểm để bảo vệ cán bộ. Theo sự hướng dẫn của cán bộ, anh chị em được tổ chức thành đoàn, mỗi đoàn vài chục người, phân công khu vực, rồi kéo đi dựng trại ở những nơi có địa thế. Ở đó thanh niên vẫn bám sát quê hương, tham gia sản xuất, học văn hóa, chính trị, do đó họ trở thành lực lượng xung kích của phong trào trong thôn, xã. Lực lượng này đảm nhiệm việc liên lạc, trinh sát, bảo vệ cơ quan, cán bộ, di vận động quần chúng. Họ còn tổ chức cắm chông, bố phòng để ngăn chặn địch đi lùng sục. Cũng chính trong các trại bí mật này, thanh niên được luyện tập quân sự và dần dần được trang bị vũ khí, làm mầm mống tổ chức lực lượng vũ trang quần chúng sau này. Các trại bí mật trở thành trường học cách mạng của nhân dân và thanh niên huyện Trà Bồng. Nhiều người tiến bộ nhanh chóng. Có những người nêu tấm gương chiến đấu anh dũng.

Câu hỏi 6: Đứng trước những âm mưu, thủ đoạn và hành động tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi nói chung, huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng đã dùng những hình thức đấu tranh gì? Quá trình xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Từ đầu năm 1957, xu thế chung của phong trào ở các địa phương trong tỉnh Quảng Ngãi là chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị có kết hợp vũ trang tự vệ. Xu thế

đó càng thể hiện rõ hơn ở các huyện miền núi, nơi có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, địa thế hiểm trở, có nhiều hình thức tự vệ, chịu ảnh hưởng cách mạng sâu sắc, vì đây là những vùng căn cứ cách mạng, căn cứ kháng chiến trước đây.

Lúc này những cán bộ lãnh đạo ở miền Nam và ở Quảng Ngãi vượt qua những đợt "tố Cộng" và "diệt Cộng" đã phát hiện và xác định phương hướng cụ thể của cách mạng miền Nam ngay trong cơn nước sôi lửa bỏng.

Đứng trước những âm mưu, thủ đoạn và hành động tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm, ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, sau khi đánh giá hết thuận lợi và khó khăn của phong trào cách mạng trong tỉnh, đã chủ trương: gấp rút chuyển hướng phong trào, chuyển hướng các tổ chức lãnh đạo và tổ chức quần chúng cho hợp với tình thế mới để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đòi thi hành pháp lý của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, kết hợp với việc đòi dân sinh, dân chủ, để bảo vệ thành quả của kháng chiến, của cách mạng; tăng cường công tác dân vận, đi sâu vào quần chúng, nắm chắc phong trào, xúc tiến mạnh công tác mặt trận, đồng thời đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, tranh thủ những người trong tầng lớp trên và nhất là nắm sĩ quan và binh lính địch để hạn chế bớt sự đánh phá của địch.

Trong khi kẻ thù đang dùng mọi thủ đoạn tàn bạo để đánh phá cách mạng, giết hại nhân dân, ban lãnh đạo tỉnh thấy phải giáo dục quần chúng giữ vững khí thế của người chiến thắng, duy trì ý chí đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Một số hình thức đấu tranh có tính chất tự vệ của quần chúng được duy trì dưới những hình thức mới như tổ chức tuần sùng, tráng đoàn để trừng trị bọn mặt thám, thám

báo, những tên ác ôn ra mặt khủng bố nhân dân để bảo vệ cơ quan, cán bộ. Các khu an toàn ở đồng bằng, các căn cứ ở miền núi cũng được chuẩn bị để làm chỗ đứng cho cơ quan lãnh đạo, chỗ dựa cho phong trào. Đối với việc địch thiết lập chính quyền phản động trong thôn xã, thì lãnh đạo quần chúng trì hoãn không cho lập, nếu chúng cưỡng ép thì đòi bầu cử dân chủ và đưa những người tốt ra nắm bộ máy cai trị của địch ở cơ sở. Đối với các huyện miền núi, trên cơ sở chủ trương chung đó, tỉnh có những quyết định cụ thể: cán bộ phải nhanh chóng về cơ sở thực hiện "ba cùng" một cách triệt để, để lãnh đạo quần chúng. Phát huy mạnh mẽ thắng lợi của việc thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ kháng chiến, củng cố sự biết ơn và lòng tin tưởng của quần chúng đối với cách mạng, nắm chắc nhân dân lao động, đồng thời ra sức tranh thủ càng nhiều càng tốt những người trong tầng lớp trên. Phải phát huy rộng rãi truyền thống chống ngoại xâm, chống áp bức của các dân tộc H'rê, Cor, Cà Dong để kêu gọi tinh thần dân tộc động viên họ bước vào giai đoạn chiến đấu mới.

Để đối phó với các âm mưu đánh phá của địch, ban lãnh đạo tỉnh chủ trương: vận động nhân dân các dân tộc dựa vào sức mạnh chính trị của mình, vào phong tục tập quán cổ truyền, để chống lại các hình thức đàn áp khủng bố của địch, kiên quyết không cho địch lập nguy quyền ở thôn xã. Ở một số xã quanh quận lỵ thì chuẩn bị người sẵn, nếu địch cưỡng ép tổ chức nguy quyền thì kịp thời đưa người của ta ra làm; tổ chức tự vệ canh gác trong thôn xóm, thay súng bằng giáo, mác, tên nỏ...; cán bộ phải vũ trang để tự vệ khi đi công tác; kiên quyết diệt ác trừ gian, không cho địch tự do thâm nhập vào thôn xã.

Như thế về phương thức đấu tranh ở miền núi có cao hơn ở đồng bằng. Điều đó xuất phát từ thực tế là ở miền núi địch

có nhiều sơ hở, chưa thiết lập được sự kiểm soát của chúng đối với nhân dân. Mặt khác, chủ trương đó dựa vào trình độ giác ngộ của quần chúng, vào truyền thống và tập quán vũ trang tự vệ của nhân dân các dân tộc.

Chính nhờ vậy mà tình hình ở các huyện miền Tây phát triển tương đối thuận lợi, nhất là ở các xã vùng cao, mặc dù có nơi như ở vùng thấp Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, lúc đầu phong trào có bị tổn thất ít nhiều. Tổng quát lại tình hình lúc đó có thể nêu lên mấy đặc điểm sau đây:

Một là, bằng một cuộc đấu tranh chính trị, sâu rộng, nhân dân đã chống lại một cách thắng lợi âm mưu "tố Cộng", tố giác cán bộ, triệt phá cơ sở cách mạng ở miền núi của địch.

Đế quốc Mỹ với chủ nghĩa thực dân kiểu mới có nhiều thủ đoạn tinh vi, đồng thời cũng rất tàn bạo nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng Tây Nguyên và miền núi. Tuy vậy, chúng không tạo được cơ sở chính trị, cơ sở quần chúng trong đồng bào các dân tộc. Ngay ở miền Tây Quảng Ngãi, chúng không thể tạo ra được một bọn tay sai trung thành có thể phục vụ đắc lực cho chúng. Trái lại, từ trong kháng chiến chống Pháp, cách mạng đã xây dựng được cơ sở trong đồng bào các dân tộc. Tất cả các thành quả của kháng chiến để lại đã củng cố lòng trung thành vô hạn của họ đối với cách mạng, với Bác Hồ. Sau đây là một trong những ví dụ điển hình. Giữa năm 1956, địch bắt nhân dân các thôn xã cử đại biểu về quận lỵ làm lễ dâng trâu ăn thề trung thành với "Ngô tổng thống". Họ biến buổi lễ đó thành một buổi ca ngợi công ơn của cách mạng, chửi thẳng vào mặt lũ bán nước. Lúc sắp sửa dâng trâu, một già làng đã hát theo điệu cà lù (điệu ca tế thần) những lời bóng gió như sau:

*"Trâu này là trâu của đồng bào
Núi, nước đã nuôi trâu khôn lớn
Trâu ăn cỏ núi, cỏ núi có ánh sáng mặt trời
Trâu uống nước suối, nước suối ngời sáng mặt trời
Ta nhớ ông trời,
Khắc sâu trong lòng, sâu hơn sẹo trên sừng trâu
Ta thương ông trời,
Công ơn trời biển nhiều hơn lông trên mình trâu
Núi, nước, nhân dân chỉ có một mặt trời,
Mặt trời trở về vạn cổ hết lũ chúng bay".*

Mặt trời là từ rất thiêng liêng mà nhân dân dùng để gọi Đảng, gọi cách mạng. Với lòng trung thành đó, họ kiên quyết chống lại quân thù. Họ thường dùng lối nói ẩn dụ, bóng gió của người dân tộc để ca ngợi công lao của cách mạng. Trong một buổi "tổ Cộng", một cụ phát biểu: "Từ lâu người dân tộc không biết trồng mì (sắn). Cộng sản đến bày cho nhân dân trồng mì nhiều lắm. Cộng sản lại bỏ đi, để mì lại nhân dân ăn không hết. Bây giờ quốc gia đến cấm nhân dân trồng mì".

Càng bị địch đánh phá, nhân dân càng phát huy nhiều sáng kiến để đấu tranh chống lại. Địch giở thủ đoạn mỉ dân, dụ dỗ, mua chuộc họ bằng cách tung một ít hàng hoá ra bố thí. Họ chủ động kéo nhau lên các quận lý tố cáo việc nguy quyền hạn chế việc đi lại mua bán, làm ăn và đấu tranh đòi cung cấp muối, gạo, vải, nông cụ. Địch ra lệnh cho nhân dân phải đi nhật tất cả truyền đơn mà chính dân đã rải để tuyên truyền làm binh vận, về nộp cho chúng. Dựa vào lệnh đó, nhân dân không rải như cũ nữa, mà cầm truyền đơn đưa thẳng vào tay binh lính hay sĩ quan địch, kể cả bọn ác ôn. Có đồng bào trong đêm đi căng biểu ngữ chống Mỹ - Diệm, bắt

ngờ gặp địch, họ bình tĩnh tháo biểu ngữ ra và nói với chúng: "Tôi không biết chữ, thấy ai treo cái gì đây, tôi gỡ để đem nộp cho các quan".

Dựa vào sức mạnh đoàn kết trong thôn xóm, lợi dụng phong tục, tập quán cổ truyền, nhân dân đã tỏ rõ sức mạnh của mình trong việc chống lại các hình thức kìm kẹp của địch. Mỹ - Diệm bắt nhân dân lập danh sách gia đình treo trước nhà, chụp ảnh làm thẻ căn cước, họ viện lý do sợ ma bắt để không làm. Địch lúng lúng vào thôn ấp, nương rẫy để bắt cán bộ, bắt thanh niên đi lính, cướp bóc, họ đặt ra việc kiêng cử, cấm đi lại không cho chúng muốn làm gì thì làm. Thậm chí có lúc địch bắt phải treo ảnh Diệm, treo cờ ba que thì họ đem treo ngoài chuồng heo, treo ngược trong bếp, v.v... và nói là theo phong tục địa phương, treo trong nhà ma bắt chết cả làng.

Chống lại các cuộc khủng bố, bắt bớ, đánh đập nhân dân, có nơi đồng bào kéo cả làng ra, níu kéo, xô xát với lính địch khiến cho chúng phải chùn lại.

Trong cuộc đấu tranh rộng lớn chống "tố Cộng", chống kìm kẹp, chống khủng bố trắng, tuy nơi này nơi khác có bị thiệt hại, nhưng nói chung nhân dân đã thắng, nhân dân đều giữ vững được lòng trung thành với cách mạng. Ở Trà Bồng, không một đảng viên, cán bộ người dân tộc nào đầu hàng, đầu thú; không một cán bộ nào, dù là hoạt động hợp pháp giữa thôn xã, bị bắt, bị giết.

Trong cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn này, nhân dân dùng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp để chống lại địch, thể hiện rõ sức mạnh của quần chúng và làm thất bại "quốc sách tố Cộng" của giặc. Nhân dân cũng đã làm thất bại âm mưu thiết lập và củng cố nguy quyền thôn xã của địch.

Mới đầu địch dùng đủ mọi thủ đoạn để tranh thủ những người xấu trong tầng lớp trên và chỉ định họ đứng ra lập bộ máy cai trị. Nhân dân lợi dụng tính chất tự do, dân chủ giả hiệu của địch, buộc chúng phải để cho ta cử người ra làm.

Ở các xã vùng trung tâm căn cứ như vùng cao Trà Bồng, một số xã khác ở vùng cao Sơn Hà, các xã Ba Lễ, Ba Lục, Ba Nam, Ba Bích ở Ba Tư, ta kiên quyết không cho chúng lập ngụy quyền. Ở một số xã khác, địch cố bắt ép nhân dân phải lập, thì họ chỉ báo cáo một danh sách hội đồng xã lấy lệ, còn không để cho ngụy quyền địch có một hoạt động gì. Chính nhờ phá được kế hoạch thiết lập ngụy quyền thôn xã mà ta kịp thời không cho địch với tay đến thôn xã để gây cơ sở chính trị, gây cơ sở quần chúng.

Trong đợt 2 "tố Cộng", khi địch tiến hành thanh lọc gạt người của nhân dân ra, đưa bọn tay chân vào, thì cuộc đấu tranh diễn ra rất gay gắt, giằng co. Nhân dân không chịu giác những người đang làm có quan hệ tốt với họ, cương quyết đòi được dân chủ bầu cử người được tín nhiệm ra làm. Địch phải nhượng bộ. Mặt khác, công tác mặt trận và binh vận, địch vận được tăng cường để tranh thủ những người ở trong tầng lớp trên hay lôi kéo binh lính và sĩ quan trong hàng ngũ địch.

Nhờ vậy mà chỉ trừ một số xã, thôn sát các quận lỵ, còn thì bộ máy ngụy quyền lập ra vẫn do ta khống chế. Nhiều xã khác vẫn do nhân dân làm chủ. Thậm chí có nơi ngụy quyền cấp quận vẫn có người của ta đưa ra làm. Cho đến cuối năm 1956 đầu năm 1957, ta có thể xoá dần ngụy quyền thôn xã, trước hết là ở khu 2 vùng trung tâm căn cứ, sau đó lần lượt ở các khu khác.

Hai là, chính trong lúc địch ra sức đánh phá hòng tiêu diệt cơ sở cách mạng cũng như các cơ quan lãnh đạo của ta ở

miền Tây, mặc dù có gặp một số khó khăn nhất định, nhưng lực lượng cách mạng vẫn không ngừng phát triển và củng cố sâu rộng hơn cả thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đây là một đặc điểm nổi bật của phong trào cách mạng ở miền núi từ sau năm 1954.

Ở đồng bằng, từ sau năm 1954, do Mỹ - Diệm đánh phá một cách tàn bạo, lực lượng ta bị tổn thất, phải tạm thời đi vào thời kỳ bảo tồn và củng cố lực lượng. Còn ở miền núi thì khác hẳn, sau khi hoà bình được lập lại, nhân lúc địch tập trung sức đánh phá ở đồng bằng, chưa với tay đến miền núi, ta tranh thủ thời cơ, phát huy tất cả các điều kiện thuận lợi ở miền núi để củng cố và phát triển các cơ sở quần chúng và tổ chức lãnh đạo cả về số lượng lẫn chất lượng.

Miền núi trước kia cũng như lúc bấy giờ là căn cứ tốt nhất của cách mạng, chỗ đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, nơi phát huy ảnh hưởng của cách mạng để vận động và tổ chức quần chúng: Các tổ chức quần chúng như thanh niên, nông dân vẫn được duy trì và phát triển dưới các hình thức như tổ sản xuất, tổ đi săn... Cũng trong thời kỳ đấu tranh gay go quyết liệt này, công tác mặt trận được phát triển mạnh mẽ, công tác binh vận, địch vận cũng thu được kết quả tốt. Không những ta nắm chắc được tầng lớp trẻ, những người lao động nghèo khổ, mà còn tranh thủ nắm được hầu hết những người lớn tuổi, những người trong tầng lớp trên và một số khá đông những người làm trong ngụy quân và ngụy quyền.

Các chủ trương, chính sách và đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng ngày càng ăn sâu vào các tầng lớp nhân dân. Tất cả cán bộ đều bám sát quần chúng, nêu cao tinh thần bất khuất, trung thành vô hạn với nhân dân. Vì thế mà từ sau năm 1954, cách mạng đã xây dựng được một niềm tin tuyệt

đổi vào thắng lợi cuối cùng cho cán bộ và nhân dân. Nhân dân ngày càng phân rõ thù, ta. Làm việc gì quần chúng cũng hỏi ý kiến của cán bộ. Họ xem công việc của cách mạng là công việc của bản thân mình. Họ xem mọi việc làm của địch là âm mưu, là thủ đoạn, nhất thiết phải chống lại. Sự gắn bó giữa cách mạng với quần chúng ngày càng chặt chẽ, tạo nên một sức mạnh chính trị to lớn. Mặt trận nhân dân chống Mỹ - Diệm ở miền núi được phát triển và củng cố ngày càng vững chắc.

Dựa trên sự đoàn kết nhất trí của quần chúng nhân dân các dân tộc, các cơ quan lãnh đạo từ xã đến huyện và toàn miền Tây đều được củng cố và phát triển vững mạnh. Có thể nói, qua các đợt "tố Cộng" của địch, các cơ quan lãnh đạo, các tổ chức lãnh đạo cũng như đoàn thanh niên lúc bấy giờ được duy trì dưới dạng thanh niên nòng cốt do tổ chức lãnh đạo trực tiếp phụ trách, đều được duy trì và không ngừng được tăng cường với một đội ngũ cán bộ người dân tộc được đào tạo và thử thách trong chiến đấu. Từ đầu năm 1957, các tổ chức lãnh đạo cơ sở ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ bắt đầu phát triển; kết nạp những phần tử ưu tú trong thanh niên trở thành một đội ngũ cán bộ đầy sức lực để lãnh đạo phong trào. Vai trò lãnh đạo được tăng cường hơn bao giờ hết. Các tổ chức lãnh đạo càng cầm chặt rẽ trong quần chúng nhân dân, không một thủ đoạn tàn bạo nào của quân thù có thể đánh bật ra được. Đây là một yếu tố hết sức quan trọng làm cho căn cứ miền núi lớn mạnh không ngừng.

Ba là, trong cuộc đấu tranh gay go ác liệt với quân thù, trong việc củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, đã xuất hiện những lực lượng bất hợp pháp, gồm phần đông là thanh niên, dân dân có vai trò thúc đẩy phong trào tiến lên theo một xu thế mới.

Ngay từ những năm 1955 - 1956 khi địch bắt đầu tiến hành tổ chức "tố Cộng", vây ráp thanh niên bắt lính, theo tập quán của các dân tộc, dựa vào địa thế thuận lợi của núi rừng, một số đông thanh niên được tổ chức để lánh ra rừng, ra rẫy. Đến đầu năm 1957, khi địch đánh phá mạnh, hầu hết thanh niên, những người có sức khoẻ đều được chuyển ra sống bất hợp pháp. Ở vùng cao Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, lần lượt ra đời các trại bí mật của thanh niên ở từng thôn xã. Ở đó họ vẫn bám sát quê hương, tham gia sản xuất với gia đình, với nhân dân hay tổ chức sản xuất riêng để tự túc. Được sự lãnh đạo trực tiếp của cán bộ, họ được tổ chức thành đội ngũ để học tập văn hoá, chính trị do đoàn thanh niên làm nòng cốt. Họ trở thành lực lượng xung kích trong phong trào ở thôn xã, một số đã đảm nhiệm các công tác cách mạng như liên lạc, trinh sát, bảo vệ cơ quan, cán bộ hay đi vận động quần chúng. Một số ưu tú nhất trở thành cán bộ lãnh đạo thôn xã. Để chống lại sự lùng sục, khủng bố của địch, tự bảo vệ cho mình và cho trại, họ tổ chức cắm chông, gài bẫy, đồng thời làm nòng cốt trong việc bố trí bảo vệ thôn xã. Họ được huấn luyện về quân sự và dần dần biến thành lực lượng tự vệ có vũ trang bằng vũ khí thô sơ theo tập quán của đồng bào dân tộc.

Như thế không những đã hình thành một lực lượng bất hợp pháp bên cạnh đạo quân chính trị được phát triển của toàn dân, mà đã ra đời trong thôn xã hình thức sơ khai của lực lượng vũ trang quần chúng. Chính sự ra đời của lực lượng này làm tăng thêm sức mạnh đấu tranh bằng bạo lực của quần chúng, tăng thêm tính chất vừa đấu tranh chính trị vừa có vũ trang tự vệ của phong trào.

Nhiều anh em thanh niên đã nêu những tấm gương chiến đấu anh dũng tuyệt vời. Có thể lấy Trà Bồng làm ví dụ. Anh

Lý khi làm liên lạc cho cán bộ, bị địch phục kích bắt, có mang tài liệu trong người. Bị tra tấn, đánh đập ngay tại chỗ, anh không hề khuất phục, không một lời cung khai. Cuối cùng địch cột anh vào xe gíp kéo chạy trên đường làm giập nát cả thân thể anh. Anh đã dũng cảm hy sinh, bảo vệ được an toàn cho cơ quan lãnh đạo. Anh Ấy người Tà Ôi luôn luôn biểu thị sự căm thù bọn cướp nước và bán nước. Cánh tay anh có xăm khẩu hiệu "Đả đảo Mỹ - Diệm". Trong khi đi rải truyền đơn, anh bị địch bắt. Địch đánh què hẳn tay anh, anh vẫn hô khẩu hiệu nói trên và nói thẳng vào mặt quân thù: "Đánh gãy tay tao thì tay tao xăm, miệng tao hô đả đảo Mỹ - Diệm là trúng". Sau đó địch dùng mọi thủ đoạn để dụ dỗ mua chuộc anh làm tay sai cho chúng, anh đều cự tuyệt. Cuối cùng chúng phải trả anh về lại núi rừng, quê hương.

Lực lượng bất hợp pháp nói trên đã hình thành trong bước quá độ chuyển lực lượng chính trị thành lực lượng vũ trang, là nhân tố rất quan trọng để chuyển phong trào từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị và quân sự song song.

Bốn là, ngay từ sau năm 1954, trong khi dùng bạo lực của quân chúng để chống lại quân thù, nhân dân miền núi không phải chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, mà đã sớm biết kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang trên những mức độ khác nhau trong từng thời kỳ nhất định.

Nhân dân miền núi từ xưa có tập quán vũ trang tự vệ. Lúc nào họ cũng mang theo ná, dao, giáo, mác. Làng thôn họ lúc nào cũng được cắm chông, gài bẫy để chống thú rừng và để chống cướp bóc. Tục "trả dẫu" đã hợp pháp hóa việc họ trừng trị những kẻ đã gây nợ máu với nhân dân. Do vậy mà trong khi đấu tranh chính trị chống lại kẻ thù, họ đã có một uy lực khiến cho kẻ thù phải dè chừng. Hơn nữa, cuộc sống

tập thể trong thôn xóm, địa thế hiểm trở của núi rừng thuận lợi cho các hoạt động du kích, làm tăng thêm sức mạnh của họ. Cũng chính vì vậy, việc chuyển qua đấu tranh vũ trang sống mái với quân thù của đồng bào các dân tộc có nhiều điều kiện thuận lợi.

Tất cả các hoạt động nói trên từ năm 1956 trở về trước chỉ diễn ra lẻ tẻ. Từ đầu năm 1957, khi địch tập trung đánh phá các vùng căn cứ, cán bộ và nhân dân đều thấy rõ nếu không đẩy mạnh các hình thức tự vệ trong đấu tranh chính trị thì không thể bảo toàn được cơ sở thúc đẩy phong trào tiến lên. Do đó các hoạt động vũ trang tự vệ đã được sử dụng phổ biến từ hình thức thấp đến hình thức cao.

Dựa vào cuộc sống tập thể, đoàn kết gắn bó trong thôn xóm, nhân dân luôn luôn phát huy sức mạnh của quần chúng trong các cuộc đấu tranh chống khủng bố. Nhiều nơi nhân dân dùng các hình thức như "bắt nhuốc", "phạt vạ" để hạn chế hay hạ uy thế của bọn ác ôn tay sai. Nhiều nơi khi địch đến đánh ai, bắt ai thì cả xóm, có khi cả thôn đều kéo ra mang cả vũ khí để vừa đấu lý đấu lẽ vừa phô trương lực lượng để uy hiếp quân thù. Bọn chúng thường phải nhượng bộ vì thấy nhân dân có vũ khí tự vệ.

Từ khi hình thành các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang trong thôn xã, khí thế đấu tranh của nhân dân được nâng cao và việc diệt ác được tổ chức thường xuyên hơn. Các nhóm vũ trang dưới hình thức "trả đầu" hình thành và hoạt động trong phạm vi hẹp ở thôn xóm. Các nhóm này có nhiệm vụ trấn áp các phần tử xấu trong những tên phản bội và tiêu diệt bọn thám báo, gián điệp từ ngoài đến. Ở các vùng trung tâm căn cứ thuộc vùng cao Trà Bồng và Sơn Hà, nhiều nhóm vũ trang của thanh niên được tổ chức sẵn để diệt thám

bảo, gián điệp từ xa đến, bảo vệ cán bộ và các cơ quan lãnh đạo.

Trong khi đó thì việc bố trí bảo vệ thôn xóm vẫn với lý do hợp pháp là chống thú rừng, chống cướp bóc được đẩy mạnh và có kế hoạch chống địch hành quân, lùng sục. Để bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, ngoài các trại bí mật của thanh niên, còn có các trại sơ tán người, cất giấu tài sản. Việc canh gác thôn xóm, tổ chức nắm tình hình địch, báo động, truyền tin bắt đầu được đẩy mạnh.

Từ sau năm 1954, nhất là từ sau năm 1956, trong khi đẩy mạnh đấu tranh chính trị, nhân dân đã dùng các hình thức đấu tranh có tính chất vũ trang để tự vệ. Xu thế phát triển của phong trào ngày càng thể hiện rõ sự kết hợp giữa hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Năm là, dựa vào sức mạnh chính trị của quần chúng, sự trung thành của nhân dân với cách mạng, ngay từ đầu ban lãnh đạo tỉnh đã đặt vấn đề xây dựng các khu an toàn, chỗ đứng chân ở cả miền núi lẫn đồng bằng.

Chính nhờ vậy mà qua đợt "tố Cộng" đầu tiên của địch các cơ quan lãnh đạo đã có chỗ đứng chân, được nhân dân bảo vệ, hạn chế được thiệt hại; phần lớn cơ quan lãnh đạo tỉnh đã chuyển về vùng cao an toàn. Từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1957, trước tình hình địch đánh phá ác liệt hòng tiêu diệt các khu an toàn ở miền núi, tuy chưa có chủ trương, kế hoạch rõ ràng, đầy đủ, nhưng để đối phó lại với địch, việc xây dựng căn cứ địa đã được đặt ra và từng bước thực hiện thu được kết quả tốt. Vùng căn cứ của tỉnh được xây dựng bao gồm 22 xã vùng cao của hai huyện miền Tây. Một căn cứ thứ hai gồm 12 xã đã hình thành ở giáp giới 3 huyện miền Tây khác. Ở

phía nam lại có một căn cứ nữa gồm 8 xã. Một số khu an toàn ở vùng giáp ranh cũng được củng cố làm chỗ dựa cho các huyện đồng bằng.

Chính trong lúc địch ra sức tiêu diệt căn cứ cách mạng ở miền núi, thì các căn cứ địa dần dần được củng cố và phát triển ngày càng toàn diện, vững chắc.

Chính nhờ biết dựa vào sự giác ngộ của nhân dân các dân tộc, tin tưởng vào khả năng cách mạng của quần chúng nên ta đã phát huy được sức mạnh của đồng bào các dân tộc ở miền núi. Trong lúc phong trào chung có gặp khó khăn, nhưng biết nhìn rõ tình hình thực tế ở miền Tây Quảng Ngãi, nên ta đã phát triển thế tiến công của cách mạng, ngăn chặn được sự phản kích ác liệt của quân thù và tiến lên đánh đổ chúng.

Trong quá trình lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên đồng thời cũng là một quá trình đấu tranh nội bộ kiên quyết chống lại những quan điểm, tư tưởng lệch lạc lúc bấy giờ, như chỉ thiên về đấu tranh chính trị hợp pháp đơn thuần, thậm chí có lập luận cho rằng có thể bằng con đường chuyển hoá hoà bình để giành thắng lợi. Chủ trương đó không phù hợp với tình hình khách quan Mỹ - Diệm đã phát xít hoá đến cao độ bộ máy chính quyền, thẳng tay đánh phá phong trào hồng tiêu diệt đến người yêu nước và kháng chiến cuối cùng. Chủ trương đó cũng không đáp ứng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc đang tỏ rõ lòng trung thành với cách mạng, kiên quyết chống trả lại quân địch với tất cả sức mạnh của lòng yêu nước và truyền thống đấu tranh bất khuất.

Câu hỏi 7: Nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi từ đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ, giữ vững thế tiến công, chuẩn bị tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền như thế nào? Cho biết đôi nét về việc thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ?

Trả lời:

Để đối phó với phong trào cách mạng, Mỹ - Diệm tập trung sức tiến công lên miền núi. Căn cứ địa của ta bắt đầu bị uy hiếp nghiêm trọng. Phong trào tuy có những bước phát triển nhưng cũng gặp rất nhiều khó khăn. Ban lãnh đạo đã đề ra một số biện pháp để giữ vững phong trào ở miền núi, củng cố căn cứ địa và ra sức xây dựng lại cơ sở ở đồng bằng. Chủ trương của tỉnh lúc bấy giờ là phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Đồng thời có lãnh đạo sát sao việc sử dụng một số hình thức đấu tranh có tính chất đấu tranh vũ trang tự vệ như diệt ác ôn, gián điệp, thám báo, biệt kích xâm nhập vào các vùng căn cứ. Tỉnh cũng chủ trương phải lãnh đạo nhân dân bảo vệ nương rẫy, thôn xóm theo cách nửa hợp pháp, vận động đồng đảo thanh niên thoát ly thôn xóm vừa để bảo vệ họ chống lại âm mưu bắt lính của địch, vừa sử dụng lực lượng thanh niên này dần dần tham gia đấu tranh vũ trang. Cũng trong thời gian này, tại các thôn xã, một số đội vũ trang nhân dân hoạt động dưới hình thức "diệt ác" đã xuất hiện. Việc chuẩn bị về vật chất, nhất là tích trữ muối, vải, nông cụ, sản xuất tự túc cũng được lo liệu khá chu đáo.

Chính trong lúc này, tỉnh nhận được tài liệu "*Bàn về cách mạng miền Nam*" của cơ quan lãnh đạo toàn miền Nam

từ Nam Bộ gửi ra. Văn kiện lịch sử đó chỉ rõ con đường của cách mạng miền Nam chỉ có thể dùng bạo lực cách mạng của quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù, phải vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Tài liệu còn nêu lên các kinh nghiệm thành lập các đội vũ trang diệt ác, phá tề, thích hợp với tình hình chính trị lúc bấy giờ. Tài liệu đó xác định cho những người lãnh đạo ở Quảng Ngãi và Trà Bồng một phương hướng rõ rệt để đưa phong trào tiến lên; nó khẳng định quyết tâm vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Cũng từ đó, mọi mặt công tác đều được đẩy mạnh hơn để nhanh chóng chuyển hướng phong trào. Ánh bình minh đã chiếu sáng núi rừng miền Tây Quảng Ngãi.

Tháng 2 năm 1958, ban lãnh đạo tỉnh họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng, kiểm điểm lại việc bước đầu chuyển hướng phong trào, sau khi áp dụng một số hình thức đấu tranh có tính chất vũ trang tự vệ. Tình hình đã có những bước phát triển đáng phấn khởi. Quần chúng nhân dân ở các huyện miền núi nhiệt liệt hưởng ứng. Các già làng, lãnh tụ nghĩa quân ngày xưa đều đồng tình ủng hộ. Quần chúng cách mạng ở đồng bằng luôn luôn đề xuất ý kiến với lãnh đạo cần phải vũ trang diệt ác, trừ gian thì mới xây dựng và phát triển cơ sở được. Cán bộ lãnh đạo các cấp đều nhất trí và quyết tâm. Về phía địch, bọn ác ôn ngoan cố đã bớt hung hăng, những người làm trong ngũ quân và ngũ quyền bắt đầu lo sợ. Địch co lại. Các hoạt động của chúng có bị hạn chế ít nhiều. Ban lãnh đạo tỉnh nhất trí nhận định tài liệu "*Bàn về cách mạng miền Nam*" đã đem lại ánh sáng soi rọi cho bước phát triển mới trong phong trào của tỉnh nhà trong thời gian qua. Hiện nay đã đến lúc và có đủ điều kiện để xúc tiến việc đấu

tranh vũ trang tự vệ của quần chúng. Song song với đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phải đẩy mạnh vũ trang tự vệ và vũ trang hỗ trợ, đồng thời chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Tỉnh quyết định cử một đoàn cán bộ về cơ quan lãnh đạo cấp trên báo cáo tình hình và xin chỉ thị.

Sau khi nghe báo cáo đầy đủ tình hình cùng những ý kiến đề nghị của tỉnh, đồng chí Trần Nam Trung thay mặt ban lãnh đạo miền Nam Trung Bộ, chỉ thị:

"Nhận định của tỉnh là đúng. Đứng trước kẻ thù tàn bạo đang quyết liệt dùng bạo lực để tiêu diệt cách mạng, không tiến hành đấu tranh bằng bạo lực cách mạng của quần chúng, không từng bước kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, thì không thể giữ vững và phát triển phong trào. Ban lãnh đạo miền Nam Trung Bộ, ban lãnh đạo toàn miền Nam và cả Trung ương cũng đã nhất trí như vậy. Bây giờ phải ra sức chuẩn bị, tình thế đã đặt ra rồi. Có ra sức chuẩn bị thì mới tranh thủ được thời cơ. Phải chú ý vận dụng cả hai hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang, phải mở rộng căn cứ địa hơn nữa đến vùng thấp, vùng giáp ranh và đồng bằng, đồng thời tiếp tục chuẩn bị đầy đủ mọi mặt...

Đối với vùng cao, khi có điều kiện cho phép thì tỉnh có thể phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, xoá ngục quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Nhưng phải tiến hành một cách hết sức khéo léo không kích thích địch có những phản ứng quyết liệt gây tổn thất cho phong trào chung. Đây là vấn đề nghệ thuật trong lãnh đạo. Có làm như vậy ta mới tranh thủ được sự sơ hở của địch để có thời gian xây dựng và mở rộng căn cứ, chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy khởi nghĩa vũ trang trong toàn tỉnh thuận lợi hơn. Đối với

vùng thấp và vùng đồng bằng, phải hết sức thận trọng, khi nào có chỉ thị của cấp trên mới cho nổi dậy khởi nghĩa".

Như vậy, về mặt tư tưởng và chủ trương đã có sự nhất trí từ trên xuống đến ban lãnh đạo tỉnh. Về phương hướng cụ thể để chuẩn bị và tiến hành vũ trang khởi nghĩa cũng được vạch ra rõ ràng. Một giai đoạn lịch sử mới đã mở ra đối với phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 25 tháng 5 năm 1958, ban lãnh đạo tỉnh họp toàn thể để nghe báo cáo lại những chỉ thị của cấp trên và thảo luận phương pháp thực hiện.

Trước hết là vấn đề phát động tư tưởng cán bộ và nhân dân các dân tộc tạo nên một sự nhất trí về chính trị từ trên xuống. Hội nghị đã đề ra việc chống lại các khuynh hướng nôn nóng chỉ muốn đấu tranh vũ trang, xem nhẹ đấu tranh chính trị, hoặc tự phát manh động có thể đưa lại thiệt hại cho phong trào. Lúc bấy giờ trong một số cán bộ có hiện tượng tư tưởng cho rằng nếu cấp trên đồng ý là có thể phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa ngay, không cần chuẩn bị. Mặt khác cũng đấu tranh chống lại khuynh hướng chờ đợi làm đồng loạt cả tỉnh, sợ đột xuất, thực chất là ngại chiến đấu, ngại hy sinh, gian khổ. Một kế hoạch cụ thể từng bước phát động tư tưởng trong các cấp cán bộ và các tầng lớp nhân dân được vạch ra.

Các tổ chức lãnh đạo từ tỉnh, huyện đến xã được củng cố. Các tổ chức quần chúng, thanh niên, phụ nữ, nông dân đã được phục hồi lại để tập họp các phần tử tích cực trong các tầng lớp nhân dân. Cũng trong hội nghị này đã quyết định thành lập ban quân sự tỉnh để giúp ban lãnh đạo tỉnh chỉ đạo về mặt xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang.

Việc xây dựng căn cứ để phát động đấu tranh vũ trang được đề cập cụ thể về nhiều mặt như thành lập các chiến khu, xây dựng làng chiến đấu, việc bố trí lực lượng của nhân dân; vấn đề thành lập lực lượng vũ trang địa phương, việc thành lập các đội cảm tử, diệt ác ôn; vấn đề áp dụng phương châm đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ như diệt ác, trừ gian, việc phát động quần chúng tiến hành chiến tranh du kích ở miền núi và vùng giáp ranh...

Ban lãnh đạo tỉnh cũng thảo luận và quyết định phương châm đấu tranh cho 3 vùng ở miền núi (vùng trung tâm căn cứ, vùng đệm, vùng thấp có nguy quyền xã, thôn), phương châm xây dựng và đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở các vùng giáp ranh và đồng bằng, vùng sâu và thành thị.

Nắm vững phương châm toàn diện trong việc xây dựng căn cứ địa, ban lãnh đạo tỉnh đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát động tư tưởng của cán bộ và nhân dân, việc củng cố xây dựng các tổ chức chính trị; đồng thời chủ trương đẩy mạnh sản xuất tự túc trong nhân dân, thành lập các trại sản xuất để cung cấp cho cán bộ và lực lượng vũ trang, dự trữ muối, vải, nông cụ... Trong khi đề ra các nhiệm vụ cụ thể, tỉnh đã hướng vào các yêu cầu: Thứ nhất, phải tiến hành mọi mặt công tác thích ứng với tình hình chính trị lúc bấy giờ, đảm bảo được bí mật, giữ được thế hợp pháp, không cho địch có những phản ứng bất lợi cho ta. Thứ hai, phát huy được truyền thống, tập quán của đồng bào các dân tộc, đặc điểm của núi rừng, để không những khai thác được khả năng và sức mạnh tiềm tàng của nhân dân các dân tộc, mà còn nhân đó giữ được thế hợp pháp, lợi dụng được sự sơ khoáng của địch. Thứ ba, kết hợp giữa việc đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền với việc tăng cường thực

hiện các chính sách dân tộc của cách mạng, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa Kinh, Thượng và việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Ngày 2 tháng 6 năm 1958, cán bộ toàn miền Tây họp để nghe phổ biến nghị quyết của ban lãnh đạo tỉnh và bàn biện pháp thực hiện. 80 cán bộ của 8 khu đã về họp với tất cả khí thế mới mẻ bắt nguồn từ những chuyển biến bước đầu của phong trào. Tất cả đều nhất trí với phương hướng của cấp trên đề ra. Trong hội nghị này đã tuyên bố thành lập các ban quân sự của các khu (tương đương huyện), các xã ở vùng cao và chuẩn bị người tham gia vào lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh.

Đường lối nêu lên từ văn kiện lịch sử "*Bàn về cách mạng miền Nam*" được quán triệt trong hàng ngũ cán bộ đã biến thành tư tưởng chủ đạo của phong trào. Đây là một vấn đề rất quan trọng để giải thích tại sao từ sau năm 1958, miền Tây Quảng Ngãi đã ở trong xu thế của một cao trào cách mạng, tạo nên nhiều nhân tố thuận lợi để có thể tranh thủ thời cơ phát động nhân dân vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Để mở đầu cho việc phát động nhân dân, từng bước tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, tỉnh đã mở Đại hội nhân dân các dân tộc ở Trà Bồng để rút kinh nghiệm, sau đó sẽ tiến hành ở các huyện khác.

Ngày 7 tháng 7 năm 1958, Đại hội nhân dân bốn dân tộc ở Trà Bồng: Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh, họp ở Gò Rô (sau này gọi tắt là *Đại hội Gò Rô*), thuộc xã Trà Phong, vùng cao huyện Trà Bồng. Trên một khu đồi lịch sử, 20 năm trước đã diễn ra trận đánh vô cùng oanh liệt của người Cor chống lại thực dân Pháp, đại hội "Diễn Hồng" chống Mỹ, cứu nước của

huyện đã khai mạc với gần 200 cán bộ và đại biểu của nhân dân Trà Bồng. Các cán bộ lãnh đạo tiêu biểu trong huyện, các già làng yêu nước, các lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp ngày xưa và các cán bộ trưởng thành trong phong trào cách mạng ở khắp các thôn xã đã về dự đông đủ.

Các già làng, lãnh tụ nghĩa quân ngày trước như cụ Tài, cụ Vinh, cụ Triều, cụ Kiến, cụ Bung, cụ Nà, cụ Chim... trong thời gian qua như những cây que cổ thụ giữa rừng que mênh mông, bát ngát, đương đầu với phong ba bão táp, người rút sâu vào núi bất hợp tác với quân thù, người chan hoà trong cuộc đấu tranh của đồng bào, đã tỏ rõ lòng trung thành vô hạn với cách mạng. Cụ Gia lúc bấy giờ đã quá 100 tuổi không về dự đại hội được đã cử con mình, cũng là một lãnh tụ nghĩa quân, đến đại hội nói lên nguyện vọng của dân tộc Cor chưa bao giờ chịu khuất phục quân thù. Phó Nía từ vùng cao Sơn Hà đến với tất cả uy thế của mấy đời chống ngoại xâm. Đinh Cày, một cán bộ lãnh đạo trung kiên hết mực từ vùng thấp Sơn Hà lên và nhiều đại biểu từ Ba Tư, Minh Long qua, đem đến cho đại hội tinh thần đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc ở miền Tây Quảng Ngãi. Đại hội phản ánh nguyện vọng của nhân dân các dân tộc đoàn kết chống Mỹ - Diệm, đã nhất trí kêu gọi đồng bào chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng. Với tinh thần không để một người con em nào của dân tộc còn lầm đường lạc lối đi theo địch, đại hội đã ra lời kêu gọi những người còn ở trong ngục quân và ngục quyền trở về với nhân dân.

Đại hội Gò Rô thể hiện khối đoàn kết nhất trí của nhân dân các dân tộc trong công cuộc đấu tranh chống kẻ thù Mỹ - Diệm. Ông Noa, con cụ Gia, người đã từng bắn chết tên quan hai Pháp trên núi rừng vùng cao Trà Bồng, đã đồng dục báo

cáo lại cho đại hội lời của cha mình trong sáng như một chân lý: "Phải đánh Mỹ - Diệt sớm chừng nào hay chừng nấy. Chúng nó như cây chùm gửi để lâu mọc nhiều rễ khó đốn. Có cách mạng, có Bác Hồ lãnh đạo, Kinh, Thượng đoàn kết cùng đánh thì nhất định thắng. Nếu không đánh thì không thể đoàn kết được nhân dân, không thể bảo tồn được lực lượng, vì cái lòng, cái ruột của nhân dân đã muốn như vậy". Già Khánh, một già làng có uy tín được nhân dân cử ra làm trong nguy quyền dịch, nói một cách thiết tha: "Nhân dân Trà Bồng trước đây sống như dúi, như mù trong rừng, trong núi. Trong kháng chiến có Bác Hồ cho nên người Cor như chết rồi mà sống lại. Bây giờ cách mạng và Bác Hồ chỉ cho cách đánh Mỹ - Diệt không khác gì một người đi trong đêm tối được ánh sáng soi đường". Ban lãnh đạo tỉnh trao cho đại hội lá cờ thêu dòng chữ "*Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng*". Cụ Triều và cụ Kiến được cử lên nhận cờ. Cụ Triều, người già làng tóc đã bạc trắng trong cuộc đời liên tục chống ngoại xâm, phát biểu: "Nhân dân Trà Bồng, người dân tộc Cor xin hứa suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng, dù có chết, có cực khổ đến mấy, dù phải đánh hết đời này qua đời khác".

Sau đại hội Gò Rô, Huyện ủy Trà Bồng mở hội nghị già làng từng xã, cử cụ Triều, cụ Toa, cụ Vinh, cụ Kiến... đến các thôn, nóc phát huy kết quả của đại hội. Đây là một đợt vận động chính trị, phát động quần chúng khá sâu rộng.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, đến đầu năm 1959, hầu hết các xã đều có các đội du kích mật để bảo vệ cơ quan và cán bộ. Du kích và nhân dân thi đua làm hầm chông, chạ bẫy vây quanh các đồn địch, các rẫy quế, rẫy lúa, các thôn nóc, làm cho địch hễ ra khỏi đồn đi lũng sục là bị thương vong.

Cũng thời gian này, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy chủ trương thống nhất các nhóm "Trà đầu" thành một tổ chức gọi là "Binh ông Cả Trưôm" đã gây nhiều thanh thế trong diệt ác, phá tề, chống địch đi lòng sục, càn quét; hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân. Đồng bào phấn khởi loan tin "Ông Trưôm ở bên cạnh Bác Hồ đã kéo quân về Trà Bồng" làm cho địch ngày càng hoang mang lo sợ. "Binh ông Cả Trưôm" ở Trà Bồng đã dần dần phối hợp với "Binh Phó Nía" ở Sơn Hà và "Binh Chánh Khanh" ở Ba Tơ, mở rộng địa bàn hoạt động trên toàn miền Tây Quảng Ngãi từng bước tạo nên thế trận liên hoàn chống Mỹ - Diệm ở miền núi, đẩy địch ngày càng lún sâu vào thế đối phó, bị động, lúng túng.

Nhân dân Trà Bồng đã làm trọn lời thề "Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng". Đó là lời thề đã được viết lên bằng máu trong mấy năm trường đấu tranh gian khổ và sẽ được tô thắm bằng máu. Cụ Đoá ở Trà Sơn, sau nhiều lần bị bắt, bị tra khảo đến kiệt sức, trước khi chết còn bảo con cháu đem rựa đến cho cụ vót chông và dặn lại: "Dân tộc ta chỉ biết có một Chính phủ Cụ Hồ. Đồng bào hãy vót thêm chông, mài thêm mác, để rồi sẽ vùng lên chống giặc. Tôi tiếc là chết đi mà chưa thấy được ngày đó". Và cụ Triều, người được cử ra thay mặt cho dân tộc Cor nhận cờ và khẳng định lời thề son sắt đã luôn luôn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Sau đại hội Gò Rô, cụ và các già làng yêu nước khác như cụ Toa, cụ Vinh lặn lội đi vào các thôn xóm để tuyên truyền, giáo dục nhân dân phát huy kết quả của đại hội kêu gọi và tổ chức nhân dân đứng lên đánh địch. Chẳng may trong lúc làm công tác, cụ bị địch bắt. Chịu đựng tất cả mọi tra tấn nhục hình, cụ không hề tiết lộ bí mật của cách mạng. Địch đưa cụ về làng quê Trà Lãnh đánh đập tra tấn để uy hiếp tinh thần

của nhân dân. Mấy ngày đêm liền, cụ vẫn nêu cao khí tiết cách mạng, vẫn luôn mồm chửi vào mặt quân thù. Chúng bắt cụ điểu qua các thôn xóm. Máu me đầy mình, thân thể bầm tím, cụ vẫn đi trong khí thế hiên ngang, bất chấp báng sừng, lưỡi lê của quân thù. Cuối cùng chúng tổ chức hành hình cụ trước dân làng. Trước khi bị bắn, cụ tranh thủ dặn dò, khuyên nhủ bà con: "Tôi chết, con cháu tôi và đồng bào hãy tiếp tục chống Mỹ - Diệm đến cùng và suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng". Cụ Triều hy sinh nhưng tấm gương anh dũng bất khuất của cụ đã rọi sáng trên núi rừng Trà Bồng, cổ vũ nhân dân tiến lên. Quê hương của cụ vào cuối năm 1958 đã nổi dậy cầm vũ khí đánh quân thù, nhen lên đốm lửa khởi nghĩa đầu tiên ở vùng cao Trà Bồng, báo hiệu cuộc đồng khởi rộng lớn vào mùa thu năm 1959 nhất định sẽ xảy ra.

Sau đại hội Gò Rô, ở vùng cao Trà Bồng còn mở nhiều hội nghị khác như hội nghị các già làng thôn nóc ở từng xã hay từng khu, hội nghị những người làm trong ngục quyền địch nhằm làm cho họ hiểu rõ đường lối cách mạng và kêu gọi họ đứng hẳn về phía nhân dân. Các hội nghị này đánh một đòn nặng vào ngục quyền thôn xã, thúc đẩy một số người còn lừng chừng thêm kiên quyết hành động, cô lập bọn cầm đầu phản động và nhất là làm tan rã tổ chức dân vệ vốn đã tàn lụi dần.

Trà Bồng cũng mở đại hội thanh niên toàn huyện, cổ vũ thanh niên dẫn đầu trong việc bảo vệ thôn xã và sẵn sàng tham gia các tổ chức vũ trang địa phương, đồng thời cũng để dần dần thống nhất về tổ chức lực lượng thanh niên toàn huyện. Thanh niên ở các trại thoát ly nhiệt liệt hưởng ứng. Họ còn được giao nhiệm vụ vận động làm tan rã tổ chức dân vệ và đưa những người thanh niên còn dính líu với địch đi theo cách mạng. Khí thế của thanh niên được nâng lên mạnh

mẽ và ngay từ hội nghị này, họ được chuẩn bị tổ chức lại để làm vai trò xung kích trong thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Tổ chức phụ nữ ở xã và ở huyện cũng dần dần được phục hồi để tập hợp lực lượng phụ nữ. Nhiều cán bộ nữ thanh niên đã được đào tạo chuyển sang làm công tác phụ nữ. Hoạt động phụ nữ được đẩy mạnh, nhằm vào các nhiệm vụ: sản xuất tự túc, đấu tranh chính trị chống càn quét, khủng bố và làm công tác binh vận, địch vận. Tất cả đều nhằm hướng vào công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, giành chính quyền.

Các hoạt động chính trị rộng lớn nói trên đưa đến một kết quả hết sức quan trọng: Mặt trận đoàn kết dân tộc, đoàn kết nhân dân được phát triển và củng cố. Cách mạng đã nắm chắc được lực lượng thanh niên, đồng thời đoàn kết được tất cả các tầng lớp nhân dân.

Dựa trên các nhân tố chính trị được củng cố và phát triển đó, ta đẩy mạnh các hoạt động vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và cho ra đời các lực lượng vũ trang địa phương.

Sau đại hội Gò Rô, việc tổ chức chống địch lùng sục càn quét được đẩy mạnh ở khắp mọi nơi đã trở thành một phong trào thi đua sôi nổi. Chông, thò, bẫy, hầm chông... giăng ngang dọc trên các rẫy quế, rẫy lúa, các thôn xóm và bao quanh các đồn địch.

Từ trong phong trào quần chúng đó đã dần dần hình thành các tổ chức tự vệ của nhân dân trong thôn xã ở các huyện Ba Tư, Sơn Hà, Minh Long, trong các thôn xóm đã có các tổ du kích bí mật để bảo vệ cơ quan, bảo vệ cán bộ. Từ cuối năm 1957, các tổ chức đó đã phát triển và qua năm 1958, trong các thôn ấp đều có đội du kích bí mật, gồm những phần tử tích cực và trung thành trong nhân dân và lớn lên trong phong trào của quần chúng.

Từ sau đại hội Gò Rô, việc diệt ác phá tề được nâng lên thành một phương châm hoạt động để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ theo hướng tiến lên vũ trang khởi nghĩa và tiến hành chiến tranh cách mạng. Từ đó đã đưa đến việc ra đời các đội vũ trang công tác, vũ trang tuyên truyền. Dựa vào kinh nghiệm diệt ác trừ gian trong thời kỳ đầu, dựa vào phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc, từ tháng 8 năm 1958, tỉnh đã chỉ đạo thành lập các nhóm vũ trang dưới hình thức "trả đầu" có tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ. Như thế là vừa tranh thủ được sự đồng tình của đông đảo nhân dân, vừa lợi dụng được thế hợp pháp để hạn chế sự phản ứng của địch. Ra đời đầu tiên là nhóm Vói - Quýt ở Sơn Lãng, huyện Sơn Hà. Đinh Vói, Đinh Quýt là hai cán bộ kháng chiến cũ. Mỹ - Diệm truy lùng để sát hại hai anh. Gia đình hai anh bị khủng bố, tài sản bị cướp sạch. Hai anh đã tuyên bố trước nhân dân và rải truyền đơn cảnh cáo bọn nguy quyền là các anh sẽ cầm vũ khí để tiêu diệt chúng, trả thù cho gia đình.

Rút kinh nghiệm của nhóm Vói - Quýt, nhiều nhóm khác ra đời ở Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long. Ở Trà Bồng có nhóm anh Lang, tuyên bố trả thù cho cha là cụ Triều bị địch giết chết, xóm nóc anh bị đốt phá. Anh cùng với nhóm phục kích bên bờ sông Nước Riêng, diệt một tên địch, lấy một khẩu súng. Đây là khẩu súng chiến lợi phẩm đầu tiên rơi vào tay các lực lượng vũ trang Trà Bồng.

Ngoài những nhóm được các huyện tổ chức và chỉ đạo, nhân dân trong các thôn xóm vì mang nặng hận thù với địch cũng đứng lên thành lập hàng loạt nhóm vũ trang dưới hình thức "trả đầu" để uy hiếp và trừng trị bọn tay sai của Mỹ - Diệm. Ở Sơn Hà ra đời nhóm Đinh Đáy. Đinh Đáy là một sĩ quan trong quân đội Diệm, vì không muốn phản bội lại dân

tộc, ông đã chống lại bọn cấp trên và quay về với nhân dân. Để trả thù cho đồng bào, ông đã lập một nhóm để trừng trị bọn ác ôn. Hoạt động của nhóm ông có ảnh hưởng rất lớn.

Để mở rộng phạm vi hoạt động và tăng thêm thanh thế cho các hoạt động diệt ác, phá tề, để tiến công vào các đồn bốt địch, ta đã thành lập các nhóm vũ trang khác mang tên các "nhóm bảo vệ dân tộc" như nhóm Phó Nía ở Sơn Hà, nhóm Chánh Khanh ở Ba Tơ, nhóm Cả Trươc ở Trà Bồng. Các nhóm này thường nhân danh cả dân tộc để bắt địch phải đền tội và hoạt động trên một địa bàn rộng lớn thường là cả huyện. Sau này, lúc mới thành lập, các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh cũng hoạt động dưới danh nghĩa các "nhóm bảo vệ dân tộc". Vì nhân danh cả dân tộc, mang tên những người có tên tuổi và lực lượng sử dụng cũng to lớn hơn, nên các "nhóm bảo vệ dân tộc" thường gây được ảnh hưởng sâu rộng, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng.

Tại Trà Bồng, khi địch tung ra thủ đoạn bịp bợm "chính sách đối với những người kháng chiến cũ", thì một nhóm vũ trang mới đã ra đời với tên "nhóm những người kháng chiến cũ" do một cán bộ kháng chiến cũng là một nhân sĩ đứng đầu, công khai thách thức Mỹ - Diệm trả thù cho các đồng chí của mình, vạch trần bộ mặt xảo quyệt của chúng.

Việc ra đời và hoạt động của các nhóm vũ trang dưới nhiều hình thức đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở miền núi.

Trên cơ sở phong trào ngày càng phát triển, sự lớn mạnh của các hoạt động vũ trang của nhân dân, việc chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh cũng được khẩn trương tiến hành.

Nhân dân càng hăng hái trong phong trào bảo vệ thôn xóm cũng như chuẩn bị về mọi mặt cho công cuộc khởi nghĩa

vũ trang. Khắp nơi đồng bào đều lo tăng gia sản xuất để có thêm nhiều lúa gạo ăn và tích trữ. Những "rẫy cách mạng" đã được phát và gieo trồng lấy hoa lợi để nuôi cán bộ và các tổ chức vũ trang. Các tổ đổi công và vòng công được thành lập và hoạt động trong tất cả mọi xóm nóc. Nhiều nơi đã xin giống bông của đồng bằng để trồng bông tự túc vải. Tỉnh và huyện cũng tính việc đưa khung cửi, lò rèn và tuyển mộ thợ thủ công từ đồng bằng lên để lập những cơ sở sản xuất tự túc ở miền núi. Việc tích trữ muối, vải, nông cụ được nhân dân thực hiện một cách khẩn trương, phương hướng đặt ra là nếu có bị địch bao vây kinh tế thì cũng có thể khắc phục tự túc được 3 năm. Đồng bào Kinh giúp đỡ đồng bào các dân tộc trong việc tích trữ hàng hoá. Muối từ Sa Huỳnh, nông cụ ở miền xuôi, thuốc men trong vùng địch được đưa lên cung cấp cho miền núi. Cán bộ và nhân dân, bằng mọi cách đi thu, tìm vũ khí, tự trang bị và cung cấp cho các lực lượng vũ trang. Trong một thời gian ngắn ta đã có một số lượng vũ khí có thể trang bị cho hàng đại đội.

Bước vào năm 1959, Mỹ - Diệm càng đi sâu vào con đường tội ác, thực hiện nhiều thủ đoạn đánh phá phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta tàn bạo hơn. Tháng 3 năm 1959 Mỹ - Diệm tuyên bố "*Miền Nam Việt Nam trong tình trạng chiến tranh*". Sau đó chúng ban hành *Luật 10-59*, lê máy chém đi tàn sát khắp nơi, tự do bắn giết những người cách mạng, không cần xét xử.

Tháng 5 và tháng 7 năm 1959 địch tung sư đoàn 22 ngụy, mở càn quét lớn lên miền núi Quảng Ngãi. Riêng ở Trà Bồng chúng dùng một trung đoàn càn quét đánh phá nhiều lần, nhiều ngày, gây thêm nhiều tội ác và xúc phạm nghiêm trọng đến phong tục tập quán của nhân dân. Chúng bắn phá, cướp bóc, giết chóc, phá hoại mùa màng, phong tỏa kinh tế.

Phối hợp với bảo an, dân vệ địa phương truy nã cán bộ ta, uy hiếp nhân dân, lập lại nguy quyền ở các xã đã bị xóa bỏ, nhằm dọn đường cho cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn khóa 2. Trong đợt càn quét này, hai xã Trà Lãnh và Trà Phong bị thiệt hại nặng nề nhất.

Trước tình hình đó, thực hiện tinh thần Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 1 năm 1959), Tỉnh ủy Quảng Ngãi có chủ trương rút thanh niên là cơ sở cách mạng ở đồng bằng lên, cùng thanh niên nông cốt của các xã thuộc huyện Trà Bồng để thành lập lực lượng vũ trang tập trung.

Ngày 3 tháng 3 năm 1959, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi công bố quyết định thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên, tại thôn Nước Xoay, Cà Nung, xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, lấy phiên hiệu là *Đơn vị 339*. Ngày thành lập đơn vị gồm có 33 đồng chí, một phần ba là người Kinh, đa số là người Cor Trà Bồng. Đồng chí Hồ Văn Trung, dân tộc Cor, quê xã Trà Bùi làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Lữ Quốc Trị làm Chính trị viên. Đơn vị có 3 tiểu đội, vũ khí bao gồm súng trường Mas, tiểu liên Tuyn, các-bin, còn lại là cung tên, giáo mác. Đơn vị cũng hình thành một chi bộ có 5 đảng viên do đồng chí Lữ Quốc Trị làm Bí thư, một chi đoàn thanh niên có 14 đoàn viên.

Ở đây cũng xin nói thêm là, thành phần của đơn vị gồm các đồng chí đều được rèn luyện và trưởng thành trong phong trào đấu tranh của quần chúng. Có người là thanh niên thoát ly hoặc hoạt động diệt ác trừ gian. Có người là du kích bí mật. Có đồng chí từ trung châu lên, vượt qua nhiều hệ thống đồn bốt của địch. Có đồng chí là cơ sở trung kiên ở ngay giữa vòng kim kẹp của địch, hoặc có đồng chí là đội viên đội vũ trang công tác hoạt động ở vùng sau lưng địch...

Đơn vị làm lễ tuyên thệ dưới lá cờ đỏ cách mạng và dưới khẩu hiệu chiến đấu của Đội du kích Ba Tơ đàn anh ngày trước: *"Hy sinh vì Tổ quốc", "Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để đánh đổ Mỹ - Diệm, giành chính quyền về tay nhân dân"*.

Đại diện ban lãnh đạo tỉnh đọc lời huấn thị, tuyên bố 12 điều mệnh lệnh và trao vũ khí cho Đội.

12 điều mệnh lệnh của Đội được dựa vào các mệnh lệnh chiến đấu của Đội du kích Ba Tơ ngày trước, dựa vào 12 lời thề danh dự của Quân đội nhân dân Việt Nam viết cho thích hợp với tình hình và đặc điểm của cách mạng ở địa phương và trình độ của Đội lúc bấy giờ.

Đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi kế thừa truyền thống quyết chiến, quyết thắng của các đội quân đàn anh ngày trước, sẽ như con chim Pơ-lít đầu đàn (chim chèo bẻo) trên con đường cách mạng đầy khó khăn gian khổ và nhất định với lòng yêu nước, chí căm thù, sẽ chiến thắng được bầy quạ Mỹ - Diệm, làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của nó: đi đầu trong phong trào chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, làm nòng cốt trong việc xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào toàn dân đánh giặc của tỉnh.

Ngay sau khi được thành lập, đơn vị 339 đã kết hợp vừa xây dựng, vừa công tác, phân tán về các xã xung yếu phát động nhân dân đẩy mạnh công tác bảo vệ thôn xóm, từng bước chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Đơn vị 339 đã được nhân dân đùm bọc, nuôi nấng và hết lòng giúp đỡ.

Đến ngày 15 tháng 5 năm 1959, Đơn vị 339 phát triển lên thành một đại đội với 120 cán bộ, chiến sĩ. Đồng chí Bao (quê ở Phổ Ninh, Đức Phổ) là Đại đội trưởng. Đồng chí Hồ Văn Trung là Đại đội phó. Đồng chí Lữ Quốc Trị (quê ở Bình Trung, Bình Sơn) là Chính trị viên. Đồng chí Hồ Văn Hương (quê ở xã Trà Giang, huyện Trà Bồng) là Chính trị viên phó.

Sau khi được thành lập, cán bộ, chiến sĩ 339 cùng bắt tay nhau củng cố nơi ăn, chốn ở, đi vào học tập chính trị, quán triệt nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong tình hình mới. Xác định tư tưởng an tâm, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, kiên quyết không bỏ đơn vị về nhà, xác định rõ là lực lượng của dân. Mỗi chiến sĩ phải thực hiện tốt công tác dân vận, không xâm phạm đến tài sản của nhân dân, lao động sản xuất, tự cung, tự cấp lương thực. Việc ăn ở, đi lại phải bảo đảm bí mật, luôn đề cao cảnh giác, bảo đảm an toàn nơi đóng quân "đi không dấu, nấu không khói".

Khi tạm ổn định về tổ chức, tư tưởng, đơn vị tiến hành huấn luyện kỹ, chiến thuật, chủ yếu sử dụng thông thạo các loại vũ khí dã trang bị, các động tác, tư thế đứng, quỳ, nằm bắn, cá nhân chiến đấu, tổ 3 người chiến đấu, tập kích địch, chống càn quét, kỹ thuật cá nhân vượt qua các chướng ngại vật, hướng dẫn sử dụng thông thạo các loại vũ khí thô sơ. Cùng với nhiệm vụ huấn luyện và sản xuất, đơn vị cũng cử một bộ phận cán bộ, chiến sĩ về các xã vận động nhân dân giác ngộ cách mạng, chuẩn bị tư tưởng khi có lệnh là nổi dậy hành động cách mạng.

Cho đến thời điểm này, việc chuẩn bị cho Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền căn bản đã hoàn thành về nhiều mặt.

Trong khi đó thì địch càng co lại trong thế phòng ngự. Ngụy quyền địch, trừ một số ít xã, thôn ở sát cạnh quận lỵ và đồn địch, còn ở các nơi khác đều bị thu hẹp và xoá bỏ. Ngụy quyền địch bị xoá đến đâu thì các tổ chức tự quản của nhân dân trong thôn nóc phát triển đến đó để quản lý mọi công việc, làm chức năng như một cơ quan chính quyền nhân dân. Trước sự bao vây và uy hiếp của ta, địch phải bỏ các đồn bốt

lẻ đóng sâu trong các xã rút về tập trung thành một số đồn lớn. Như ở Trà Bồng chúng chỉ còn đóng ở 7 đồn.

Trong quá trình chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa ở miền Tây Quảng Ngãi, ta đã tạo nên một ưu thế về lực lượng, điều đó cho phép ta có thể tạo ra thời cơ hoặc tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để phát động nhân dân vùng lên. Ở nhiều nơi quần chúng đã có những hành động nổi dậy quyết liệt.

Anh Di Bờ Rún ở Sơn Thành, huyện Sơn Hà, khi bị địch giết cả cha lẫn mẹ, anh đã dùng rìu xông vào chém chết ngay tại chỗ tên ác ôn. Bọn địch bắt anh, tra hỏi anh. Anh đồng dặc trả lời: "Nó giết cha tao, giết mẹ tao, nó sẽ giết tao, tao phải giết nó".

Một em thiếu niên ở Nước Bơn có cha bị giết. Em tự làm một loại súng thô sơ, ngày đêm đi tìm địch để đánh. Em đã bắn chết 5 tên địch để trả thù cho cha.

Ở xã Sơn Thủy, một phụ nữ tên là Mí Long bị địch chôn sống. Chị moi đất, chui lên. Trở về làng cũ, chị xách dao đi tìm bọn ác ôn để chém trả thù. Tất cả bọn này hoảng hốt bỏ chạy tưởng chị là ma hiện về.

Căm thù không thể nén lại trong lòng nhân dân. Ngay tại Trà Bồng, nơi cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang phát triển hết sức mạnh mẽ, nơi địch đánh hơi và bắt đầu tăng cường đánh phá, đã lẻ tẻ nổ ra những cuộc tự nổi dậy của nhân dân trong một số thôn ấp.

Tháng 8 năm 1958, nóc ông Vinh ở thôn Trà Giục, xã Trà Lãnh đã nổi dậy. Tháng 10 năm 1958, các nóc của ông Lùn, ông Chim thuộc xã Trà Khê cũng nổi dậy. Trước đó thanh niên thoát ly bí mật trừng trị một tên ác ôn đi lùng sục thăm dò các cơ sở bí mật của ta. Địch đem quân đi càn quét, đốt phá, nhân dân bỏ làng bất hợp tác. Họ kéo nhau vào núi cấm

chông, gài bẫy để chống trả lại địch. Tháng 12 năm 1958, một cuộc nổi dậy tương tự cũng đã nổ ra ở các nóc cụ già Triều, ông Đình ở xã Trà Lân.

Tất cả những cuộc tự nổi dậy đó nói lên ý chí quật khởi của nhân dân đã lên đến cao độ. Trước kẻ thù tàn bạo, họ không thể can tâm sống như trước được nữa, và họ không thể chỉ dừng lại ở các hình thức đấu tranh cũ được. Đứng trước tình hình đó, để tranh thủ thời gian tiếp tục hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, ban lãnh đạo tỉnh phải khéo léo chỉ đạo để đưa nhân dân trở về thôn xóm cũ, buộc địch phải cho họ làm ăn hợp pháp.

Tuy nhiên, cơn bão táp cách mạng đã sắp bắt đầu nổ ra trên núi rừng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Sấm sét sắp sửa trút xuống đầu bọn Mỹ - Diệm.

Câu hỏi 8: Trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vùng lên khởi nghĩa, đánh đổ ngụy quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng diễn ra như thế nào?

Trả lời:

Đối với tỉnh Quảng Ngãi cũng như toàn miền Nam Việt Nam, năm 1959 và đầu năm 1960 đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng: thời kỳ tạm thời ổn định của chế độ Mỹ - Diệm chấm dứt, cơn bão táp cách mạng bắt đầu; đây là năm địch thi hành những thủ đoạn đánh phá cách mạng tàn bạo nhất cũng là năm vùng dậy của nhân dân.

Trước khí thế của phong trào cách mạng trong thời kỳ này, Mỹ - Diệm đã có những phản ứng quyết liệt. Ở miền

Trung Trung Bộ, tên bạo chúa Ngô Đình Cẩn lớn tiếng gào thét "tiêu diệt cộng sản". Hắn tổ chức phối hợp các hoạt động của bộ máy chính quyền, các tổ chức chính trị và tôn giáo phản động để đánh phá ác liệt phong trào. Chúng lấy Quảng Ngãi làm một trọng điểm.

Tàn bạo nhất là việc Mỹ - Diệm đem áp dụng Luật 21 (còn gọi là Luật 10-59) kéo lê máy chém di khắp nơi để chặt đầu những người yêu nước và kháng chiến cũ. Chúng mở một đợt tuyên truyền rộng khắp để áp đảo tinh thần của nhân dân. Các "ban giám sát" và thi hành Luật 10-59 được thành lập đến tận thôn xã, nòng cốt là bọn cảnh sát, quân cảnh, tình báo và các loại gián điệp khác. Chúng bắt nhân dân học tập để tiến hành truy bức và sau đó là tha hồ tra tấn, bắt bớ, cướp bóc, hãm hiếp và chém giết những ai mà chúng gọi là cộng sản và thân cộng sản. Nanh vuốt của kẻ thù đã bộc lộ một cách trắng trợn hơn bao giờ hết. Cũng như các tỉnh khác, Quảng Ngãi lại phải đương đầu với mọi âm mưu khủng bố thâm độc và tàn ác.

Nhân dân và cán bộ Quảng Ngãi đã thấy rõ địch buộ phải dùng đến những thủ đoạn dã man nhất chính là lúc chúng đang ở trong một thế yếu nhất. Còn ta đang ở trong thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, thế và lực của ta đang ở trong chiều hướng lớn mạnh hẳn lên. Do đó ban lãnh đạo tỉnh đã tập hợp mọi lực lượng, tổng kết kinh nghiệm, dùng mọi biện pháp có hiệu lực để phá tan tác dụng của Luật 10-59 và đưa phong trào lên một bước cao hơn, nhất là ở các huyện miền Tây Quảng Ngãi đang ở trong thời kỳ trực tiếp chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Một đợt tuyên truyền sâu rộng được mở ra để vạch trần âm mưu của địch, tính chất cực kỳ phản động của Luật 10-59, đồng thời chỉ cho nhân dân thấy

rõ chỗ yếu, sự bị động đối phó của Mỹ - Diệm trước phong trào cách mạng đang lên.

Được chuẩn bị kỹ, ta cho tiêu diệt một số ác ôn trong thôn xã. Các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, các nhóm vũ trang của quân chúng đột nhập sâu vào các vùng địch kiểm soát, tiến công một số cơ quan xã quận, như ở Sơn Hà, Trà Bồng, Bình Sơn, Sơn Tịnh... làm cho bọn tay sai hoảng hốt, dao động, nghi ngờ lẫn nhau, đi đến chỗ sát hại lẫn nhau.

Liên tiếp thất bại trong nhiều âm mưu tiêu diệt cách mạng, càng về sau chúng càng tăng cường các hoạt động quân sự, hành quân càn quét, khủng bố ác liệt. Hướng hoạt động chính của chúng là đồng bằng Nam Bộ và miền núi Liên khu 5 cũ. Chúng chia ra 3 loại vùng để áp dụng các phương thức đánh phá khác nhau. Vùng lực lượng cách mạng mạnh thì chúng mở những cuộc hành quân càn quét lớn. Vùng lực lượng hai bên giằng co thì chúng dùng bảo an, dân vệ hoạt động ráo riết ngày đêm để phá cơ sở, lùng bắt cán bộ. Vùng do chúng kiểm soát thì chúng tổ chức tìm kẹp bằng đủ mọi hình thức.

Miền Tây Quảng Ngãi thuộc loại vùng thường xuyên bị đánh phá bằng các cuộc hành quân càn quét lớn. Tháng 7 năm 1959, Mỹ - Diệm tung cả sư đoàn 22 lên càn quét miền núi Quảng Ngãi. Bọn này bắn phá, giết chóc bừa bãi, cướp phá mùa màng, phong toả kinh tế. Chúng còn kết hợp với bọn bảo an truy nã cán bộ, uy hiếp quần chúng, lập lại nguy quyền những nơi đã bị xoá bỏ hay củng cố lại những nơi bị suy yếu. Riêng ở Trà Bồng, hơn một trung đoàn tăng cường của địch chia làm 4 cánh tiến đánh khắp cả 3 khu của huyện, gây ra những tội ác ghê tởm và xúc phạm nghiêm trọng

phong tục tập quán địa phương. Đốt nhà, phá nóc, đốt phá hồng hay nhổ tận gốc các rẫy lúa, rẫy quế. Tại xã Trà Thọ, tên Đinh Ngô - một tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân từ trong kháng chiến chống Pháp - đã tự tay xả súng bắn 9 đồng bào trong một lúc. Thắng tay đàn áp khủng bố, Mỹ - Diệm đã công khai tiến hành một cuộc chiến tranh đơn phương chống lại nhân dân Trà Bồng.

Trong khi nhân dân và lực lượng vũ trang Trà Bồng đang khẩn trương chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang thì địch tập trung lực lượng nguy quân, nguy quyền thực hiện trò hề "bầu cử quốc hội" vào ngày 30 tháng 8 năm 1959. Tiếp theo các cuộc càn quét đánh phá ác liệt, địch mở những cuộc hành quân "dân vận" đi xoa dịu căm hờn, dụ dỗ, mua chuộc nhân dân để thực hiện các âm mưu củng cố chế độ Sài Gòn đang ở trong cơn khủng hoảng ngày càng nặng nề. Chúng không hề giấu giếm mục đích của chúng là nhằm củng cố nguy quyền, lên gân cốt cho bọn tay chân. Chúng mong biến "cuộc bầu cử thành thắng lợi lẫy lừng, đánh bật ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản" (báo *Cách mạng quốc gia*, ngày 20-5-1959). Toàn bộ bộ máy cai trị phản cách mạng được huy động để phục vụ cho trò bịp bầu cử. Ở miền Tây Quảng Ngãi, chúng triệu tập nguy quyền thôn xã về quận học tập cách tiến hành, bắt ép quần chúng hưởng ứng để tỏ rõ "thiện chí quốc gia", "tri ân Ngô tổng thống". Nhưng nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã biểu thị thái độ tẩy chay trò hề bầu cử của chúng.

Cũng chính lúc này, Nghị quyết 15 đến với nhân dân miền Nam và nhân dân Quảng Ngãi. Một số đồng chí trong ban lãnh đạo tỉnh được đi học ở cấp trên về mang theo một niềm phấn khởi vô hạn, một quyết tâm vững chắc giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị độc tài của chế độ Mỹ - Diệm.

Những vấn đề đường lối và phương pháp cách mạng trong Nghị quyết 15 được khẳng định rõ ràng càng thúc giục Quảng Ngãi hăng hái bước nhanh trên con đường tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Hội nghị toàn ban lãnh đạo tỉnh được triệu tập vào tháng 7 năm 1959 để học tập và bàn bạc việc thực hiện nghị quyết. Sự phát triển của phong trào Quảng Ngãi trong thời kỳ chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền đã được liên hệ kiểm điểm một cách đầy đủ. Điều phán khởi đối với cán bộ lãnh đạo tỉnh là, qua liên hệ kiểm điểm, thấy chủ trương và việc làm của tỉnh trong thời gian qua là phù hợp và đúng với tinh thần của nghị quyết. Điều đó càng cổ vũ ban lãnh đạo ra sức thúc đẩy toàn dân tiến lên: đẩy mạnh và hoàn thành mọi mặt chuẩn bị tích trữ và phát triển lực lượng hơn nữa, để có thể tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi có thể xảy ra. Ban lãnh đạo tỉnh đối chiếu với tình hình thực tế đang phát triển, một lần nữa khẳng định: nếu có điều kiện thì vùng cao Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà có thể là nơi nổ ra khởi nghĩa đầu tiên và từ đó cuộc nổi dậy có thể lan ra khắp núi rừng miền Tây, đồng thời có thể giành chính quyền cả ở quận lỵ Trà Bồng.

Việc học tập trong cán bộ huyện và xã được tiến hành ngay giữa lúc tiếng súng càn quét của địch đang nổ ran núi rừng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Có lúc địch tiến vào gần địa điểm học tập chỉ cách 1 - 2 ki-lô-mét. Lớp học phải mấy lần rời địa điểm. Nửa chừng một số cán bộ phải ngừng học tập để về địa phương lãnh đạo nhân dân chống càn quét. Tuy vậy, sau học tập, tất cả cán bộ đều rất phấn chấn, tin tưởng tuyệt đối ở đường lối của Trung ương và sự chỉ đạo của ban lãnh đạo tỉnh, ở tinh thần cách mạng của quần chúng.

Sau khi học tập trong cán bộ xã xong, tinh thần cơ bản của Nghị quyết 15 cũng được phổ biến cho nhân dân ở một số vùng của trung tâm căn cứ. Do đó đã động viên mạnh mẽ ý chí quật khởi của nhân dân, nhất là ở vùng cao Trà Bồng. Khắp nơi cán bộ và đồng bào đều nói: "Cách mạng đã cho đánh rồi". Người Cor và người các dân tộc khác đã bao năm rồi trong nước sôi lửa bỏng, cần răng chờ đợi hiệu lệnh đó của cách mạng. Giờ đây họ đã sẵn sàng chỉ còn chờ thời cơ và có sự lãnh đạo nữa là cầm vũ khí vùng lên.

Dựa vào tình hình thực tế đó, ban lãnh đạo tỉnh nhất trí chủ trương phá tan cuộc bầu cử "quốc hội" của địch và bằng mọi cách đẩy mạnh các mặt đấu tranh, đưa phong trào lên cao hơn nữa, phát triển cơ sở rộng khắp, đồng thời tranh thủ thời gian tiếp tục lợi dụng sự sơ khoáng của địch để hoàn thành mọi mặt chuẩn bị, nhanh chóng tiến tới vũ trang khởi nghĩa.

Đối với vùng cao và các vùng xa địch thì kiên quyết tẩy chay bầu cử, vận động nhân dân không đi bỏ phiếu, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng chính trị và quân sự. Nếu địch nhượng bộ thì tiếp tục hoà hoãn với chúng để ra sức hoàn thành công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Nếu địch ra mặt tiến công khùng bố quần chúng thì kịp thời lãnh đạo nhân dân diệt ác trừ gian, phá sạch ngục quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng, tăng cường công tác bảo vệ xóm làng, phát động chiến tranh du kích đánh trả lại quân địch, kiên quyết bảo vệ căn cứ và vùng đã làm chủ.

Đối với các vùng thấp, tăng cường đấu tranh chính trị có hoạt động quân sự hỗ trợ, diệt ác ôn, tạo điều kiện cho nhân dân phá tan cuộc bầu cử tại các thị trấn, quận lỵ.

Ở các huyện đồng bằng, vẫn phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và hoạt động quân sự hỗ trợ, lãnh đạo

đồng bào nếu có bị ép buộc đi bỏ phiếu thì bỏ phiếu trắng. Mặt khác phải kiên quyết vạch mặt bọn ác ôn, đòi tự do bầu cử và các quyền tự do khác, đòi chấm dứt khủng bố, cần quét, để cho nhân dân tự do đi lại làm ăn, đòi cứu tế cho nhân dân. Trong khi đó phải sử dụng các tổ vũ trang diệt ác ôn, tiến công các trụ sở bầu cử, tịch thu thùng phiếu, nổ súng gây rối loạn để nhân dân nhân cơ đó mà tẩy chay bầu cử.

Ở Trà Bồng, ta và địch đụng độ nhau gay gắt trong việc tổ chức bầu cử và chống phá bầu cử. Chúng huy động cả bộ máy ngụy quyền, tập trung khá nhiều công sức, thủ đoạn để cưỡng ép nhân dân đi bỏ phiếu. Chúng mở một chiến dịch tuyên truyền rùm beng và tung hàng hoá ra dụ dỗ, mua chuộc nhân dân. Trong khi đó, chúng triển khai và tăng cường thêm lực lượng để phô trương thanh thế, hòng tác động đến tinh thần của nhân dân, hà hơi tiếp sức cho bọn tay chân đã mất tinh thần và rệu rã. Chúng tổ chức ba nơi bỏ phiếu: đồn Đá Líp, đồn Tà Lạt và trung tâm quận lỵ. Do tình hình ở đây khẩn trương và để rút kinh nghiệm cho những nơi khác, chúng bắt ép dân chúng ở đây đi bỏ phiếu vào ngày 28 tháng 8 năm 1959, sớm hơn hai ngày so với các nơi khác trong toàn miền Nam (30-8-1959).

Chủ trương của lãnh đạo trong cuộc chống phá bầu cử ở Trà Bồng là: toàn huyện không một ai đi bỏ phiếu và tất cả các lực lượng quân sự, chính trị phải chuẩn bị sẵn sàng đánh trả nếu chúng khủng bố nhân dân, đánh phá phong trào. Riêng đối với khu 2, phần lớn khu 9 (vùng cao Trà Bồng), khu 7 (vùng cao Sơn Hà) thuộc vùng trung tâm căn cứ, trên cơ sở đã chuẩn bị sẵn, hễ địch tiến quân vào là tổ chức quần chúng nổi dậy vũ trang đánh địch. Đối với vùng thấp thì đẩy mạnh hoạt động quân sự để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh tẩy chay không đi bỏ phiếu.

Nhân dân Trà Bồng lòng mang nặng căm thù địch và vốn sôi nổi hào khí cách mạng, đã hăng hái tham gia cuộc đấu tranh chống phá bầu cử của địch một cách quyết liệt bằng tất cả sức mạnh của mình.

Ngày 13 tháng 8, 400 đồng bào ở hai xã Trà Giang và Trà Thủy, ở ngay cửa ngõ lên vùng cao, biểu tình tuần hành kéo xuống quận ly phản đối trò hề bầu cử. Nhân viên ngục quyền ở hai xã nói trên đều tham gia. Nhân dân nêu cao những khẩu hiệu chống càn quét, khủng bố, đòi được tự do đi lại, đòi cải thiện đời sống... Địch ra mặt khủng bố, chặn đường, nổ súng đàn áp, giải tán cuộc biểu tình. Mấy ngày tiếp theo đó, chúng lại kéo quân lên các xã nói trên, đốt một số thôn, cướp phá khá nhiều quế. Đồng bào hai xã Trà Giang và Trà Thủy đẩy mạnh công tác bảo vệ xóm làng, triệt để rấp đường, cất giấu tài sản, có nóc đã rút lên núi cao. Tình hình khá căng thẳng, nhân dân ở vùng cao thấy rõ địch sẽ thẳng tay dùng vũ lực để bắt ép nhân dân đi bầu cử. Cho nên từ cán bộ đến đồng bào, không những ở vùng trung tâm căn cứ, mà khắp cả vùng cao, đều khẩn trương chuẩn bị nếu địch lấn tới thì nhất thiết phải nổi lên vũ trang chống lại.

Ngày 23 tháng 8 năm 1959, tại Gò Rô, cán bộ và quần chúng cách mạng tổ chức kỷ niệm hai ngày lễ lớn 19-8, 2-9 và bàn biện pháp đối phó tình hình đang sôi sục do địch gây nên.

Sau cuộc họp, cán bộ và quần chúng cách mạng đổ về các thôn xóm động viên nhân dân chuẩn bị đánh trả địch với một khí thế sôi nổi chưa từng thấy. Công tác tuyên truyền trong nhân viên ngục quyền, nhất là trong binh lính, được đẩy mạnh nhằm làm cho họ thấy tính chất bịp bợm của cuộc bầu cử, tội ác của địch trong việc khủng bố, đàn áp nhân dân. Do đó một số người Cor còn làm trong ngục quyền đều đến xin ý kiến của cán bộ ta và hứa sẽ làm theo lời cách mạng.

Trong khi đó, địch tăng cường mọi hoạt động, nhất là tăng thêm lực lượng bảo an, công dân vụ và ráo riết dùng mọi thủ đoạn đe dọa, dụ dỗ, mua chuộc bắt ép nhân dân đi bầu cử cho kỳ được. Chúng trắng trợn tuyên bố: "Ai không đi bầu cử sẽ bị đốt nhà, bị giết chết". Trước sự thách thức đó, nhân dân càng sôi sục, chuẩn bị nổi dậy.

Ngày 25 tháng 8, trước những diễn biến mới mẻ của tình hình địa phương, đại diện của Ban cán sự khu 9 về trung tâm căn cứ thành thị ý kiến của ban lãnh đạo tỉnh và ban cán sự miền Tây. Theo đúng chủ trương đề ra, thường vụ tỉnh khẳng định lại một lần nữa các biện pháp đối phó cần thiết: Tìm đủ mọi cách tổ chức cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, triệt để lợi dụng tình hình sơ khoáng của địch để chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn. Nếu địch lấn tới khủng bố quần chúng thì kiên quyết lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí đánh trả lại để bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở, giữ vững khí thế của quần chúng. Riêng đối với khu 2, vùng trung tâm căn cứ, thì bất luận thế nào cũng không cho địch xâm nhập và phải trừng trị chúng ngay từ lúc chúng mới đặt chân lên.

Liên sau đó các ban quân sự các khu ra lệnh cho các lực lượng dân quân du kích và toàn thể nhân dân sẵn sàng chiến đấu. Để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh và làm nòng cốt cho nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, ban quân sự tỉnh cho đơn vị 339 phân tán thành nhiều tiểu đội di về các xã xung yếu phối hợp hoạt động với địa phương đang khẩn trương đẩy mạnh công tác tổ chức bảo vệ thôn xóm. Các nhóm vũ trang của huyện, nhóm "những người kháng chiến cũ" được điều về khu 1, vùng thấp quanh quận lỵ Trà Bồng để vũ trang tuyên truyền, gây rối loạn, diệt ác ôn, tiến công vào trụ sở bầu cử, hỗ trợ cho đồng bào trong các xã ở quận lỵ chống, phá bầu cử.

Do tình hình rất khẩn trương, tỉnh gấp rút cho thành lập 2 đơn vị vũ trang tập trung nữa. Ngày 19 tháng 8 năm 1959, tại thôn Tà Ngôm, xã Sơn Lập, huyện Sơn Hà, Đơn vị 89 làm lễ chính thức ra đời. Trong khi đó, mọi việc chuẩn bị thành lập Đơn vị 299 được hoàn thành và ngay trong lúc nhân dân Trà Bồng nổi dậy thì ở biên giới hai huyện Ba Tơ và Minh Long, tại thôn Xà Riêng, ngày 2 tháng 9 năm 1959 đơn vị tập trung thứ ba của tỉnh đã làm lễ tuyên thệ. Như vậy để làm nòng cốt cho công cuộc chuẩn bị, cho việc xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương và cho cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền sẽ nổ ra, ở miền Tây Quảng Ngãi đã có 3 đơn vị vũ trang tập trung được tổ chức chặt chẽ, huấn luyện tốt và trang bị đầy đủ.

Về phía Mỹ - Diệm, cho đến trước ngày bầu cử, khi không thấy nhân dân có một biểu hiện gì hưởng ứng cuộc bầu cử, chúng tập trung tất cả các lực lượng kìm kẹp về thôn nóc để uy hiếp tinh thần của dân chúng, bắt họ học tập để chuẩn bị bỏ phiếu. Ai tỏ thái độ chống lại thì chúng đánh đập, bắt đưa về quận tra hỏi.

Tất cả những hành động đó như đổ thêm dầu vào lửa, càng khơi sâu sự căm thù trong lòng nhân dân. Thanh niên ở các trại thoát ly như Trà Quân, Trà Khê, Trà Lãnh, Trà Nham, Trà Phong... củng cố hàng ngũ, chuẩn bị thêm tên, ná, giáo, mác, bố trí đánh địch. Nhân dân trong các thôn nóc cất giấu hết tài sản, chuẩn bị rời làng, rời nóc. Họ quyên góp heo, gà, làm lương khô, giã gạo ủng hộ các lực lượng vũ trang địa phương ăn no để đánh giặc. Tất cả đều biểu lộ một niềm tin tưởng, phấn khởi chưa hề thấy. Các già làng, những người lớn tuổi cùng thanh niên và các lực lượng vũ trang bàn mưu, tính kế đánh địch. Cụ Gia, người lãnh tụ của nghĩa quân ngày xưa, đích thân cùng với cán bộ lãnh đạo xã Trà

Nham bàn kế hoạch dụ địch ra rừng, ra rẫy để rồi bất thành linh huy động lực lượng thanh niên vũ trang tiêu diệt để tránh thiệt hại cho nhân dân trong thôn xóm. Như một ngày hội lớn, nhân dân Trà Bồng dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, đã tiến tới ngưỡng cửa của một cuộc khởi nghĩa vũ trang, một cuộc vùng lên lịch sử mà họ đã chuẩn bị từ lâu.

Ngày 26 tháng 8 năm 1959, bọn cảnh sát ác ôn lên Xóm Rừng, xã Trà Lãnh truy bức dân chúng. Thanh niên và đồng bào bí mật bao vây nhà chúng trú quân, định sẽ cấm chông xung quanh nhà và phóng lửa thiêu sạch chúng. Họ sẽ viện cớ là do hoả hoạn tình cờ xảy ra để giữ thế hợp pháp. Kế hoạch không thực hiện được vì trong nhà có một cụ già ốm, đang cố tìm cách đưa cụ ra khỏi nhà thì bị lộ, địch phát hiện được và hoảng hốt chạy thoát lên Trà Phong. Ở đó, chúng bị nhân dân chặn đánh nên phải chạy thực mạng về đồn Eo Chim. Ngày 27 tháng 8, địch lại kéo quân lên Trà Phong khùng bố trả thù. Vì sơ hở, một số thanh niên đang đào hầm chông bị đánh úp, 1 chết và 2 bị thương. Tuy vậy, sợ bị đánh trả, chúng kéo chạy về đồn. Tin địch giết thanh niên ở Trà Phong làm cho cả huyện sôi sục căm vũ khí sẵn sàng giáng trả lại chúng.

Tối ngày 27 tháng 8, tại xã Trà Sơn, một toán ác ôn đến dọa dẫm trấn áp nhân dân, chúng bị thanh niên bắt trời cả lại và chờ chỉ thị của cấp trên.

Đúng ngày 28 tháng 8, từ sáng sớm, theo kế hoạch, toàn thể đồng bào ở vùng cao kéo ra rừng, ra rẫy, giả đi làm ăn, thu nhặt lâm thổ sản để tránh né địch và chuẩn bị đánh lại chúng. Ở lại các thôn ấp chỉ có các cụ già, phụ nữ và trẻ em được tổ chức để đấu tranh trực diện với địch. Cũng từ sáng sớm, địch phân quân về các thôn xã giáng bắt nhân dân đi bỏ phiếu. Chúng đánh đập tàn nhẫn các cụ già, phụ nữ dùng

lý lẽ đấu tranh. Đồng bào kiên quyết vạch mặt chúng bằng lý lẽ đanh thép: "Chính phủ cho quân càn quét, đánh phá khắp nơi, cấm đi lại, cấm mua bán, trao đổi hàng hoá cho nên dân nghèo đói, không có cơm ăn, áo mặc để đi bỏ phiếu ở xa làng, xa rẫy được". Chúng ghen hợm nhưng vẫn ngoan cố và kéo nhau ra bao vây các rẫy để bắt đàn ông, trai tráng đi bỏ phiếu.

Tại xã Trà Quân, một đơn vị nhỏ của địch đến từ chiều 27 tháng 8 định thuyết phục nhân dân đi bỏ phiếu, nhưng không có kết quả. Sáng hôm sau chúng hành hung chặn đường, cấm rẫy. Cụ già Lượm và một số người trong xã trên đường đi tránh qua xã Trà Phong bị bắt giữ lại. Sau cuộc đấu lý, đấu lẽ, xảy ra xô xát, nhân dân đâm chết ngay 2 tên địch tại chỗ và "tét"¹ lên báo hiệu cho nhân dân trong vùng hưởng ứng. Sáu tên địch còn lại hoảng hốt định chạy tháo thân, nhưng thấy bốn phía núi rừng đều có tiếng la hét nên chạy trốn vào nóc của nhân dân và dùng hoả lực cố thủ ở đó. Nhân dân và du kích ngay tức khắc bao vây chúng và kêu gọi đầu hàng. Mấy tên ngoan cố liều chết phá vòng vây nhả ra ngoài bị đâm gục ngay tại chỗ. Thừa thắng, thanh niên nhả lên nhà sàn giết hết những tên còn lại. Cuộc chiến đấu đang diễn ra ở đây thì toàn thể nhân dân ở tất cả thôn nóc của xã này đổ ra nổi mõ, thổi tù và, đánh chiêng, la hét, phứt chốc đã náo động khắp cả một vùng rộng lớn.

Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng đã bắt đầu.

Trong khi đó tại xã Trà Khê, một số khá lớn đồng bào ở xóm anh Út bị địch đón đường gi súng vào lưng bắt đi bỏ phiếu. Họ nhử chúng đi sâu vào núi rồi bất thành linh quay lại ôm vật bắt sống 6 tên và đâm chết 2 tên khác. Cũng tại xã

1. "Tét" là tiếng hú báo hiệu có biến để xung quanh tiếp cứu.

này, khi địch tiến vào thôn Jré, nhân dân và thanh niên chủ động bố trí chặn đánh. Bọn này hoảng hốt bỏ chạy. Lập tức thanh niên tổ chức truy kích còn dân làng thì đổ ra la ó hỗ trợ. Nhiều cuộc vật lộn diễn ra trên đường. Anh Mân, một thanh niên nòng cốt dẫn đầu cuộc đuổi bắt, một mình vật ngã liền mấy tên giặc. Cuối cùng họ giết chết tất cả 6 tên. Ở Trà Nham, quê hương của cụ Gia, một kế hoạch đánh địch được vạch sẵn, có sự tham gia ý kiến của người chỉ huy nghĩa quân ngày xưa. Khi địch vào làng bắt dân đi bỏ phiêu, họ dụ chúng đi sâu vào các hang núi. Ở đó, lực lượng vũ trang và nhân dân đã phục sẵn giết chết cả toán một cách gọn gàng. Ở các xã Trà Phong, Trà Lanh, khi nghe tiếng báo hiệu từ Trà Quân, Trà Khê phát đi, nhân dân nhanh chóng đổ ra đường tiến công vào các toán quân địch đang sục vào các xã và truy kích chúng. Khắp vùng cao Trà Bồng đã vùng lên, bùng bùng trong khí thế quật khởi. Càng về trưa, tiếng "tét", la hú, tiếng thanh viện càng nổi lên đều khắp. Ở nhiều nơi, các cụ già mang cả chiêng, công, trống, phèng la được cất giấu từ lâu ra đánh làm thành một bản hợp tấu vô cùng hùng tráng, cổ vũ con cháu vùng lên giết giặc.

Trong lúc nhân dân đang anh dũng diệt địch ở các thôn nóc nói trên, thì theo một kế hoạch định sẵn, lực lượng của Đơn vị 339, các nhóm vũ trang, các đội du kích từ các trại bí mật xuất hiện tham gia vào cuộc chiến đấu. Tất cả mọi người đều quàng khăn đỏ; ai cũng có một cái túi quàng lên vai (lúc ấy là dấu hiệu của những người thoát ly đi làm cách mạng) và một sợi dây cuộn tròn bên lưng, ùn ùn từ trong núi, trong rẫy kéo ra cùng nhân dân cắm chông, gài bẫy, rập đường, truyền tin, truy kích địch. Những chiếc khăn quàng màu chiến đấu, màu cách mạng đã có sức hấp dẫn diệu kỳ. Phút chốc toàn thể nhân dân từ cụ già râu tóc bạc phơ, đến các em

bé tung tăng nhảy nhót, ai cũng có một miếng vải đỏ ghim vào tay áo làm tín hiệu là mình đã đứng trong hàng ngũ cách mạng. Các lực lượng vũ trang tập trung và du kích xông xáo, hô hào, động viên nhân dân truy kích giặc. Đồng bào thì tới tấp, khẩn trương truyền tin, tiếp tế, phá đường. Phụ nữ, trẻ em thì vót chông, làm bẫy. Núi rừng xanh thắm bừng sáng lên màu đỏ cách mạng, tất cả đều say sưa, hồ hởi tràn lên phía trước, xông tới trong tiếng súng nổ giòn, trong tiếng thanh viện oai hùng. Ở đây mang về một tin thắng trận. Ở kia đồn dập dất từng xâu tù binh đi. Cuộc lùng bắt bọn tàn quân diễn ra sôi nổi ở khắp nơi. Quân địch không còn hồn vía, không dám chạy cả về đồn. Còn quân trong hai đồn Đá Líp và Tà Lạt thì hoảng hốt, hoang mang, khiếp nhược bỏ cả trại, cả hòm phiếu trống không chạy về quận lỵ. Những đợt sóng người từ các xã tràn lên vây kín những hang ổ của bộ máy kìm kẹp của địch, đập tan hòm phiếu, phá vỡ công sự, tịch thu tất cả các đồ đạc mà địch đã ăn cướp của nhân dân. Hai đồn địch bị hoàn toàn san phẳng. Tài sản giành lại được phân chia ngay cho những người trước đây bị cướp phá nặng nề, gây một niềm phấn khởi không gì có thể so sánh được.

Chiều và đêm 28 tháng 8, nhân dân kéo nhau đi truy lùng bọn ác ôn và tiến công các cơ quan ngục quyền xã, tiểu trừ đến tận gốc quyền lực độc tài phát xít của Mỹ - Diệm ở cơ sở. Bọn tay sai của địch, đám dân vệ nhân viên ngục quyền, kẻ bị giết từ đầu, kẻ đang tháo chạy. Chỉ còn trơ lại các trụ sở trống huếch giữa núi rừng và giờ đây đang bị ngọn lửa căm giận của nhân dân đốt cháy tất cả. Chiều hôm đó địch rút chạy khỏi hai đồn Tâm Rung, Nước Vót. Nhân dân kịp thời truy kích và tràn vào đồn phát hoả thiêu trụ. Lửa bùng cháy khắp vùng cao báo hiệu ngày khởi nghĩa đầu tiên thắng lợi: tất cả các toán lính lùng sục bị tiêu diệt, bốn đồn bắt bị san phẳng.

Ở khu 2, vùng trung tâm căn cứ của tỉnh, địch không dám đặt chân tới. Nhưng khi nghe khu 9 nổi dậy thì toàn thể dân chúng đổ ra đường, ra rẫy, bố trí chặt chẽ sẵn sàng đánh địch càn quét.

Tại khu 1, nhân dân các xã quanh quận lỵ, đại bộ phận là người Kinh, được các nhóm vũ trang hỗ trợ, tẩy chay không đi bỏ phiếu, tìm cách lảng tránh hoặc dùng lý lẽ chống lại. Một số người bị bắt, di giữa đường khi nghe súng của lực lượng vũ trang ta nổ, đã bỏ chạy. Các tổ vũ trang nhân dân đó xông vào hoạt động sâu trong quận lỵ. Họ dùng loa vạch tội ác địch, bắn súng cảnh cáo bọn ác ôn. Truyền đơn bươm bướm rải đều khắp. Một tổ vũ trang xông vào phá tan trụ sở bầu cử và đốt cháy luôn cơ quan ngục quyền ở đó, xé nát ảnh Diệm, đốt cháy cờ ba que. Bọn ngục quyền và quân ngục trước hoạt động của ta ở quận lỵ và ở vùng cao, sợ hãi cố thủ trong đồn không dám hoạt động gì. Như thế là trong ngày 28 tháng 8, trong toàn huyện Trà Bồng, địch chỉ còn cố thủ trong 3 đồn Eo Reo, Eo Chim và quận lỵ.

Từ chiều ngày 29 tháng 8, sau khi nhận được những chỉ thị đầu tiên của ban cán sự miền Tây cho tiếp tục khởi nghĩa, nhân dân và các lực lượng vũ trang có Đơn vị 339 làm nòng cốt, kéo nhau đi bao vây các đồn Eo Reo và Eo Chim. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của một số cán bộ huyện và ban cán sự miền Tây, hàng nghìn nhân dân đủ các lứa tuổi, tổ chức chặt chẽ, trang bị bằng tất cả các thứ vũ khí thô sơ và vũ khí có chất nổ, từ nhiều hướng ùn ùn tiến lên như sóng vào gió nổi. Kế hoạch dự định là bí mật bao vây đồn trong đêm, đến gần sáng thì nổ súng, đốt đuốc nổi lửa, thổi tù và đánh chiêng, mõ uy hiếp tinh thần địch, đồng thời dùng loa kêu gọi địch đầu hàng rồi tràn vào chiếm đồn.

Ở đồn Eo Reo, khi lực lượng ta bí mật tiến vào, vì quá đông và tổ chức chưa chặt cho nên sớm bị lộ. Bọn giặc trong đồn hoảng hốt bắn ra làm một số người bị thương. Lập tức nhân dân nổ súng đánh trả. Đuốc đốt sáng trời. Tiếng tù và, tiếng mõ, tiếng hú, tiếng la hét át cả tiếng súng. Quận địch đành phải bắn cầm cự giữa vòng vây thắt chặt dần, chờ đến mờ sáng mở đường máu tháo chạy. Nhân dân tràn vào đồn và lập tức tổ chức truy kích địch. Địch định chạy về Eo Chim, nhưng chúng đã rơi vào trận địa phục kích của ta: 30 tên bị chết và bị thương. Số còn lại xuyên núi chạy về đồn Tà Lạt cũ. Nhưng đồn này đã bị đốt, chúng phải chạy thục mạng về đồn quận lỵ Trà Bồng.

Ở đồn Eo Chim, lực lượng tiến công cũng sớm bị lộ. Cuộc chiến đấu cũng diễn ra gay go và quyết liệt. Bọn địch ở đây gồm phần đông là đám tay sai của hai tên Đinh Ngô và Đinh Ęnh, ngoan cố chống cự lại. Chúng đào thêm công sự và dùng tất cả hoả lực chế áp quân khởi nghĩa và chờ lực lượng tiếp viện. Nhân dân siết chặt vòng vây, phá nguồn nước uống, dùng súng và tên thuốc độc bắn tới tấp vào đồn. Ngày 30 tháng 8, nhân dân các xã lại tiếp tục kéo về hỗ trợ. Thanh niên và du kích đã đi đốn hàng ngàn cây chuối, làm công sự lưu động tiến vào sát đồn bắn tỉa địch.

Buổi trưa, một đại đội địch từ quận lỵ tiến lên thăm dò và định phá vây cho đồn Eo Chim. Ta một mặt ghìm chặt địch trong đồn, mặt khác cho một bộ phận của Đơn vị 339 và các nhóm vũ trang chặn đánh kịch liệt bọn tiếp cứu. Địch bị giết 9 tên, ta thu 6 súng. Thắng lợi đó càng nâng cao khí thế chiến thắng của nhân dân, càng cổ vũ họ tiếp tục bao vây và chuẩn bị tiêu diệt địch. Đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8, lửa cháy đỏ rực quanh đồn, tiếng thanh viện vang động đều

Từ Trà Bồng, cuộc nổi dậy đã nhanh chóng lan ra khắp các huyện miền núi khác.

Ở khu 7 (vùng cao Sơn Hà, gồm 10 xã), tình hình cũng diễn ra tương tự như ở Trà Bồng. Cuộc bầu cử của địch được tổ chức ở đây vào ngày 30 tháng 8 năm 1959. Chúng bắt nhân dân khu 7 phải xuống tận quận lỵ Sơn Hà, cách đó 2 ngày đường để bỏ phiếu. Theo đúng chủ trương của tỉnh, nhân dân đã đấu tranh chống lại. Họ viện lý do "địa điểm quá xa, cực khổ, nghèo đói không thể đi được hoặc đi giữa đường gặp Việt cộng thì ai bảo vệ cho". Chỉ có một số rất ít người ở gần hai đồn Vi Meng và Xôn Nít phải đi cho có lệ. Địch cho tay chân đe dọa, khủng bố, đàn áp. Nhân dân chuẩn bị sẵn sàng chống lại. Thanh niên tự vệ ra rừng, ra rẫy, cắm chông, gài bẫy. Dự kiến địch sẽ tiến vào xóm anh Thiệt, xã Sơn Long, thanh niên gài bẫy ngay cổng vào để diệt địch. Đến ngày 2 tháng 9, sau khi không thấy nhân dân đi bỏ phiếu và nghe tin Trà Bồng nổi dậy, địch kéo 1 đại đội từ quận lỵ lên một số xã ở cạnh các đồn nói trên nắm lại tình hình, liên lạc với ngụ quyền thôn xã và uy hiếp tinh thần của nhân dân. Đến xóm anh Thiệt, chúng bị sa bẫy. Số còn lại hoảng hốt chạy tản ra bốn phía bị xóc chông khá nhiều. Chúng phải kéo quân về.

Đứng trước tình hình đó, ban lãnh đạo khu 7 lập tức động viên toàn thể nhân dân chuẩn bị đánh địch càn quét trên một quy mô lớn hơn. Việc chuẩn bị chiến đấu được đẩy mạnh rộng khắp trong toàn khu. Đơn vị 89 bộ đội tập trung vừa được thành lập, nhanh chóng triển khai, làm nòng cốt cho du kích và nhân dân chuẩn bị chiến đấu chống càn. Ngụ quyền và một số tổ chức kìm kẹp còn lại bị xoá bỏ sạch. Một số tên ác ôn ẩn náu ở cạnh các đồn lẻ bị giết chết. Vùng cao Sơn Hà

gồm đa số là người Cà Dong và một số người Hrê, đã thực sự vùng dậy.

Đến ngày 5 tháng 9, địch từ quận lỵ Sơn Hà cho quân kéo lên để nắm tình hình. Nhưng nhân dân đã làm vườn không nhà trống, bố trí lực lượng chiến đấu ở tất cả các đường lớn nhỏ. Địch không dám tiến sâu vào các thôn xóm, chỉ đốt một số xóm ở hai xã Sơn Long và Sơn Dung. Lập tức nhân dân ở hai xã Sơn Mậu, Sơn Tịnh cùng với hai xã nói trên, nhanh chóng tăng cường và triển khai mọi hình thức đánh địch. Một cánh quân gần 1 đại đội địch di lũng ở phía nam sông Rinh bị nhân dân đón đánh phải rút về. Một cánh quân khác càn quét ở bắc sông Rinh thuộc địa phận các xã Sơn Liên, Sơn Bao cũng bị chặn đánh. Chúng phải tháo chạy về quận lỵ Sơn Hà.

Như thế là chỉ trừ một số xóm ở sát hai đồn Vi Meng và Xôn Nít, còn tất cả 9 xã thuộc khu 7 đều thuộc quyền làm chủ của nhân dân. Các ủy ban tự quản xã ra đời, cả khu 7 được giải phóng.

Tin Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà (tức khu 7) khởi nghĩa nhanh chóng bay đi khắp miền Tây làm nức lòng các dân tộc anh em khác. Cũng trong cao trào chống phá bầu cử, nhiều vùng cao có điều kiện, theo đúng chủ trương của tỉnh, đã nổi lên khởi nghĩa xoá bỏ ngụy quyền thiết lập chính quyền nhân dân, giành quyền làm chủ thôn xã. Ở Sơn Hà nhiều nơi đẩy mạnh diệt ác, phá vỡ các hình thức kìm kẹp. Riêng nhân dân hai xã Sơn Kỳ và Sơn Thuỷ ở dọc hai bên bờ sông Rhe, kịp thời vùng dậy diệt ác ôn, bảo vệ nương rẫy, chuẩn bị đánh địch càn quét.

Ở Minh Long, tại các xã thuộc vùng cao như Long Quang, Long An, Long Môn, nhân dân nhanh chóng xoá bỏ các vết tích còn lại của ngụy quyền. Việc tổ chức chuẩn bị chống càn

quét được tăng cường với mức độ cao nhất. Các ủy ban tự quản được phát triển và củng cố từ thôn lên xã. Một vùng khá lớn đất đai của huyện Minh Long được giải phóng.

Tại Ba Tơ, quê hương của cuộc khởi nghĩa chống Pháp - Nhật trước đây, nhân dân cũng vùng lên mạnh mẽ. Ở các xã Ba Lễ, Ba Lục, Ba Bích, Ba Nam vốn không có nguy quyền, nhân dân được phát động đứng lên sẵn sàng bảo vệ vùng căn cứ cách mạng. Ở các xã phía đông Ba Tơ giáp với trung châu như Ba Liên, Ba Lương, Ba Khâm, Ba Trang, nhân dân nổi dậy diệt một số ác ôn còn lại và đốt sạch các cơ quan nguy quyền xã. Các tổ chức du kích nhanh chóng được thành lập và động viên nhân dân đẩy mạnh công tác chuẩn bị sẵn sàng đánh địch từ Đức Phổ tiến lên hòng ngăn chặn cơn lốc cách mạng từ miền Tây cuộn cuộn tràn xuống trung châu. Các ủy ban tự quản xã lần lượt được thành lập. Ở phía bắc Ba Tơ, nhiều xã như Ba Điền, Ba Gia, Ba Tàng... cũng nổi lên. Kết hợp tiến công và bình vận, địch vận, nhân dân làm tan rã các đơn vị dân vệ xã. Một tiểu đội người dân tộc Hre mang 15 khẩu súng trở về với nhân dân. Tất cả đều chuyển sang bất hợp pháp, vũ trang chống địch.

Trong khi đó thì ở các vùng thấp miền Tây, nhân dân cũng nhiệt liệt hưởng ứng cuộc khởi nghĩa vũ trang ở vùng cao. Các nhóm "trả dẫu", "bảo vệ dân tộc", các đội vũ trang tuyên truyền nhanh chóng hoạt động diệt ác ôn, phá vỡ từng mảng các hệ thống kìm kẹp của địch. Các ủy ban tự quản thôn ra đời từ lâu, công khai hoạt động nắm quyền lãnh đạo nhân dân và chuẩn bị thành lập chính quyền cách mạng ở cấp xã như ở các xã Sơn Hạ, Sơn Rinh, Sơn Thành, Sơn Trung, Trường Giang. Ở Sơn Thành, Sơn Rinh, dân vệ được giác ngộ, đã mang súng quay về với nhân dân sau khi tiêu

diệt cả một "mâm tề xã". Ở Sơn Lăng nhiều lính địch bỏ hàng ngũ về với nhân dân.

Cuộc khởi nghĩa nhóm lên từ vùng cao Trà Bồng đã nhanh chóng lan ra khắp các vùng cao rồi vùng thấp các huyện miền Tây Quảng Ngãi.

Trưa ngày 28 tháng 8 năm 1959, ban lãnh đạo tỉnh nhận được tin khởi nghĩa ở khu 9 và khu 2, thì ngay tối hôm đó họp để nắm chắc lại tình hình và theo dõi chỉ đạo cuộc khởi nghĩa, đồng thời điện chính thức báo cáo về cơ quan lãnh đạo cấp trên.

Ngày 1 tháng 9 năm 1959, trong lúc tiếng súng còn đang nổ giòn giã, nhân dân còn đang truy kích địch khắp núi rừng miền Tây, tại thôn Trà Giục, thường vụ ban lãnh đạo tỉnh và ban cán sự miền Tây họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các khu để nhận định tình hình và đề ra những chủ trương mới.

Ngày 6 tháng 9, cũng tại thôn Trà Giục ngay vào lúc có tin địch huy động một lực lượng lớn sắp sửa càn quét thường vụ ban lãnh đạo tỉnh và ban cán sự miền Tây cùng các đồng chí lãnh đạo các khu họp để kiểm điểm lại toàn bộ tình hình, đồng thời đề ra những biện pháp để củng cố và phát triển thành quả của cuộc khởi nghĩa. Thường vụ ban lãnh đạo tỉnh chủ trương:

Đối với Trà Bồng:

1. Kiên quyết phát động chiến tranh du kích rộng khắp, giữ vững các xã có điều kiện (cơ sở vững, quần chúng hăng hái, dũng cảm hy sinh, lãnh đạo quyết tâm cao, địa thế thuận lợi) chủ yếu là ở khu 2 và khu 9, đánh bại các cuộc càn quét của địch, tiến lên xây dựng thành căn cứ địa và vùng giải phóng vững chắc cả về ba mặt chính trị, quân sự, kinh tế.

2. Ra sức phá chủ trương cấ lại nguy quyền thôn xã của địch, kiên quyết tiêu diệt không cho bọn tay sai ác ôn ngóc đầu dậy, thiết lập chính quyền tự quản trong thôn xã củng cố dân quân du kích, động viên đông đảo thanh niên vào bộ đội để nhanh chóng phát triển lực lượng, đủ sức đánh địch; khôi phục và giữ vững đời sống bình thường của quần chúng, đẩy mạnh sản xuất tự túc.

3. Triệt để lợi dụng nhược điểm cơ bản của chế độ Mỹ - Diệm và tùy theo thái độ cụ thể của nguy quyền trong từng vùng, lãnh đạo nhân dân các xã vùng thấp thuộc khu 1 và năm xã thuộc khu 9 ở gần đồn địch trở về giữ thế hợp pháp, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và công tác binh vận, địch vận buộc địch để cho nhân dân tự do sinh sống, làm ăn, được cử người của mình ra quản lý thôn xã, được giữ các hình thức tự vệ để chống thú rừng, chống cướp bóc theo tập quán cổ truyền. Tất cả đều nhằm hạn chế khủng bố và tàn sát, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Đối với các huyện miền Tây khác phải nhanh chóng lợi dụng thời cơ đưa phong trào lên mạnh mẽ và trực tiếp hỗ trợ cho Trà Bồng. Cụ thể là:

1. Đối với các vùng cao, nơi nào có điều kiện thì lãnh đạo quần chúng tiếp tục nổi dậy, xoá nguy quyền, thiết lập chính quyền ta, đẩy mạnh công tác tổ chức chống càn quét, khủng bố, tăng cường mọi hoạt động quân sự, diệt ác, phá tề, tiến công vào sơ hở của địch, phân tán lực lượng của chúng. Riêng đối với khu 7 thì thực hiện như chủ trương đã định cho khu 2 và khu 9 của Trà Bồng.

2. Đối với các vùng thấp ở miền Tây thì tiếp tục các mặt đấu tranh chính trị, binh vận và hoạt động quân sự hỗ trợ, diệt ác phá tề. Ở những xã xa đồn địch thì có thể xoá dần nguy quyền, tranh thủ thời cơ phát triển lực lượng ta.

Đối với các huyện đồng bằng:

Tuyên truyền và phát huy thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận, địch vận, đồng thời tranh thủ mọi cơ hội đưa hoạt động quân sự sâu vào vùng địch để hỗ trợ cho Trà Bồng và miền Tây.

Trong khi xác định chủ trương này, ban lãnh đạo tỉnh kiên quyết đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc, hữu khuynh, muốn dừng lại không kiên quyết tiến lên, ngại đấu tranh vũ trang, sợ đột xuất, chiến đấu ác liệt, ngại hy sinh gian khổ, cục bộ địa phương, không nhìn thấy toàn cục, không tích cực chi viện, hỗ trợ cho các vùng anh em. Mặt khác, lại đấu tranh với tư tưởng tả khuynh, nóng vội chỉ ủng hộ đấu tranh quân sự, đấu tranh bất hợp pháp đơn thuần không chịu lợi dụng sơ hở của địch để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh hợp pháp để hạn chế tổn thất, thiệt hại cho phong trào mà địch có thể gây ra.

Có thể nói lúc này phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi đang đứng trước một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng, nếu không kiên quyết tiến lên, không vận dụng đúng lúc các hình thức đấu tranh mà dừng lại hoặc phiêu lưu mạo hiểm thì có thể dẫn đến thất bại. Chính trong lúc này ở các huyện Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ, dưới sự lãnh đạo của các ban lãnh đạo địa phương nhân dân ở các vùng cao và xa các đồn bốt quận lý, đã nổi dậy khởi nghĩa đều khắp. Một số xã người dân tộc ở Kon Tum và một số xã người dân tộc Cor ở Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam đứng lên đánh địch, diệt ngụy thôn, xã.

Tại Trà Bồng, nhân dân ở khu 2 và phần lớn khu 9, vùng trung tâm căn cứ, thực hiện đấu tranh bất hợp pháp, tiến

hành cuộc chiến tranh du kích rộng khắp để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, xây dựng địa phương thành căn cứ địa và vùng giải phóng vững chắc.

Trong khi đó thì một số xã ở vùng thấp và vùng cao được bố trí và tổ chức thành một vùng tranh chấp, tranh thủ giữ thế hợp pháp và tiến hành đấu tranh chính trị với địch.

Tại vùng cao Sơn Hà, chỉ trừ một số ít thôn ở gần đồn địch, cả vùng phát động cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện để chống quân thù.

Trước tình hình rất khẩn trương, địch sắp càn quét quy mô lớn để dập tắt trung tâm khởi nghĩa Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà, các huyện ở đồng bằng nhanh chóng phát huy thắng lợi của cuộc khởi nghĩa miền Tây, tăng cường hoạt động quân sự, thọc sâu vào vùng địch, diệt ác, phá tề tiến công các cơ quan, căn cứ địch, phát triển cơ sở và phân tán lực lượng địch.

Việc chuẩn bị chống càn quét, khủng bố được tiến hành rất khẩn trương, nhất là việc tranh thủ thời cơ phát triển lực lượng. Dân quân du kích xã, thôn được nhanh chóng tổ chức thành đội ngũ. Trong một thời gian rất ngắn, ở thôn nào cũng có dân quân du kích, được trang bị đầy đủ vũ khí thô sơ và các loại vũ khí mới lấy được của địch. Các đơn vị bộ đội tập trung cũng phát triển nhanh chóng. Cuối tháng 9 năm 1959, được sự tăng cường số cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào. Đơn vị 339 phát triển thành hai đại đội được trang bị đầy đủ. Hai đơn vị 89 và 299 mới được thành lập, được phân bổ tham gia chống càn ở các huyện Sơn Hà, Ba Tơ và Minh Long. Nhân dân hăng hái bước vào cuộc đấu tranh với tất cả niềm tin tưởng và phấn khởi.

Từ ngày 7 tháng 9 năm 1959, địch huy động một sư đoàn khoảng trên một vạn tên từ Trà My vào, Sơn Hà ra và từ trung châu lên tiến đánh Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà (khu 7) nhằm tiêu diệt các lực lượng vũ trang và lực lượng khởi nghĩa của ta. Các tổ chức "công dân vụ" và các tổ chức kim kẹp khác cũng được tung ra để dụ dỗ, mua chuộc nhân dân, phục hồi lại nguy quyền thôn xã.

Nhưng chúng đã phải đương đầu với một cuộc chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích rộng lớn được phát động và tổ chức từ cuộc khởi nghĩa toàn dân. Ở khắp nơi chúng đều bị rơi vào những trận địa được bố trí sẵn bằng vũ khí thô sơ đủ mọi kiểu cách. Khi mới đến Trà Giang, cửa ngõ vùng cao Trà Bồng, chúng bị đánh và bị thiệt hại nặng khiến cho tinh thần chúng giảm sút hẳn. Chúng chỉ có thể đi trên những trục đường lớn nhưng không tránh khỏi những trận địa chông, thò, bẫy đá, những ổ phục kích, có ngày chúng chỉ tiến được vài ki-lô-mét. Hầu hết các mũi tiến quân đều bị thương vong nặng nề. Không diệt được du kích, không bắt được lực lượng khởi nghĩa, chúng đốt phá không tiếc tay các thôn xóm trên đường đi. Cho đến cuối tháng 9 chúng vẫn không thực hiện được hợp điểm tại Trà Phong. Chúng liêu đống lại một số đồn cũ như Eo Reo, Eo Chim, Tà Lạt, Đá Líp, dồn một số ít dân vào kim kẹp ở hai đồn Tà Lạt, Đá Líp, rồi vội vã rút lui.

Trong khi đó, mặt đấu tranh chính trị và đấu tranh hợp pháp vẫn được tận dụng ở các xã vùng thấp và một số xã vùng cao.

Ở quanh quận lỵ Trà Bồng, gồm các xã người Kinh và một số xã người Thượng, nhân dân nhanh chóng chuyển về sống hợp pháp và tiến hành đấu tranh chính trị. Họ đã khéo léo lợi dụng các thủ đoạn mị dân của địch và chủ trương khuyến

dụ nhân dân về làng cũ làm ăn để đấu tranh trực diện, buộc chúng phải thực hiện các yêu sách của họ. Từng đoàn người, có khi đến hàng trăm, phần đông gồm ông già, bà già, phụ nữ, trẻ em, có các nhân viên nguy quyền cũ cùng đi, lần lượt kéo vào quận lỵ. Họ tố cáo các hành động khủng bố, đàn áp, cướp phá của bọn tay sai và đòi bọn cầm đầu nguy quyền quận muốn cho nhân dân trở về làm ăn như cũ, thì phải bảo đảm chấm dứt bắn phá, để cho nhân dân tự do đi lại sản xuất, mua bán. Có nơi như ở Trà Giang, Trà Thủy, nhân dân đã khiêng cả người bị địch bắn bị thương vào trụ sở nguy quyền làm tang chứng đòi chấm dứt khủng bố, càn quét, đòi bồi thường cho những người bị thiệt hại.

Nhân dân còn tiến lên đòi cứu đói, cứu đau. Tên quận trưởng đã phải hứa sẽ ra lệnh cho binh lính thuộc quyền thôi không đi khủng bố, bắn phá nữa.

Theo đúng chủ trương chung, nhân dân còn đưa yêu sách đòi được giữ nguyên các hình thức bố trí bảo vệ trong thôn xã và đòi nguy quyền phải chấp nhận những người do dân cử ra để tiếp tục công việc quản lý thôn xã. Cuộc mặc cả khá gay go cuối cùng trước những lý lẽ đanh thép của nhân dân, nguy quyền phải nhượng bộ.

Nhân dân đã thu được thắng lợi lớn trong việc duy trì và phát triển của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và vùng tranh chấp vào ngay sát nách địch. Không những họ đã duy trì được quyền làm chủ quê hương mà còn nhân đó nắm được tin tức về hoạt động của địch, mua được nhiều hàng hoá cần thiết để cung cấp cho vùng cao.

Kết hợp các hình thức đấu tranh quân sự, chính trị và hoạt động binh vận, nhân dân Trà Bồng đã làm thất bại một cách thảm hại cuộc phản kích đầu tiên của Mỹ - Diệm.

Nhân lúc địch lúng túng vì thất bại, các lực lượng vũ trang ta tăng cường hoạt động: bao vây các đồn, đánh quân lừng sục, tập kích các đồn lẻ. Đến giữa tháng 10 năm 1959, địch phải rút khỏi đồn Làng Ngãi, đến cuối tháng 10 thì bỏ các đồn Eo Reo, Eo Chim. Ta thu hồi được vùng đất đai rộng lớn bị địch chiếm, củng cố được thành quả khởi nghĩa.

Trong lúc này, các huyện miền núi khác cũng tăng cường hoạt động đánh địch. Ở Sơn Tây, nhân dân đã được động viên, tăng cường công tác bảo vệ thôn xã để chống càn quét khủng bố. Được nhóm "bảo vệ dân tộc" gồm phần đông là người dân tộc Cà Dong làm nòng cốt, nhân dân đã bẻ gãy một cánh quân càn quét của địch ở dọc hai bờ sông Rinh. Lợi dụng địa thế rất hiểm trở của vùng cao, du kích đã tích cực sử dụng các vũ khí thô sơ như chông, thò, bẫy đá để đánh địch và thu hiệu quả chiến đấu cao. Bọn quân đồn trú thì co rút trong các cứ điểm Vi Meng và Xôn Nít. Nhân dân và du kích đã bao vây, cắt nguồn nước uống và tiếp tục, thường xuyên gọi loa địch vận, đánh mạnh vào tinh thần quân nguy.

Để kết hợp đánh địch, nhân dân hai xã Sơn Bao và Sơn Tịnh, nơi có địch đóng quân, đã kéo vào đồn Bãi Mầu và cử đại biểu kéo về tận quận lỵ Sơn Hà, tận dụng thế hợp pháp và thủ đoạn mị dân của địch để trực diện đấu tranh chính trị. Lúc bấy giờ nguy quyền ở đây cũng ra sức khuyến dụ nhân dân trở về làng cũ làm ăn. Đồng bào Cà Dong đã nêu yêu sách đòi chấm dứt khủng bố, càn quét, đòi phải được cấp gạo, cấp muối, cấp thuốc men, nếu không họ sẽ kéo nhau về gia nhập tỉnh Kon Tum, chứ không chịu ở Quảng Ngãi như cũ. (Đây là vùng giáp giới giữa hai tỉnh, địa vực của người Cà Dong nằm cả trên tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum, nơi nguy quyền hai tỉnh này thường tranh chấp về đất đai và dân số).

Nhờ lý lẽ vững chắc và lợi dụng được mâu thuẫn nội bộ địch, đồng bào đã buộc tên quận trưởng Sơn Hà phải nhượng bộ, hứa rút quân càn quét về.

Đồng thời các nhân viên nguy quyền cũ cũng được vận động đi đấu tranh với địch. Họ viện đủ lý do để không thực hiện các biện pháp khủng bố của địch mà hướng bọn này phải làm theo yêu sách của nhân dân. Cuối cùng, cánh quân lấn chiếm phải rút lui. Các đồn ở địa phương thì co hẳn lại. Nhân dân Cà Dong thu được thắng lợi, giữ vững được thành quả nổi dậy ngày 2 tháng 9, hỗ trợ đắc lực cho cuộc chiến đấu của nhân dân Trà Bồng.

Tại các xã thuộc vùng thấp Sơn Hà, nhân dân vừa tiếp tục nổi dậy, vừa triển khai mọi mặt chiến đấu chống càn quét, khủng bố, phối hợp chặt chẽ với nhân dân vùng cao và nhân dân Trà Bồng. Ở các huyện miền núi khác như Ba Tơ và Minh Long, lực lượng chính trị và vũ trang của ta đẩy mạnh mọi hoạt động, tiếp tục khởi nghĩa, chống càn quét, khủng bố, nhất là diệt ác ôn, phá nguy quyền, phân tán lực lượng địch không cho chúng tập trung sức vào việc đánh phá Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà.

Theo chỉ thị của tỉnh, ở khắp các huyện vùng thấp nhân dân đã tích cực mở rộng đấu tranh chính trị chống càn quét khủng bố, chống gom dân ở các thôn ấp lẻ về sát các đồn bốt để kiểm soát. Ở Ba Tơ, Sơn Hà, đại biểu của nhân dân có các già làng uy tín và các nhân viên nguy quyền đi theo đã kéo về tận quận lỵ và có 2 đoàn đại biểu về tận tỉnh lỵ để đưa yêu sách đấu tranh và đe dọa bọn nguy quyền:

- Từ trước đến nay người Hrê làm ăn yên ổn. Các ông đem quân càn quét, bắn phá, họ không biết làm sao sống được. Nếu các ông không thôi càn quét bắn phá, người Hrê sẽ chạy theo người Cor, người Cà Dong nổi dậy hết.

Một số nhân viên nguy quyền theo kế hoạch của ta, đòi trả chức để gây áp lực.

Ở một số nơi, bọn nguy quyền đòi đồng bào phải phá bỏ hình thức tổ chức bảo vệ thôn xóm, họ đã lần lượt cử đại biểu đến dùng lý lẽ chống lại:

- Các ông không ngăn cản được người Cor, người Cà Dong, làm sao các ông ngăn cản được trộm cắp; họ cướp phá làng chúng tôi. Nếu chúng tôi phá hết chông bẫy, làng xóm bị mất gì, ai bị chết, các ông phải đền của, các ông phải thế mạng, có được không?

Để hù dọa tinh thần địch, các đoàn đại biểu của nhân dân đều tung tin:

- Chúng tôi biết ở vùng cao, người Cor, người Cà Dong và người Hrê nữa đã nổi dậy và đang tiếp tục chuẩn bị nổi dậy nữa, các ông không làm theo cái lòng, cái ruột của đồng bào, thì họ sẽ chạy lên núi cao hết (ý nói theo những người khởi nghĩa).

Các hoạt động này đã có tác động lớn như một chiến dịch tuyên truyền phát huy thắng lợi đồng thời đánh mạnh vào tinh thần quân nguy.

Đóng góp vào việc bảo vệ và phát huy thành quả khởi nghĩa ở Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi, các huyện đồng bằng cũng tích cực hoạt động. Các tổ tuyên truyền ở sâu trong vùng địch tăng cường hoạt động, loan tin khởi nghĩa. Các tổ binh vận len lỏi tuyên truyền cho binh lính địch thấy rõ tính chất chính nghĩa và thắng lợi của cuộc nổi dậy của đồng bào miền núi. Các tổ chức vũ trang công tác của ta, lúc này phát triển đến hàng chục đội, phối hợp với cơ sở quần chúng ở địa phương, diệt ác, phá kìm. Cơ sở cách mạng phát triển vượt bậc. Thanh niên nhiều làng thôn hăng hái vượt lên núi tham gia lực lượng vũ trang. Vùng sau lưng địch mất an toàn, địch không thể không đối phó.

Cuộc chiến đấu phối hợp trong toàn tỉnh đã hỗ trợ đắc lực cho Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà.

Cuộc khởi nghĩa và cuộc chiến đấu chống càn quét quy mô lớn ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bước đầu đã thắng lợi. Thành quả của cách mạng được giữ vững. Từ cuối tháng 9 đến cuối tháng 12 năm 1959, địch không thể tiến công quy mô lên Trà Bồng và miền Tây nữa. Ta tranh thủ thời cơ củng cố lực lượng, tổ chức ổn định cuộc sống cho nhân dân và chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Câu hỏi 9: Để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, nhân dân và các lực lượng vũ trang Trà Bồng đã chiến đấu đập tan sự phản kích của địch, bảo vệ và củng cố căn cứ địa như thế nào?

Trả lời:

Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng Việt Nam, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ và toàn miền Nam. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 82.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã giành được thắng lợi nhanh chóng. Chính quyền cách mạng lần lượt ra đời.

Sau thất bại thảm hại ở Trà Bồng, Mỹ - Diệm cay cú dùng nhiều biện pháp quyết liệt và thâm độc hòng dập tắt cuộc khởi nghĩa, bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ, thiết lập lại ách kìm kẹp của chúng. Tại thời điểm này, xét về toàn cục, thì chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm đang tạm thời còn mạnh, với một lực lượng quân sự đông đảo bao vây Trà Bồng từ bốn mặt. Cách mạng miền Nam còn đang chuyển hướng đấu tranh, lực lượng vũ trang cách mạng chưa hình thành đều khắp để có thể phối hợp hoạt động và hỗ trợ cho Trà Bồng. Do đó, địch có thể tập trung lực lượng đánh phá Trà Bồng và có thể gây tổn thất nếu cán bộ và nhân dân không quyết tâm và khéo léo hướng cuộc khởi nghĩa vượt qua cơn bão táp ác liệt, hiểm nghèo nhất.

Như phần trước đã trình bày, ngày 1 tháng 9 năm 1959, ban lãnh đạo của Quảng Ngãi và Trà Bồng đã họp và quyết định nhân dân kiên quyết bảo vệ, duy trì và phát triển thắng lợi của khởi nghĩa. Hội nghị cũng chống lại khuynh hướng muốn kéo lùi phong trào trở lại, thủ tiêu thành quả của cách mạng. Hội nghị đã đề ra một số quyết định cụ thể để lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng đánh bại các cuộc càn quét của địch, giữ vững vùng giải phóng, tiến lên xây dựng căn cứ địa cách mạng, chống mọi âm mưu và thủ đoạn của địch, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và công tác địch vận... lãnh đạo Quảng Ngãi cũng kêu gọi nhân dân và các tổ chức chính trị vũ trang các huyện khác trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ và quyên góp lương thực, thuốc men, nông cụ ủng hộ cho vùng cao Trà Bồng.

Cán bộ và nhân dân ở tất cả các xã vùng cao đều quyết tâm giữ vững cuộc khởi nghĩa vũ trang và phát triển thành

quả cách mạng. Phong trào bố phòng phát triển cao chưa từng thấy. Chông cắm đều khắp. Mang cung, thò bẫy được gài dày đặc. Mỗi người dân đi đâu cũng mang sẵn bên lưng 100 cây chông. Mỗi gia đình thường xuyên tích trữ sẵn từ 1.000 đến 2.000 cây chông. Huyện mở hội nghị hiến kế làm vũ khí thô sơ đánh địch ở miền núi. Ở các xã vùng thấp, nhân dân buộc địch phải cho duy trì và phát triển các hình thức bố phòng với lý do hợp pháp là "để ngăn ngừa những người khởi nghĩa ở vùng cao tràn xuống" nhưng thực tế là để đánh địch. Vừa khởi nghĩa nhân dân Trà Bồng vừa sẵn sàng chờ địch đến để đánh.

Từ ngày 7 tháng 9 năm 1959, địch đã huy động 10.000 quân từ 4 mặt tiến công Trà Bồng. Lần đầu tiên chúng dùng cả máy bay oanh tạc và đại bác để đánh phá ở đây. Nhân dân Trà Bồng đã vận dụng các mặt đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận để chống lại.

Lưới binh vận từ trên xuống dưới đã được huy động để làm giảm nhuệ khí, tinh thần binh sĩ, rải truyền đơn để tuyên truyền hạn chế sự hung hăng tàn bạo của ngụy quân, dán khẩu hiệu kêu gọi không đi càn quét...

Ở các xã vùng thấp, nhân dân đã nhanh chóng chuyển qua đấu tranh chính trị, hợp pháp. Từng đoàn người kéo vào quận lý đấu tranh trực diện đòi chấm dứt càn quét khủng bố, bồi thường cho người bị thiệt hại. Tên quận trưởng phải nhượng bộ. Nhân dân còn yêu sách giữ nguyên các hình thức bố phòng và đòi để cho những người do dân cử ra làm đại diện ở các thôn xã tiếp tục làm việc với quận. Cuộc đấu tranh đã thắng lợi. Nhân dân đã lợi dụng việc di lại hợp pháp để mua gạo, vải, muối, nông cụ tiếp tế cho vùng cao.

Khi địch tiến đến đâu nhân dân các xã vùng cao đánh địch đến đó. Nơi nào có những điều kiện bất lợi thì họ đã bỏ

làng kéo vào rừng núi cao hơn, hoặc kéo lên các xã vùng cao nhất để đánh địch và tránh địch có hiệu quả hơn. Đến tháng 10 năm 1959 đã có hơn 1.000 gia đình rời làng chống giặc. Trong khi đó thì các lực lượng vũ trang nhân dân đã dùng tất cả các hình thức chiến đấu, các vũ khí thô sơ có hiệu quả nhất để chống địch. Ngày 7 tháng 9 tại cửa ngõ vùng cao ở xã Trà Giang, 1 bẫy đá đã giết chết 1 tên đại úy và làm bị thương 5 tên khác. 25 tên địch đã bỏ mạng tại Trà Nham khi bị rơi vào một ổ phục kích, bọn còn lại đã nhảy đúng vào một bãi chông liên hoàn và tất cả bị thương. Tại Trà Thanh, 1 bẫy đá kết hợp với chông tự động bố trí 2 bên thành dốc và hầm chông bí mật dọc đường, đã làm chết gần hết 1 trung đội đi đầu, 9 tên đi sau đã bị thương. Các xã Trà Hiệp, Trà Lãnh, Trà Quân đã dùng tất cả mọi thứ vũ khí đánh địch bất cứ lúc nào phải tháo lui không tiến lên được. Đến cuối tháng 9 năm 1959, không thể hợp điểm tại Trà Phong như đã dự định, chúng phải rút lui về hướng cũ, sau khi đã đóng lại một số đồn chịu cô lập giữa biển cả của chiến tranh nhân dân.

Thừa thắng, đầu tháng 10 năm 1959, các lực lượng khởi nghĩa đã nhanh chóng tập hợp lại chuyển sang tấn công, bao vây bức rút 2 đồn Eo Reo và Eo Chim mới đóng lại và đón đánh bọn này ở dọc đường, giết chết 40 tên, làm bị thương nhiều tên khác, tập kích đuổi địch ở đồn Làng Ngãi về Gi Lăng, đánh tiêu hao 1 tiểu đoàn tiếp viện... Địch phải co lại không dám tiến lên vùng cao nữa và từ đầu tháng 1 năm 1960 chúng lại chuyển qua càn quét nhỏ gom dân về một số đồn như Đá Líp, Tà Lạt. Du kích lại tiếp tục đánh đồn kết hợp với dân chúng đấu tranh chính trị đòi trở về làng cũ. Đến hè năm 1960, 2 khu đồn trên đã bị phá tan.

Trải qua gần 1 năm chống càn quét khủng bố, lực lượng vũ trang khởi nghĩa đã được bảo tồn và phát triển. Đơn vị

339 đã phát triển thành 3 đơn vị. Các xã đều có từ 2 đến 4 trung đội nam du kích, 1 đến 2 trung đội nữ du kích.

Đến tháng 10 năm 1960, hưởng ứng cuộc đồng khởi chung trong toàn miền, Trà Bồng lại tiếp tục nổi dậy đánh địch trên một tuyến dài 30 ki-lô-mét, làm chủ quận lỵ 1 đêm, bức địch bỏ 3 đồn Đá Líp, Tà Lạt, Eo Chim. Tháng 11 năm 1960, khi có đảo chính, hòng lật đổ Diệm, Trà Bồng lại nổi dậy đánh và bức rút đồn Tà Lạt mới đóng lại, tiêu hao quân tiếp viện. Địch phải bỏ tất cả các đồn co lại ở quận lỵ.

Suốt cả năm 1961, Trà Bồng đã chống lại trên 30 cuộc càn quét ác liệt của địch. Toàn bộ nhà cửa ở 16 xã vùng cao, trừ một số ít ở sâu trong núi, đã bị đốt cháy. Có làng phải di dời đến lần thứ 39, 40. Nhưng các lực lượng khởi nghĩa đã chống càn thắng lợi và lớn mạnh không ngừng. Trong một trận phục kích ở bờ sông Nước Tăng vào tháng 9 năm 1961, bộ đội địa phương và du kích tiêu diệt tại trận 90 tên địch. Chiến tranh du kích phát triển sâu vào trung tâm quận lỵ. Căn cứ vùng cao được giữ vững và củng cố.

Câu hỏi 10: Trình bày quá trình xây dựng và phát triển vùng giải phóng của quân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Nêu những thắng lợi của ta trong việc đập tan những âm mưu, thủ đoạn và hành động chống phá ác liệt của địch.

Trả lời:

Tháng 2 năm 1960, Đại hội đại biểu tổ chức lãnh đạo toàn tỉnh Quảng Ngãi đã họp ngay trong vùng giải phóng Trà Bồng, khẳng định sự đúng đắn và thắng lợi to lớn của cuộc khởi nghĩa. Đại hội đã sơ kết tình hình phát triển của cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, xác định

tính chất, vị trí ý nghĩa của nó và rút kinh nghiệm về việc vận dụng đường lối, phương châm của cách mạng. Đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy Khu V đã chủ trì Đại hội. Đại hội đã xác nhận:

"Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một thắng lợi to lớn. Sự chỉ đạo trước, trong và sau khởi nghĩa về căn bản là đúng. Cũng như đối với phong trào chung trong toàn tỉnh, Quảng Ngãi đã đi đúng đường lối, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, dũng cảm phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp theo đó đã kiên quyết tiến hành chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù hung bạo, đã biết vừa tiến hành đấu tranh vũ trang, vừa biết giữ thế hợp pháp để tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh chính trị"¹.

Đại hội đã đề ra nghị quyết chỉ rõ phương hướng cho phong trào chung toàn tỉnh:

"Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh mọi hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thế kìm kẹp ở bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh. Ra sức phát triển và xây dựng thực lực cách mạng về mọi mặt"². Tất cả các nhiệm vụ đó là để gấp rút chuẩn bị cho cuộc đồng khởi phát triển xuống đồng bằng. Riêng đối với các huyện miền núi, đại hội xác nhận lại quyết định đúng đắn của ban lãnh đạo tỉnh.

Cuộc chiến đấu đó đã diễn ra hết sức gay go, quyết liệt.

1, 2. Trích Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu tổ chức lãnh đạo toàn tỉnh Quảng Ngãi, tháng 2 năm 1960.

Lúc này căn cứ vùng cao Trà Bồng và Sơn Hà đang đứng trước những khó khăn lớn. Dịch tập trung lực lượng càn quét liên miên. Từ một loạt đồn mới đóng lại quân dịch thường xuyên lùng sục kết hợp với những cuộc càn quét quy mô lớn, dài ngày, hòng vừa tiêu diệt lực lượng vũ trang ta vừa đánh bật cơ sở địa phương. Chỉ trong ba tháng đầu năm 1960, chúng đã mở 52 cuộc càn quét quy mô từ 1 đại đội đến 2 tiểu đoàn. Chúng ráo riết bao vây kinh tế, cấm việc đi lại mua bán giữa vùng cao và vùng thấp, triệt để áp dụng thủ đoạn "gạo đong từng lon, muối đếm từng hạt". Đồng thời việc phá hoại mùa màng, nhà cửa, tài sản của nhân dân đã trở thành một chính sách hết sức tàn bạo của chúng, hòng đẩy nhân dân vào cảnh đói khổ, buộc họ phải đầu hàng. Cả vùng cao huyện Trà Bồng chỉ còn một số ít nóc nằm sâu trong núi. Có nóc bị đốt đi đốt lại đến 39 lần, 40 lần. Nhiều thôn xóm ở vùng cao Sơn Hà (khu 7) cũng bị đốt trụi. Hàng ngàn gia đình ở vùng thấp và vùng giữa bị càn quét, chà xát phải chạy lên vùng cao, càng làm cho vùng căn cứ có thêm nhiều khó khăn. Nạn đói, dịch bệnh hoành hành càng ngày càng dữ dội giữa lúc quân thù không một phút ngừng tay đánh phá.

Đứng trước những khó khăn hầu như không thể nào giải quyết nổi, nhân dân vẫn giữ vững ý chí cách mạng, cùng đồng cam cộng khổ chiến đấu đến cùng để giữ vững thành quả của cuộc khởi nghĩa, để bảo vệ vùng căn cứ và khu giải phóng. Nhân dân thường nói: "Cách mạng còn, cán bộ còn, nhân dân còn chống giặc. Cán bộ đói, nhân dân cũng chịu đói". Nhất định họ không chịu trở về làng cũ. Một số người được tổ chức về sống hợp pháp không bao lâu lại quay trở lên vùng căn cứ và thiết tha nói với cán bộ ta: "Dân nghe lời cách mạng, nhưng dân không thể làm theo ý

giặc, dân không sống được khi không có cách mạng". Nhân dân phấn đấu với tinh thần vô cùng dũng cảm để khắc phục khó khăn, để chiến thắng nạn đói, nạn đau trong thời kỳ đầu của cuộc chiến đấu. Vừa đánh giặc cần quét từ bốn phía, nhân dân tổ chức thu mót lúa còn sót lại ngoài rẫy để làm lúa giống và để cứu đói. Khá nhiều người hy sinh trong các cuộc thu nhặt quanh đồn địch và ở những vùng đang giằng co với quân cần quét. Ngay từ đầu, việc sản xuất rau ngắn ngày và các hoa màu khác đã được đặt ra.

Việc nhường cơm sẻ áo giữa nhân dân, cán bộ và bộ đội được thực hiện với biết bao tấm gương đẹp đẽ và xúc động. Nhờ vậy mà qua bao nhiêu năm tháng đói cơm, lạt muối vẫn không có một người nào bị chết đói. Công tác y tế cũng được xúc tiến một cách nhanh chóng để chặn đứng các bệnh dịch. Thuốc nam và các thứ thuốc gia truyền của dân tộc được phổ biến rộng khắp để nhân dân giúp nhau chữa bệnh. Vừa lo ổn định đời sống, bộ đội và nhân dân vừa tập trung sức vào việc chống cần thắng lợi. Ở Trà Bồng cũng như trong toàn miền Tây trước tình hình địch tiến hành cần quét, đánh phá liên miên hết ngày tháng này qua ngày tháng khác, ta chủ trương phát động toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc, chống cần, lấy lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Hội nghị chuyên đề về chiến tranh du kích được tổ chức để phát huy trí tuệ của cán bộ nhân dân hiến kế bày mưu đánh giặc. Các lớp học đào tạo cán bộ tiểu đội, trung đội bộ đội tập trung, cán bộ tiểu đội du kích, cán bộ xã đội, thôn đội để bồi dưỡng cho anh em chỉ huy ở cơ sở những kiến thức cơ bản về quân sự được gấp rút tổ chức. Cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ đội thì lúc tập trung đánh giặc, lúc phân tán đi tham gia xây dựng lực lượng và bảo vệ

ở cơ sở. Trong cuộc chiến đấu du kích ở rừng núi, việc bảo vệ thôn xã có một vai trò hết sức quan trọng. Việc bố trí lực lượng đánh địch không những được thực hiện liên hoàn xã này qua xã khác, mà còn liên hoàn cả một vùng rộng lớn như ở vùng cao Trà Bồng, Ba Tơ và huyện Sơn Tây (vùng cao Sơn Hà cũ).

Nhân dân đã được tổ chức và huấn luyện khá thuần thục để đánh địch. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng để bảo vệ ta và đánh địch trong điều kiện bị bao vây bốn mặt, trong một địa bàn không rộng lắm. Việc cảnh giới nắm tình hình địch, trinh sát, báo động được tổ chức chặt chẽ. Địch ra khỏi đồn, đi đến đâu là cả vùng biết tin và tất cả mọi sinh hoạt bình thường được nhanh chóng chuyển vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Về vũ khí thì ngày càng dồi dào và được cải tiến không ngừng. Nhiều xã tổ chức bộ phận sản xuất vũ khí thô sơ, có nhiều vũ khí cải tiến cung cấp kịp thời cho yêu cầu chiến đấu. Về chông thì đủ các cỡ, các loại dài, ngắn, chông đu, chông đập, chông cố định, chông di động... Bẫy cũng đủ các loại, có bẫy do người giật, có bẫy tự động, bẫy đá, bẫy nước, bẫy trên cây, bẫy dưới đất... Thò thì động đến một sợi dây, một cục đá là phóng ra ngay một cái lao, một mũi mác. Thò liên thanh hay là giàn thò thì phóng ra cùng một lúc 10, 20 cái, khi 30 cái. Ná, tên thuốc độc đã trở thành một vũ khí bắn tỉa, tiến công hết sức lợi hại. Có loại tên chỉ cần chạm vào da là đủ bắt kẻ địch lăn đùng ra chết. Có tên lửa bắn vào đốt cháy các doanh trại tranh tre, gây hoả hoạn bất ngờ đến nỗi địch không biết ta từ hướng nào tới. Có ná tự động bắn hàng chục tên một lúc.

Với những thứ vũ khí thô sơ đó được kết hợp lại với nhau thì có thể dựng lên những trận địa mai phục dài hàng

100 mét, có thể "ngoạm" hàng đại đội, hàng trung đội địch. Có trận địa tự động hoàn toàn, buộc quân chính quy địch được trang thiết bị hiện đại phải đánh nhau với tre, đá, gỗ, cây, hết lớp này đến lớp khác. Có trận địa có du kích và bộ đội phối hợp bắn tỉa, tiến công để thu chiến lợi phẩm.

Có thể nói, tất cả trí tuệ, sức lực của dân tộc được động viên, phát huy; tất cả địa thế thuận lợi của núi rừng được tận dụng. Với sức lực và trí tuệ của đồng bào dân tộc, cây, đất, đá, nước cũng trở thành vũ khí có uy lực lớn trong cuộc chiến đấu ở núi rừng. Bọn lính nguy còn sống sót ở miền núi về đã phải kinh sợ nói với đồng bào: "Ghê quá, đá cũng biết đánh nhau, cây cũng biết giết người, ngược lên trời cũng thấy cái chết, cúi xuống đất cũng thấy cái chết".

Để đánh địch đóng đồn, ta vận dụng 3 hình thức chiến thuật tỏ ra thích hợp nhất với tình hình lúc bấy giờ. Đối với các đồn đóng ở những điểm cao xa thôn xóm, nếu có điều kiện thì tập trung lực lượng để tiêu diệt. Đối với đồn đóng cô lập ở gần các thôn nóc thì dùng lực lượng quần chúng bao vây kết hợp với hoả công, thanh viện, tuyên truyền gây khủng khiếp, bức địch phải rút chạy. Đối với các đồn đóng ở gần thôn nóc mà địch ngoan cố thì dụ chúng ra ngoài để tiêu diệt một lực lượng lớn rồi bức rút.

Ở các xã ở vùng thấp, vùng dậm thì vận dụng phương thức đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ. Nhân dân không dời làng nữa mà trụ lại dũng cảm đương đầu với địch. Trong khi lực lượng bất hợp pháp hoạt động vũ trang để hỗ trợ, thì lực lượng hợp pháp tranh thủ mọi cơ hội đấu tranh bằng lý lẽ, vận dụng tình cảm đánh mạnh vào tinh thần binh lính địch để hạn chế khủng bố, cướp phá và chống việc bắt dân về các khu đồn. Nhân dân triệt để lợi

dụng sơ hở của địch, buộc chúng phải để cho tự do đi lại, mua bán, làm ăn, được cử người của mình ra làm công việc chính quyền và giữ các hình thức đấu tranh, kể cả việc bố trí bảo vệ thôn xóm. Nhân dân kiên quyết trừng trị không để cho bọn tay sai ngóc đầu dậy, cũng như không để cho địch cấy lại tề ngụy. Đi đôi với những thắng lợi về quân sự, đấu tranh chính trị cũng giành được thắng lợi lớn.

Trong các khu đồn dân, cuộc đấu tranh cũng diễn ra gay gắt. Nhân dân liên tiếp đấu tranh đòi cấp gạo, vải, muối nông cụ, chăn màn, đòi chấm dứt càn quét để được tự do đi lại, làm ăn. Bà con đã cử đại biểu lên các quận lý để đấu tranh, yêu sách, nhiều lần địch phải nhượng bộ. Đồng bào nhân đó cung cấp tình hình cho cán bộ, tiếp tế hàng hoá cho vùng cao. Du kích có thể trà trộn vào trừng trị bọn ác ôn. Đến mùa hè năm 1960, khi địch phải điều các đơn vị chủ lực về trung châu để đối phó với phong trào ở đây đang lên mạnh việc càn quét, lùng sục vốn luôn luôn bị thất bại, trở nên yếu ớt và thưa dần. Các khu đồn dân bị phá tan. Nhân dân trở về làng cũ làm ăn. Các đồn bốt địch càng bị bao vây, cô lập. Hàng ngàn người chạy lên vùng cao lần lượt được tổ chức và bảo vệ để quay về làng cũ sản xuất và chiến đấu.

Một lần nữa Trà Bồng đã làm thất bại âm mưu của địch đánh phá vùng căn cứ.

Tại khu 7 (vùng cao huyện Sơn Hà), cuộc chiến đấu cũng diễn ra khá gay go. Trừ Sơn Bua, một xã trên đỉnh cao địch không đến được, còn tất cả các xã đều bị chà đi xát lại. Nhân dân dời làng, dựa vào những nơi có địa thế thuận lợi để đánh địch. Mặt khác, các lực lượng vũ trang thường xuyên bao vây các đồn, phục kích các đường giao thông,

triệt tiếp tế, làm cho địch gặp nhiều khó khăn. Đến cuối năm 1959, địch rút chạy khỏi đồn Xôn Nít, đồn Vi Meng bị cô lập và đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Đầu tháng 4 năm 1960, địch đóng thêm đồn Sơn Mậu và dùng máy bay bắn phá thường xuyên để gây tâm lý sợ hãi, nhưng vẫn không uy hiếp được tinh thần nhân dân. Ở vùng thấp Sơn Hà, chỉ trong 10 tháng (từ tháng 9 năm 1959) địch đã mở 102 cuộc càn quét lớn nhỏ nhưng không ngăn cản được nhân dân tiếp tục nổi dậy giành quyền làm chủ.

Ở Ba Tơ, việc càn quét nhỏ đã diễn ra liên miên từ cuối năm 1959. Đến đầu năm 1960, địch lại mở một số cuộc hành quân cỡ lớn, đánh phá kết hợp với các thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc để lập lại nguy quyền vùng cao. Nhưng không bao lâu ta lãnh đạo nhân dân nổi lên một lần nữa đốt hết cơ quan hành chính, xoá bỏ tất cả các hình thức kìm kẹp. Trong khi đó, quân và dân ta đẩy mạnh hoạt động ở dọc đường số 5 diệt ác, phá tề, vũ trang tuyên truyền, đánh phá giao thông, thọc sâu vào quận lỵ. Do đó, địch phải co lại trong quận lỵ và các đồn bót.

Cuộc chiến đấu chống càn quét đã diễn ra với sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa các vùng trên miền núi và cả các vùng nông thôn đồng bằng trong toàn tỉnh. Vào xuân hè năm 1960, để hỗ trợ cho miền núi và triệt để phát huy thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây, ban lãnh đạo tỉnh chủ trương mở phong trào ở vùng giáp ranh và ở đồng bằng, đồng thời đẩy mạnh phong trào nổi dậy và phát triển chiến tranh du kích mạnh hơn nữa ở các vùng thấp của các huyện miền núi. Phong trào toàn tỉnh đã có những bước tiến mạnh mẽ và có một khí thế mới.

Đến giữa năm 1960, cục diện của cuộc đấu tranh đã có nhiều biến đổi có lợi cho nhân dân ta. Ở miền núi địch bị sa

lây tại chỗ, thất bại trong việc càn quét phải co hẳn lại. Ở đồng bằng, thế và lực của cách mạng đã phát triển dần sang thế tiến công.

Cuối năm 1960, trong cao trào đồng khởi của nhân dân miền Nam Việt Nam, để hỗ trợ cho đồng bào trong vùng có điều kiện quật khởi, lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ mở một đợt tiến công tiêu diệt một số đồn bốt địch ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và ở miền Tây các tỉnh duyên hải miền Nam Trung Bộ và đã thu được thắng lợi vang dội. Quân và dân Quảng Ngãi đã phối hợp chiến đấu nhịp nhàng và có hiệu quả lớn. Ngoài việc đánh mạnh ở vùng giáp ranh, diệt ác ôn, phá tế ngục, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá tan từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của địch, ta còn đánh địch trên một diện rộng khắp ở đồng bằng cũng như các vùng thấp của miền núi.

Tại Trà Bồng, ngày 15 tháng 10 năm 1960, quân và dân ta mở một đợt tiến công quy mô vào các đồn Đá Líp, Tà Lạt, Eo Chim và quận lỵ Trà Bồng trên một tuyến dài trên 30 ki-lô-mét. Ta làm chủ quận lỵ cho đến sáng ngày 16 và phá tan cơ quan ngục quyền xã Trà Phú. Đồng bào Kinh và Thượng nổi lên diệt ác ôn, phá các hình thức kìm kẹp, thu một số lớn vũ khí. Thấy quận lỵ bị tiến công, các đồn Đá Líp, Tà Lạt, Eo Chim hoảng hốt bỏ chạy.

Cũng trong tháng 10 năm 1960, lực lượng vũ trang của ta tiêu diệt đồn Hà Thành ở Sơn Hà, đồn Long Xuân ở Minh Long, giết và làm bị thương mỗi đồn một đại đội địch, hỗ trợ cho nhân dân các thôn xã vùng thấp nổi lên diệt ác, phá kìm, phát triển phong trào chiến tranh du kích. Hệ thống ngục quyền của địch còn lại bị phá vỡ một phần lớn. Ở các xã còn đang bị địch kìm kẹp, phong trào đấu tranh chính trị cũng phát triển.

Sau đợt tiến công của ta, địch đưa quân lên chốt lại một số đồn bốt cũ và càn quét, gom dân về quanh các đồn đó. Đến ngày 11 tháng 11 năm 1960, khi nghe tin nổ ra cuộc đảo chính đầu tiên ở Sài Gòn, tranh thủ thời cơ thuận lợi, nhân dân và các lực lượng vũ trang Trà Bồng lại nổi dậy và tiến công địch một lần nữa. Đồn Tà Lạt bị đánh thiệt hại nặng, địch phải chạy về quận lỵ. Ngày hôm sau đơn vị khác tiến lên định đóng lại cũng bị đánh tơi bời phải chạy luôn về quận lỵ. Từ đó vùng cao Trà Bồng không còn đồn giặc.

Như vậy, ở miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt ở Trà Bồng, đã diễn ra thế liên tục tiến công và nổi dậy, kết hợp giữa tiến công của các lực lượng vũ trang và nổi dậy của nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh vận. Đặc biệt ở Trà Bồng, ta thu được thắng lợi hết sức to lớn, 16 xã vùng cao được hoàn toàn giải phóng. Nhân dân các xã vùng thấp giành được quyền làm chủ. Đến đầu năm 1961 thì vùng cao Sơn Hà cũng được hoàn toàn tự do sau khi bức địch rút khỏi các đồn bốt còn sót lại. Những thắng lợi đó đã đẩy lùi quân địch vào thế bị động phòng ngự hơn nữa ở miền Tây.

Ở đồng bằng, các lực lượng vũ trang càng thọc sâu hơn nữa vào lòng địch, đồng thời với việc củng cố thêm một bước các bàn đạp ở vùng giáp ranh. Được lực lượng cấp trên hỗ trợ, các đơn vị tập trung của tỉnh diệt gọn đồn quận lỵ Bình Sơn gồm 1 đại đội địch, gây một tiếng vang lớn, thúc đẩy đồng bào nông thôn đẩy mạnh đấu tranh. Tại các vùng Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, nông dân chống lại một cách kiên quyết chính sách đấu giá công điền, thực chất là ăn cướp ruộng đất của nông dân trao cho bọn địa chủ.

Thắng lợi trong năm 1960 đã bảo vệ một cách có hiệu quả căn cứ địa và vùng giải phóng miền Tây; mở rộng

phong trào tiến công và nổi dậy xuống khắp các vùng thấp và vùng giáp ranh, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ ở đồng bằng. Thắng lợi đó đã phối hợp nhịp nhàng với cuộc nổi dậy của nhân dân ta ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Tại miền Tây Quảng Ngãi, lá cờ Mặt trận đã phấp phới tung bay trên khu căn cứ địa và vùng giải phóng bao gồm 54 xã (Trà Bồng 19 xã, Sơn Tây 10 xã, Sơn Hà 8 xã, Minh Long 4 xã, Ba Tư 13 xã). Chính quyền nhân dân tự quản thôn xã được thành lập và củng cố vững mạnh, nhân dân vừa chiến đấu, vừa xây dựng cuộc sống mới.

Tháng 1 năm 1961, cũng tại khu rừng lịch sử Gò Rô, nhân dân các dân tộc trong huyện Trà Bồng mở Đại hội mừng thắng lợi và nhiệt liệt hoan nghênh sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cũng tại Đại hội này, Ủy ban nhân dân tự quản huyện Trà Bồng được thành lập do một nhân sĩ người dân tộc Cor làm chủ tịch. Một trang sử mới được mở ra trên núi rừng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Bị thất bại nặng nề trên khắp miền Nam Việt Nam; nhất là đứng trước một cuộc nổi dậy long trời lở đất của nhân dân vùng nông thôn từ vĩ tuyến 17 đến đồng bằng sông Cửu Long, đế quốc Mỹ triển khai kế hoạch Xta-lây - Tay-lô nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Lầu Năm góc bắt đầu. Tỉnh Quảng Ngãi trở thành một trong những trọng điểm đánh phá. Mỹ - ngụy xây dựng đây thành một đặc khu quân sự, trực thuộc bộ tổng chỉ huy quân ngụy ở Sài Gòn. Tại đây chúng thi hành chế độ quân quản, sử dụng cả sư đoàn chủ lực 25 và một số lượng lớn quân địa phương vào việc khống

chế phong trào. Chúng bố trí nhiều cụm cứ điểm lớn nhằm chi viện cho các đồn lẻ, đóng một hệ thống đồn bốt ở vùng giáp ranh để chia cắt miền núi và trung châu, mở rộng các tuyến giao thông chiến lược để dễ chi viện giữa các cụm cứ điểm, các vùng. Chúng ra sức xây dựng lực lượng bảo an, biệt kích, dân vệ, thanh niên cộng hoà, thanh niên chiến đấu và triệt để quân sự hoá phụ nữ. Đặc biệt là từ cuối năm 1961 đến đầu năm 1962, chúng tập trung mọi cố gắng và dùng những thủ đoạn tàn bạo nhất để gom dân lập "ấp chiến lược". Ngô Đình Nhu đích thân ra tận Quảng Ngãi trực tiếp chỉ thị cho bọn tay chân: "Muốn tồn tại chúng ta phải có gan đạp lên trên oán hờn của nhân dân để lập ấp chiến lược". Cuộc chiến đấu trở nên hết sức quyết liệt. Còn ở vùng căn cứ miền núi, chúng dùng chính sách càn quét liên miên đánh vào các cơ sở của ta, thực hiện triệt để chính sách phá hoại và bao vây kinh tế, nhất là cấm mua bán muối hồng gây khó khăn cho đồng bào miền núi.

Lúc này ở đồng bằng, phong trào tuy có gặp khó khăn, nhưng nhân dân đã vùng lên mạnh mẽ, lại có căn cứ địa và vùng giải phóng miền Tây ngày càng được mở rộng và củng cố làm chỗ dựa, nên thế và lực ta đã mạnh hơn nhiều. Ban lãnh đạo tỉnh chủ trương: "Đẩy mạnh hoạt động vũ trang và mở dân ở đồng bằng, phát triển và củng cố ở miền Tây, đánh bại các âm mưu càn quét lấn chiếm đồn dân lập ấp của địch"¹.

Ở miền Tây, liên tiếp 30 cuộc càn của địch đều bị đánh tơi tả. Chúng phải co về các đồn bốt và quận lỵ. Để hỗ trợ

1. Trích Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu tổ chức lãnh đạo toàn tỉnh Quảng Ngãi lần thứ ba, tháng 10 năm 1968.

cho đồng bằng và củng cố, mở rộng căn cứ miền Tây hơn nữa, tháng 9 năm 1961 ta mở một đợt hoạt động quy mô tương đối lớn. Hai cứ điểm Tà Ma (Sơn Hà) và Giá Vụt (Ba Tơ) mỗi nơi có một đại đội tăng cường bị diệt gọn. Địch đưa quân tiếp viện, ta lại tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn trên đường số 5 (từ Mộ Đức lên Giá Vụt). Chiến thắng to lớn đó đã cổ vũ nhân dân khắp nơi nổi dậy diệt ác, phá tề. Chính quyền địch tan vỡ từng mảng lớn ở vùng thấp. Ở Sơn Hà, các xã Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Giang, Sơn Đông thoát khỏi ách kìm kẹp của địch. Mỹ - Diệm phải rút chạy khỏi quận lỵ, toàn bộ huyện Sơn Hà được giải phóng trong 6 tháng liền (10-1961 đến 3-1962). Ta tranh thủ thời cơ củng cố phong trào về mọi mặt.

Ở Ba Tơ, toàn bộ các xã nằm dọc đường số 5 được giải phóng. Đường giao thông chiến lược của địch bị cắt đứt.

Được miền núi hỗ trợ đắc lực, ở đồng bằng, các đội vũ trang công tác thọc sâu xuống tận ven biển và áp sát ven thị xã giải phóng 11 xã. Ở nhiều thôn xã khác, nhân dân đẩy mạnh đấu tranh diệt ác, phá tề; thế kìm kẹp của địch lỏng lẻo. Có nơi ta diệt ác ôn ngay giữa ban ngày. Ban đêm bọn tay sai của địch phải chạy trốn về quận lỵ. Ta đã đánh phủ đầu địch khi chúng bắt đầu triển khai kế hoạch Xta-lây - Tay-lo.

Trong toàn tỉnh, địch lại bị một phen thất bại nặng nề. Từ chỗ tiến công căn cứ ta, chúng phải chuyển sang phòng ngự, rút bỏ các đồn bốt lẻ, củng cố các vị trí xung yếu, giữ các đường giao thông và quận lỵ. Các vùng căn cứ miền núi, hoàn toàn không còn đồn bốt giặc, như vùng cao Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ liên hoàn lại với nhau trên 60 xã. Vùng căn cứ này được mở rộng, tiếp giáp với các căn cứ của tỉnh

Kon Tum và tỉnh Quảng Nam, tạo nên một vùng căn cứ địa rộng lớn vững mạnh của miền Trung Trung Bộ lúc bấy giờ.

Tháng 12 năm 1961, tại vùng cao Sơn Hà (nay là huyện Sơn Tây) mở Đại hội đoàn kết các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi. Về dự có đông đủ các dân tộc miền núi, đại biểu các huyện trung châu. Ngoài ra còn có nhiều sĩ quan, binh lính và nhân viên ngục quyền của địch đứng về phía nhân dân cũng về tham dự. Đại hội biểu dương những thắng lợi to lớn của nhân dân toàn tỉnh trong 3 năm qua và kêu gọi toàn thể nhân dân các dân tộc hăng hái và tích cực hơn nữa trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ thành quả của cách mạng, ra sức xây dựng khu căn cứ địa và vùng giải phóng. Cũng trong Đại hội này đã chính thức thành lập Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Sơn Hà.

Nhờ có chỗ dựa vững chắc ở miền núi, cuối năm 1961, ban lãnh đạo tỉnh chủ trương: "Kiên quyết phát động quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn đồng bằng, mở đầu cho phong trào đấu tranh chính trị và quân sự song song ở trung châu phát triển sôi nổi"¹. Cuộc khởi nghĩa nổi lên từ miền Tây đã lan xuống bao trùm cả đồng bằng. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1961 đầu năm 1962, với ý chí quật khởi, quần chúng ở nhiều xã thuộc Tây - Bắc và Đông Bình Sơn, Tây Sơn Tĩnh, Tây Tư Nghĩa, Tây Nghĩa Hành và Tây Đức Phổ nổi dậy như nước vỡ bờ, cùng lực lượng vũ trang giành lại chính quyền. Ngục quyền của địch bị đánh đổ hoặc tan rã nặng nề ở 136 thôn thuộc 36 xã, 151.210 dân được giải phóng. Hàng ngàn tên ác ôn bị diệt, bị bắt hoặc xin đầu hàng, đầu thú. Lực lượng dân vệ của địch tan rã

1. Trích Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu tổ chức lãnh đạo toàn tỉnh Quảng Ngãi lần thứ ba, tháng 10 năm 1968.

một mảng lớn. Hàng trăm dân vệ mang súng đi theo cách mạng. Dịch suy yếu một bước dài, chỗ dựa của chúng ở đồng bằng, trong thôn xã bị lung lay đến tận gốc.

Trước tình thế thất bại đó, Mỹ - Diệm phải quay hẳn về đối phó với ta ở trung châu, không còn sức đánh phá vùng căn cứ của ta như trước. Trong các năm 1962, 1963, 1964 chúng chỉ có thể tập trung một số lượng lớn quân từ các chiến trường về, mở những cuộc hành quân càn quét cỡ từ trung đoàn đến sư đoàn và tiến hành dài ngày để thọc sâu vào các vùng căn cứ miền Tây Quảng Ngãi và Đông Kon Tum, nhưng trước sau đều thất bại. Tại Nà Niêu, vào tháng 8 năm 1962 và tháng 5 năm 1964, địch hai lần chịu những thất bại nặng nề và cũng tại đây chiến thuật "trực thăng vận" của chúng bị ném đòn đầu đầu tiên.

Từ đó, căn cứ địa và vùng giải phóng miền Tây Quảng Ngãi đứng vững như một bức tường thành, chỗ dựa chắc chắn của phong trào cách mạng trong toàn tỉnh. Sự tồn tại và lớn mạnh của nó không tách rời với cuộc nổi dậy và chiến đấu thắng lợi của nhân dân toàn tỉnh, của nhân dân ở đồng bằng hỗ trợ cho miền núi phá tan kế hoạch càn quét của địch.

Trong những điều kiện vô cùng khó khăn, giữa vòng vây bốn mặt của kẻ thù, phải liên tục chiến đấu, chống càn quét, đốt phá, từ những đám tro than của các thôn xóm, từ những nương rẫy hoang tàn, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã ra sức xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng về mọi mặt, tổ chức và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, vẽ dần nên những hình ảnh sinh động về tương lai của một miền Nam Việt Nam độc lập, tự do và thịnh vượng.

Chính sách dân tộc của cách mạng được thực hiện dần từng bước trong các vùng căn cứ. Đến lúc này ta đã có một vùng giải phóng trên 60 xã và trên 50.000 dân; trong đó chính quyền nhân dân cách mạng (dưới hình thức các ủy ban tự quản) đã được thành lập từ xã đến huyện; nhân dân miền Tây Quảng Ngãi lại càng có điều kiện để thực hiện chính sách đó một cách đầy đủ và hoàn chỉnh.

Sau cuộc khởi nghĩa ít lâu, do trình độ của cán bộ được nâng cao, ba khu 1, 2, 9 được sáp nhập lại thành huyện Trà Bồng như xưa để thống nhất sự lãnh đạo. Khu 7 trở thành huyện Sơn Tây, một huyện gồm đại bộ phận là người Cà Dong. Các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long cũng được thống nhất lại như cũ (trước đây các huyện này cũng chia thành khu) để tập trung mọi trí tuệ và sức lực vào công cuộc xây dựng khu căn cứ địa và vùng giải phóng vững mạnh về mọi mặt.

Về chính trị, các ủy ban nhân dân tự quản xã thôn được kiện toàn. Những người già làng có uy tín, trung thành với cách mạng, vẫn được trọng vọng và xem như những cố vấn trong thôn xã.

Tổ chức thanh niên có từ sau năm 1954, được củng cố thành Hội thanh niên giải phóng, có Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng làm nòng cốt. Hội phụ nữ giải phóng, Hội nông dân giải phóng được thành lập. Cơ quan lãnh đạo cấp huyện được củng cố và phát triển mạnh mẽ. Tổ chức lãnh đạo Trà Bồng được tồn tại và phát triển trong những năm chiến đấu ác liệt sau 1954 đã lớn mạnh không ngừng, bao gồm những phần tử tiên tiến nhất trưởng thành trong cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Ở các xã đều có cơ quan lãnh đạo. Đó là một đảm bảo vững chắc nhất cho căn cứ địa và vùng giải phóng tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Thực hiện sự bình đẳng dân tộc, khâu đào tạo và đề bạt cán bộ người dân tộc và đưa tuyệt đại bộ phận cán bộ người dân tộc vào các nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý địa phương được đặc biệt chú ý. Trong các cơ quan lãnh đạo, cán bộ người dân tộc đã nắm giữ các cương vị chủ chốt. Ở xã, tất cả các vị trí đều do cán bộ người dân tộc đảm nhiệm. Từ sau năm 1954, cán bộ người Hrê, và sau khởi nghĩa, người Cor tham gia ban lãnh đạo tỉnh. Đến Đại hội lần thứ nhất của tổ chức lãnh đạo tỉnh (2-1960), trong tổng số 17 người được bầu vào ban lãnh đạo tỉnh có 3 người dân tộc Hrê, 2 người dân tộc Cor. Ở khu 7, lần đầu tiên có người dân tộc Cà Dong tham gia ban lãnh đạo huyện. Cán bộ phụ nữ người dân tộc được chú ý bồi dưỡng. Nhiều người tham gia ban lãnh đạo xã, một số cán bộ chủ trì cấp xã. Nhiều người tham gia các ban lãnh đạo huyện. Ở thôn xã, phụ nữ có vai trò lớn trong sản xuất và chiến đấu.

Chính quyền cách mạng đã mạnh dạn thực hiện dần từng bước việc cải cách dân chủ. Ở Sơn Hà và Ba Tơ, của cải của bọn cầm đầu phiến loạn Hrê như các tên Đinh Ênh, Đinh Lãi bị tịch thu đem chia cho những người lao động nghèo khổ. Của cải mà bọn ác ôn ăn cướp của nhân dân đều lấy trả lại cho những người bị tước đoạt. Các hình thức bóc lột khác đều được nhân dân tự nguyện hạn chế hay xoá bỏ tùy theo tình hình cụ thể của mỗi vùng.

Về kinh tế, sau khi vượt qua nạn đói, ổn định được đời sống của nhân dân, Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi đẩy mạnh sản xuất, đem lại những biến đổi to lớn trong sức sản xuất và quan hệ sản xuất cũng như về kỹ thuật canh tác.

Phong trào vòng công và đổi công được đẩy mạnh rộng khắp. Nhiều xã có tổ đổi công thường xuyên. Điều lệ tạm

thời về đổi công và vòng công được ban hành. Riêng huyện Trà Bồng đã có các cơ sở sản xuất tập thể gồm toàn nam, nữ thanh niên thoát ly gia đình được tổ chức để làm kiểu mẫu cho cách làm ăn bước đầu theo lối mới. Các trại sản xuất công doanh (do tỉnh quản lý), các trại nông binh của bộ đội cũng được tổ chức. Các tổ chức này còn là nơi vừa học vừa làm, là trường học đào tạo cán bộ. Trên cơ sở phong trào đổi công và vòng công nói trên, ở nhiều vùng cao đã ra đời các tổ hợp tác lao động, làm ăn tập thể với trình độ cao hơn.

Trong các tổ chức làm ăn theo lối hợp tác lao động nhân dân bước đầu cải tiến cách làm rẫy, bảo vệ rẫy nên thu hoạch được nhiều hơn trước. Lần đầu tiên trên vùng cao Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ, nhân dân đã làm ruộng, cấy lúa. Nhiều nơi đào mương dẫn nước tưới ruộng. Có chỗ đã làm cỏ, bón phân như người Kinh. Ở Nà Niêu có trại sản xuất lúa và cung cấp lúa giống của huyện Trà Bồng và của tỉnh. Mì (sắn) trước đây trồng rất ít, nay trồng một cách phổ biến và trở thành một loại lương thực chủ yếu của nhân dân. Chính nhờ đẩy mạnh sản xuất, không những nạn đói kinh niên từ ngàn xưa đã chấm dứt, mà còn cải thiện được rõ rệt đời sống của nhân dân. Ở các vùng thấp chuyên làm ruộng, kỹ thuật canh tác cũng được cải tiến rất nhiều về mặt thủy lợi, phân bón, làm cỏ, chăm sóc.

Các vùng cao tổ chức lò rèn để sản xuất nông cụ, xây dựng lò gốm, tổ may quần áo. Các thợ thủ công ở trung châu được tuyển lên miền núi tham gia phát triển kinh tế và đào tạo thợ thủ công người địa phương. Lần đầu tiên ở vùng cao đã có những người thợ rèn, thợ may, thợ làm đồ gốm người dân tộc.

Tuy bị địch bao vây kinh tế gát gao, vùng giải phóng vẫn tổ chức được sự trao đổi mua bán với các nơi. Quế Trà

Bông, cau, dầu rái ở Ba Tơ, Sơn Hà vẫn tiêu thụ được một phần khá lớn để đổi lấy các nhu yếu phẩm khác. Tỉnh và huyện tổ chức các hình thức mậu dịch công doanh thu mua lâm thổ sản và bán những thứ cần thiết để phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân.

Việc sản xuất tự túc được đẩy mạnh với một tinh thần tự lực tự cường cao, giữa lúc bị quân thù tiến đánh từ bốn mặt, bị bao vây kinh tế triệt để. Nhân dân, cán bộ cùng bộ đội đã khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn, tự mình lo liệu, giải quyết tất cả. Và ngay trong hoàn cảnh đó, vẫn hết lòng chi viện các tỉnh bạn cả về người, vũ khí, tiền bạc. Tất cả mọi việc làm đều theo tinh thần vừa đánh giặc lâu dài vừa nhanh chóng cải biến đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, làm cho căn cứ địa và vùng giải phóng lớn mạnh toàn diện, xây dựng một hậu phương vững chắc cho cuộc chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích đang phát triển.

Trong khi giải quyết một số vấn đề về kinh tế, ta cố gắng đẩy mạnh việc phát triển văn hoá. Công tác y tế được đặc biệt quan tâm. Nhiều trạm xá được tổ chức ngay sau cuộc khởi nghĩa để cứu thương, điều trị bệnh tật cho các lực lượng vũ trang và đồng bào. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh rộng khắp. Một hệ thống cán bộ y tế, vệ sinh viên được tổ chức đến tận thôn xóm, các lớp đào tạo y tá được tổ chức ở các huyện, trong đó số đông là người các dân tộc.

Việc học tập văn hoá được đẩy mạnh với một tốc độ khá nhanh để bổ túc văn hoá và đào tạo cán bộ người dân tộc. Ngoài các lớp học có từ trước do tỉnh và huyện mở, tại Trà Bông có thêm bốn lớp văn hoá thu hút mỗi khoá trên 150 cán bộ và thanh niên. Ở Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long cũng mở nhiều lớp bổ túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên. Phong trào bình dân học vụ phát triển mạnh ở khắp các vùng rẫy cao.

Một sự kiện rất có ý nghĩa là năm 1960 chữ viết của dân tộc Cor và sau đó năm 1962 chữ viết của các dân tộc Hre và Cà Dong đã ra đời. Lần đầu tiên các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi, sống heo hút ở ven triền núi Trường Sơn, có chữ riêng của dân tộc mình. Việc ra đời chữ dân tộc đã làm nức lòng nhân dân, làm tăng thêm niềm phấn khởi, tin tưởng đối với cách mạng, với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Phong trào văn nghệ quần chúng với tất cả màu sắc dân tộc địa phương, giàu tinh thần chiến đấu, lạc quan, được đẩy lên sôi nổi, có tác dụng lớn trong việc giáo dục nhân dân và làm công tác binh vận. Tiếp tục phong trào sáng tác dân ca đã có từ trước khởi nghĩa, khắp nơi thanh niên nam nữ đua nhau sáng tác xà ru, a giới (dân ca dân tộc Cor), klêu, cà choi (Hre), ra nghệ (Cà Dong). Thôn xóm phấn khởi vui tươi hẳn lên. Các đoàn văn công của huyện Trà Bồng, Sơn Hà lần lượt ra đời đi biểu diễn khắp nơi.

Những thành tựu về kinh tế và văn hoá nói trên tuy chỉ là bước đầu, nhưng đã đóng góp phần không nhỏ vào việc giáo dục và tăng cường ý thức tự tưởng tình cảm và xây dựng nếp sống của người dân tộc. Nhân dân được giáo dục, đã tự giác loại bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu.

Trên khu giải phóng, đời sống các mặt cao hơn hẳn đời sống của nhân dân các dân tộc còn sống trong vùng địch tạm kiểm soát. Bấy giờ, nhân dân các vùng khác bị đói thường chạy về vùng giải phóng kiếm thóc lúa. Nhờ đủ ăn, nhân dân đóng góp nhiều hơn cho cách mạng. Họ đã cung cấp một phần lớn nhu cầu vật chất cho các cơ quan, bộ đội. Hàng năm đồng bào huyện Sơn Hà đóng góp trên 130.000 ang lúa, huyện Ba Tư 120.000 ang lúa. Đợt xuất có vụ hai huyện nói trên đã đóng góp mỗi huyện trên 80.000 ang lúa (mỗi ang khoảng hơn 4kg). Mặc dù là vùng rẫy cao, hai

huyện Trà Bồng và Sơn Tây cũng có sự đóng góp đáng kể. Các xã và huyện đều thực hiện vượt mức kế hoạch đi dân công phục vụ chiến đấu.

Do nhận thức rõ vai trò căn cứ địa và vùng giải phóng trong công cuộc đấu tranh cách mạng và đấu tranh vũ trang, do phát huy đến mức cao nhất tinh thần tự túc tự cường, dựa vào sức mình là chính, nên Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cái nôi của chính quyền nhân dân cách mạng, đã trở thành niềm tin, niềm hy vọng là chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng Quảng Ngãi, là hậu phương vững vàng của cuộc chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích.

Từ năm 1962 trở đi, địch đã thất bại về căn bản trong việc đánh phá vùng căn cứ địa và khu giải phóng. Các đỉnh núi Cà Đam, Thạch Bích, Cao Muôn trở thành tượng trưng cho ý chí đấu tranh bất khuất, tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi.

Từ Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cao trào khởi nghĩa lan ra khắp các huyện đồng bằng; đốm lửa đầu tiên bốc lên thành đám cháy mênh mông. Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã cùng với toàn tỉnh, toàn miền phá tan quốc sách "áp chiến lược", mũi phản kích rất hiểm độc của Mỹ - Diệm, và quật trả lại chúng những đòn địch đáng.

Câu hỏi 11: Hãy cho biết đôi nét về sự phát triển của lực lượng vũ trang Trà Bồng trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1962?

Trả lời:

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa từng phần quy mô lớn trên địa bàn rừng núi

rộng và giành được thắng lợi đầu tiên ở Liên khu 5 nói riêng, ở miền Nam nói chung, từ khi có Nghị quyết 15. Cuộc khởi nghĩa thể hiện rõ nét tinh thần đấu tranh liên tục và triệt để của quần chúng cách mạng. Đây là thành công điển hình trong việc kết hợp giữa lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, tạo ra sức mạnh áp đảo phá tan kìm kẹp của địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

Bị thất bại thảm hại ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm rất cay cú dùng nhiều thủ đoạn và biện pháp thâm độc hòng dập tắt cuộc khởi nghĩa, bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ. Chúng ráo riết bao vây kinh tế, phá hoại mùa màng, đẩy nhân dân lâm vào cảnh đói khát, bỏ làng vào trong núi, gây khó khăn cho hoạt động của lực lượng vũ trang ta.

Trước tình hình đó, Khu ủy Khu V có nhận định: "Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng là hành động cách mạng rất chính đáng, rất tiêu biểu. Toàn Đảng bộ ta có trách nhiệm bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân Trà Bồng. Các huyện, các tỉnh sẽ hỗ trợ cho nhân dân Trà Bồng. Riêng với Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng, con đường bảo vệ và phát triển phong trào hiện nay là vừa đấu tranh hợp pháp, vừa đấu tranh bất hợp pháp, đồng thời đẩy mạnh hoạt động vũ trang, bố phòng của nhân dân du kích khắp nơi"¹.

Tháng 2 năm 1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra nghị quyết lãnh đạo "*Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang*

1. Báo cáo tổng kết tại Lễ kỷ niệm 10 năm khởi nghĩa Trà Bồng (28-8-1969), lưu tại Văn phòng huyện ủy (Dẫn theo *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng (1945-2010)*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 2010, tr. 95.

tuyên truyền thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lòng thế kẹp ở bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh”¹.

Theo sự chỉ đạo của trên, huyện ủy mở hội nghị chuyên đề về chiến tranh du kích, đúc rút kinh nghiệm các trận chiến đấu vừa qua, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân phát huy sáng kiến, hiến kế bày mưu giết giặc.

Bên cạnh đó, các chi bộ Đảng được tập trung củng cố. Lực lượng du kích được gấp rút xây dựng, phát triển. Các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ tiểu đội, trung đội được mở. Nhân dân cũng được huấn luyện cách đánh địch. Địch ra khỏi đồn, đi đến đâu, nhân dân và du kích truyền tin cho nhau và nhanh chóng tổ chức chiến đấu. Du kích thiếu súng đạn, nhưng không thiếu công, thò bẫy, cung tên. Nhân dân và du kích vùng cao Trà Bồng lợi dụng địa thế hiểm trở của núi rừng, chỉ với một ít súng đạn và những loại vũ khí thô sơ tự tạo, đã đánh bại nhiều cuộc càn quét quy mô lớn của địch. Loại quân nào của địch đến vùng cao Trà Bồng cũng bị nhân dân và du kích đánh trả quyết liệt, dần dần mất uy thế, mất tinh thần.

Đến giữa năm 1960, cục diện của cuộc đấu tranh có những chuyển biến có lợi cho ta. Địch bị nhiều thiệt hại trong các cuộc càn quét, phải co hẳn lại. Các khu đồn dân ở đồn Eo Chim, Trà Sơn, Trà Giang, Trà Phú bị phá, nhân dân trở về làng cũ làm ăn. Đồng bào chạy lên vùng cao dần dần được tổ chức quay về sống hợp pháp để sản xuất tham gia đấu tranh chống địch.

1. Trích Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2-1960).

Về tình hình chung của tỉnh, từ giữa năm 1960, nhiệm vụ chính trị đặt ra cho lực lượng vũ trang của tỉnh không chỉ bảo vệ căn cứ địa ở miền núi, mà phải phát triển về đồng bằng làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền diệt ác, phá kìm, xây dựng lực lượng cách mạng, củng cố căn cứ lồi, làm bàn đạp để tiến công tiêu diệt địch thuận lợi hơn.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi xác định, phải xây dựng miền núi thành căn cứ địa vững chắc, đồng thời tiếp tục tấn công mở ra giải phóng nông thôn, đồng bằng; lấy nông thôn, đồng bằng bao vây địch ở thị trấn, thị xã. Thực hiện chủ trương đó, Ban quân sự tỉnh đã phân công đồng chí Đoàn Khắc Bảng, trước năm 1954 từng làm Huyện đội trưởng Trà Bồng, từ tháng 10 năm 1959 đến tháng 6 năm 1960 về phụ trách quân sự huyện, cơ cấu làm Phó Bí thư huyện ủy, để chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang.

Do yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng vũ trang ngày càng lớn, tháng 8 năm 1960, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ của Quảng Ngãi được điều động bổ sung cho lực lượng cấp trên và các tỉnh Tây Nguyên. Đơn vị 339 được điều động đi hơn 30 đồng chí, số còn lại được bổ sung thanh niên từ đồng bằng lên. Từ Đơn vị 339, tỉnh quyết định thành lập Đơn vị 607 để làm nhiệm vụ cơ động trong tỉnh. Từ đây, phiên hiệu Đơn vị 339, do đại bộ phận anh em dân tộc Cor trở về trực thuộc huyện Trà Bồng. Đồng chí Nguyễn Bá Chúc (Phước), Chỉ huy trưởng 339 nay chuyển sang làm Chỉ huy trưởng Đơn vị 607. Đồng chí Hồ Văn Trung làm Chỉ huy trưởng Đơn vị 339 của huyện và đồng chí Hồ Văn Bui làm Chính trị viên, sau khi đồng chí Hồ Văn Bui hy sinh, đồng chí Hồ Văn Thường lên thay.

Tháng 10 năm 1960, hưởng ứng phong trào Đồng khởi toàn miền Nam, theo chỉ đạo của Khu ủy Khu V và Tỉnh ủy

Quảng Ngãi, huyện Trà Bồng huy động lực lượng phối hợp mở đợt tiến công địch trên địa bàn. Tham gia đợt tiến công này có Đơn vị 339 và Đơn vị 607 cùng với du kích các xã, thị trấn do đồng chí Nguyễn Bá Chức (Phước), Chỉ huy trưởng Đơn vị 607 chỉ huy chung. Mục tiêu trọng điểm là quận lỵ Trà Bồng và các mục tiêu khác. Đến ngày 15 tháng 10 năm 1960, ta đánh vào các đồn Tà Lạt, Đá Líp, Eo Chim và quận lỵ Trà Bồng trên một tuyến dài 30 ki-lô-mét. Được lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đồng bào đã nổi dậy tấn công, làm cho địch hốt hoảng tháo chạy khỏi đồn. Du kích đợt nhập đốt cháy cơ quan ngục quyền xã Trà Phú. Đơn vị 607 hành quân áp sát trận địa, đúng 1 giờ sáng nổ súng đánh chiếm quận lỵ, tiêu diệt nhiều quân địch, đến 6 giờ sáng, địch phản kích, ta rút lui. Sau trận đánh này, Đơn vị 607 được tỉnh điều về hoạt động ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, giao hẳn lại khu vực Trà Bồng cho Đơn vị 339.

Sau đợt tấn công của ta, địch đưa quân lên chốt lại một số đồn bót, tiếp tục càn quét gom dân về quanh các đồn. Đến ngày 10 tháng 11 năm 1960, khi nghe nổ ra cuộc đảo chính đầu tiên ở Sài Gòn, huyện ủy tranh thủ thời cơ, huy động nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện nổi dậy tấn công địch một lần nữa. Đồn Tà Lạt bị đánh thiệt hại nặng, địch tháo chạy về quận. Từ đó vùng cao của huyện không còn đồn giặc.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, là nguồn cổ vũ lớn lao đối với Đảng bộ, quân và dân Trà Bồng, cờ Mặt trận đã phấp phới tung bay trên 19 xã khu căn cứ địa và vùng giải phóng của Trà Bồng. Đến ngày 15 tháng 2 năm 1961, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức được thành lập, sự kiện này đã có tác động to lớn đến nhiệm vụ xây dựng,

phát triển lực lượng vũ trang ở miền Nam nói chung và của huyện Trà Bồng nói riêng.

Nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược do Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đề ra, Bộ Chính trị quyết định, đồng thời với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sẽ thực hiện kế hoạch quân sự 5 năm lần thứ hai (1960-1965). Kế hoạch do Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chuẩn bị, Bộ Chính trị thông qua trong phiên họp ngày 25 tháng 2 năm 1961. Kế hoạch có nội dung là "Xây dựng ở miền Nam một lực lượng vũ trang tập trung đủ mạnh, được bảo đảm tốt về trang bị kỹ thuật, cung cấp vật chất và chỉ đạo tác chiến. Bộ đội địa phương huyện tổ chức đến trung đội, đại đội. Bộ đội tập trung tỉnh tổ chức đến đại đội, tiểu đoàn. Xúc tiến thành lập Bộ Tư lệnh các quân khu"¹.

Về phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị chủ trương chuyển phương châm đấu tranh, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự. Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang ở miền Nam là nhanh chóng phát triển lực lượng, đẩy mạnh tiến công tiêu diệt địch, kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng, làm tan vỡ chính quyền và lực lượng địch trên phạm vi ngày càng lớn, tiến tới làm chủ rừng núi, giành lại nông thôn, đồng bằng, xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh

1. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, tập 2*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1999, tr. 103.

chính trị ở đô thị, tạo điều kiện và thời cơ cho một cuộc tổng công kích đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, để đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng, thực hiện tinh thần chỉ đạo của Khu ủy Khu V về việc tổ chức cơ quan chỉ huy quân sự các cấp, tháng 3 năm 1961 tại Nước Xoay, Trà Thọ, Trà Bồng, trong Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đồng chí Tư Thuận - Phó Bí thư Khu ủy Khu V đã công bố quyết định kiện toàn Ban chỉ huy Tỉnh đội Quảng Ngãi, do đồng chí Phan Phong (Trường) làm Tỉnh đội trưởng, Nguyễn Phú Soái (Thọ) Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chính trị viên.

Đến cuối năm 1961 và đầu năm 1962, các cơ quan huyện đội trong tỉnh cũng lần lượt được thành lập. Ban chỉ huy quân sự huyện Trà Bồng lúc thành lập có 5 đồng chí. Đồng chí Hồ Văn Trung, quê Trà Bùi, làm Huyện đội trưởng; đồng chí Hồ Văn Thường (Út), quê xã Trà Quân, làm Chính trị viên; đồng chí Hồ Chí Mân, quê xã Trà Phong, làm Chính trị viên phó. Đồng chí Thái Sơn, quê huyện Đức Phổ và đồng chí Nguyễn Thịnh, quê Nghĩa Hành, làm Huyện đội phó. Tổng quân số cơ quan huyện đội là 25 đồng chí, có biên chế các chức danh Trợ lý Tham mưu, Chính trị, Hậu cần và một số chiến sĩ phục vụ. Cơ quan huyện đội đóng tại làng Tre, thôn Trà Dinh, xã Trà Lãnh. Đơn vị 339 thuộc huyện đội cũng đóng quân gần đó. Lúc này Đơn vị 339 có 2 trung đội với 60 cán bộ, chiến sĩ:

Trung đội 1 gồm 30 người, do đồng chí Hồ Lâm Sơn làm Trung đội trưởng, đồng chí Hồ Văn Tấn làm Trung đội phó.

Trung đội 2 gồm 30 người, do đồng chí Hồ Văn Phượng làm Trung đội trưởng, đồng chí Hồ Văn Bằng làm Chính trị viên.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình chiến đấu rất gian khổ, ác liệt và phức tạp, trong khi Mỹ - Diệm đang triển khai kế hoạch Xtalây - Taylo, một loạt vấn đề bức thiết về các mặt chính trị, quân sự, cơ sở vật chất cho lực lượng vũ trang được đặt ra.

Việc học tập chính trị cho cán bộ, chiến sĩ về tình hình và nhiệm vụ được tiến hành đều đặn và trước yêu cầu nhiệm vụ đột xuất. Bản chất phản động, nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, những âm mưu thủ đoạn cụ thể của địch trên chiến trường, được quán triệt sâu sắc đến từng cán bộ, chiến sĩ. Từng đơn vị thông qua các cuộc sinh hoạt định kỳ mà phát huy những hành động cách mạng, tư tưởng tiến bộ, đồng thời phê bình, uốn nắn những hiện tượng ngại hy sinh ác liệt, sợ gian khổ lâu dài, xây dựng ý chí chiến đấu, tình cảm cách mạng, tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng đội và tinh thần đoàn kết chiến đấu.

Trong điều kiện chiến đấu với một kẻ địch có trang bị hiện đại, quân số đông, âm mưu nham hiểm, việc nâng cao trình độ chiến kỹ thuật, phổ biến những thủ đoạn tác chiến của địch, những kinh nghiệm chiến đấu giỏi của ta, là những nội dung vô cùng quan trọng trong công tác huấn luyện bộ đội.

Một vấn đề cần thiết trong thời kỳ đầu xây dựng lực lượng vũ trang của huyện, đó là công tác hậu cần đời sống. Theo đó, nhiệm vụ sản xuất của lực lượng vũ trang cũng xem như nhiệm vụ chiến đấu. Kế hoạch tác chiến và kế hoạch sản xuất luôn được vạch ra và tiến hành cụ thể theo mệnh lệnh chiến đấu và phù hợp với lịch thời vụ. Sản xuất là nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Những

rẫy mì, rẫy bắp, ruộng lúa xanh mượt gắn liền với tên đơn vị như rẫy mì 339:

"Ai về Ba Chín mà xem

· Bắp nà xanh mượt, ruộng phơi lúa vàng.

Rẫy bay mỗi cánh chim ngàn

Heo, gà lớn nhỏ đàn đàn quanh sân"¹

Thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo, tại Trà Bồng, dịch chia làm ba vùng và áp dụng những biện pháp đánh phá khác nhau. Vùng ta làm chủ thì chúng chủ trương đốt sạch, phá sạch. Vùng tranh chấp thì chúng càn quét khủng bố kết hợp chiêu an. Vùng chúng kiểm soát thì dùng biện pháp hành chính "tố Cộng"... Dịch khôi phục một số đồn bót bị ta tiêu diệt, ráo riết xây dựng lực lượng bảo an biệt kích Trường Sơn, thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới (do Trần Lệ Xuân lập ra và chỉ huy), sử dụng các lực lượng này liên tục càn quét đánh phá vùng ta và cơ sở trong vùng chúng kiểm soát, bao vây kinh tế, nhất là cấm mua bán muối, hòng gây khó khăn cho phong trào cách mạng.

Đầu năm 1961, theo sự chỉ đạo của tỉnh ủy, huyện ủy đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trà Bồng lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Mỹ), họp tại xã Trà Khê.

Sau Đại hội, huyện ủy chỉ đạo mở Đại hội đoàn kết các dân tộc toàn huyện tại khu rừng Gò Rô. Đây cũng là đại hội mừng công, đại hội triển khai nghị quyết của Đảng và quần chúng. Tại đại hội này, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Trà Bồng được thành lập, do đồng chí Đinh Cừ làm Chủ tịch, để đoàn kết động viên các tầng lớp nhân

1. Ca dao do chiến sĩ Đơn vị 339 sáng tác.

dân trong huyện tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ giữa năm 1961, Trà Bồng là một trong sáu huyện trọng điểm mang mật danh 32A, được Thường vụ Khu ủy Khu V trực tiếp chỉ đạo để rút kinh nghiệm phá kìm kẹp của địch.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, huyện đội Trà Bồng tổ chức lực lượng hỗ trợ nhân dân chống địch càn quét lấn chiếm ra vùng căn cứ.

Ngày 24 tháng 7 năm 1961, địch có khoảng một đại đội tổ chức đi càn từ Trà Nham đến Trà Trung. Phát hiện ý đồ của chúng, đồng chí Hồ Chí Mân, lúc này là Chính trị viên phó cùng hai chiến sĩ, lợi dụng địa hình hiểm trở, phục kích đánh địch tại Nà Crôm. Khi địch lọt vào trận địa phục kích của ta, đồng chí Mân cùng hai chiến sĩ đồng loạt nổ súng làm cho địch không kịp trở tay, chúng như ong vỡ tổ bỏ chạy tán loạn. Trận đánh diễn ra từ 3 giờ đến 5 giờ chiều thì kết thúc. Ta tiêu diệt 28 tên, bắt 11 tên, thu được nhiều súng đạn, trong đó có 1 khẩu cối 60mm.

Trong đợt chống càn tháng 9 năm 1961, du kích và Đơn vị 339 đã tiêu diệt 90 tên địch tại bờ sông Tang, làm cho địch thêm hoang mang khiếp sợ.

Cuối năm 1961, một số vùng nông thôn đồng bằng được giải phóng. Muối và nông cụ được tiếp tế cho Trà Bồng nhiều hơn. Phong trào nổi dậy ở nông thôn đồng bằng mạnh lên, địch phải lo đối phó, nên việc càn quét đánh phá của địch ở vùng cao Trà Bồng thưa dần. Tranh thủ thời cơ thuận lợi này, ta ra sức xây dựng thực lực cách mạng, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hậu cứ và tiếp tục tấn công địch ở phía trước.

Lúc này, địch cũng ráo riết hoạt động một cách quyết liệt. Rút kinh nghiệm các đợt hoạt động của ta trong năm 1961, địch tiến hành cải tổ các lực lượng bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu, ra sức bắt lính, dồn dân, tăng cường càn quét quy mô, lùng sục, lập nhiều bãi thả dù đổ quân bằng trực thăng. Chúng xây dựng thêm nhiều cứ điểm, xây dựng công sự phòng thủ, tạo thành những cứ điểm có hỏa lực chi viện lẫn nhau; phát triển bọn chỉ điểm, mật vụ để dò la và phát hiện mọi cuộc tấn công của ta. Chúng xúc tiến âm mưu dồn dân lập "*ấp chiến lược*" theo kiểu "*hai sông, ba núi*", tăng cường hoạt động gián điệp, biệt kích sâu vào vùng giải phóng và căn cứ của ta, ném bom xuống vùng căn cứ, đốt phá hoa màu, phá hoại kinh tế...

Địch tăng cường càn quét quy mô lớn, kết hợp đánh phá bằng máy bay, pháo binh. Khi phát hiện lực lượng ta, chúng dùng trực thăng chở quân đổ bộ để nhanh chóng tiêu diệt. Với lực lượng đông, phương tiện hiện đại, chúng hy vọng trong một thời gian ngắn, sẽ ổn định tình hình và chiếm lại những vùng đã bị mất.

Trước tình hình đó, huyện đội Trà Bồng mở đợt học tập chính trị nêu rõ quyết tâm đánh "*trục thăng vận*". Cán bộ, chiến sĩ và du kích xã đều trong tư thế sẵn sàng đánh địch càn quét bằng máy bay lên thẳng.

Ngày 6 tháng 3 năm 1962, địch đổ quân xuống đồi phía Nam núi Răng Cưa, nhằm càn quét vào khu sơ tán nhân dân của xã Trà Hiệp. Lực lượng của ta lúc này chỉ có 2 chiến sĩ du kích xã. Vũ khí trang bị chỉ có 2 khẩu súng trường và 1 quả lựu đạn. Trước tình hình nguy cấp đó, vì sự an nguy của nhân dân, 2 chiến sĩ du kích là đồng chí Út và đồng chí Ấy quyết định dù có hy sinh cũng phải đánh. Từ

bãi đổ bộ vào đến chân núi Răng Cưa khoảng 1,2 ki-lô-mét, phía trước có một ngọn núi chắn, địch chỉ có thể đi theo 2 con đường ở hai bên sườn Đông và Tây mới vào được. Lợi dụng địa hình hiểm trở, đồng chí Út chặn địch ở đường phía Đông, đồng chí Ấy chặn địch ở đường phía Tây. Khi địch tiến vào, đồng chí Ấy đã ném lựu đạn vào đội hình nguy hiểm làm chết tại chỗ 3 tên, 2 tên khác bị thương. Địch bắn trả quyết liệt và đồng chí Ấy đã hy sinh. Ở hướng Đông, khi địch vào đúng điểm phục kích, đồng chí Út giật bẫy đá làm địch bị thương vong, tản ra nấp quanh bờ suối. Lúc này lực lượng du kích xã ở núi Răng Cưa nghe súng nổ đã ra ứng cứu. Không thể thực hiện ý đồ tiến quân được nữa, địch tổ chức lui quân và gọi máy bay đến bốc đi.

Ngày 16 tháng 3 năm 1962, địch lại đổ quân bằng trực thăng xuống đầu nguồn Nước Biếc khoảng hơn một đại đội lính. Đồng chí Hồ Chí Mân cùng 1 tổ chiến sĩ đang khảo sát nắm tình hình tại Trà Thọ, Trà Trung, phát hiện địch đổ quân, quyết định nổ súng tấn công. Trận đánh diễn ra quyết liệt, chớp nhoáng làm cho địch không kịp trở tay, kết quả ta tiêu diệt 42 tên địch, làm bị thương 10 tên, thu 39 súng. Địch còn lại phải rút bằng máy bay trực thăng.

Cùng với những trận đánh "*trực thăng vận*" theo chỉ đạo của trên, phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh và quân khu, quân dân Trà Bồng đã tấn công vào quận lỵ, tiêu diệt một số tên. Tháng 4 năm 1962, quân dân Trà Bồng lại phối hợp với lực lượng của trên tấn công địch từ cầu Bà Lãnh đến quận lỵ Trà Bồng, diệt hàng chục ác ôn và lính nguy.

Tiêu biểu cho đợt tấn công địch thời gian này là trận phục kích địch tại Vĩnh Tuy (giáp ranh giữa Tịnh Hiệp - Sơn Tịnh và Trà Bình - Trà Bồng) vào cuối tháng 4 năm

1962. Dịch tổ chức càn quét gồm 1 đại đội lính bảo an đi từ hướng Sơn Tịnh lên. Đơn vị 339 do Đại đội trưởng Hồ Văn Pháp, Chính trị viên Thái Ngọc Hiến chỉ huy và 1 trung đội do đồng chí Hồ Lâm Sơn dẫn đầu bố trí phục kích đánh địch. Quân ta được trang bị súng bộ binh, 3 khẩu trung liên, 1 khẩu cối 60mm và lựu đạn. Đúng 8 giờ địch lọt vào đội hình phục kích của ta, chúng liền bị ta nổ súng tiêu diệt gọn. Trận này ta tiêu diệt 60 tên địch, thu 42 khẩu súng các loại.

Để đánh phá hậu cứ ta, tháng 9 năm 1962 địch dùng chiến thuật "trục thẳng vận" đổ quân xuống Nà Niêu với ý định mở một cuộc càn quét quy mô lớn vào vùng giải phóng. Nếu chiếm được Nà Niêu, quân địch sẽ dựa vào bàn đạp này để mở rộng vùng chiếm đóng. Dựa vào các nguồn tin tình báo và nhân dân cung cấp ta đã nắm chắc âm mưu của địch. Ban chỉ huy huyện đội Trà Bồng xây dựng kế hoạch chiến đấu phục kích, quyết đánh tan cuộc đổ bộ bằng máy bay lên thẳng của địch.

Nà Niêu là thung lũng thuộc địa bàn xã Trà Phong, được bộ đội và nhân dân khai phá thành ruộng vườn và rộng tới 4 ki-lô-mét vuông. Nà Niêu có địa thế khá trống trải, rất thuận tiện cho việc đổ quân bằng máy bay lên thẳng. Vì vậy, địch đã chọn Nà Niêu làm nơi đổ quân để đánh vào căn cứ giải phóng của ta. Để bảo đảm đánh thắng địch, ta đã xây dựng một hệ thống công sự bao quanh khu vực dự kiến địch đổ quân và tổ chức sẵn lực lượng chờ địch.

Trong quá trình đón đánh địch, do yêu cầu nhiệm vụ, Ban chỉ huy huyện đội cùng phần lớn đơn vị 339 được trên điều làm nhiệm vụ khác. Tại trận địa phục kích, giao cho đồng chí Hồ Chí Mân trực tiếp chỉ huy một lực lượng

khoảng hơn một trung đội, hỏa lực hạn chế, nhưng tinh thần chiến đấu rất cao.

Sáng ngày 7 tháng 9 năm 1962, địch cho một đoàn máy bay lên thẳng gồm 24 chiếc, có 2 chiếc khu trục yểm hộ để đổ quân xuống Nà Niêu. Sau đợt hỏa lực dọn bãi, máy bay địch bắt đầu thả thang dây xuống để thực hành đổ quân. Chờ cho tên lính đầu tiên vừa đặt chân xuống đất, thì các loạt súng của ta bắt đầu bắn mãnh liệt vào đội hình máy bay lên thẳng. Bị đánh bất ngờ từ 4 phía, tất cả máy bay địch đều hốt hoảng vọt lên cao. Nhưng không kịp, máy chiếc đã bị trúng đạn, 2 chiếc rơi ngay tại chỗ. Số quân địch vừa ra khỏi máy bay đã bị đạn của ta ghìm đầu xuống đất. Quân địch lại điều động máy bay đến oanh tạc và cho 2 máy bay lên thẳng tiếp tục đổ quân, hòng phối hợp với bọn dưới đất đánh chiếm đầu cầu. Cả 2 máy bay này vừa mới thả thang dây đã bị ta bắn rớt, làm một chiếc bị trúng đạn, rơi xuống đất. Quân ta chuyển sang đánh bộ binh địch đang mắc kẹt dưới cánh đồng. Cho đến 13 giờ quân địch vẫn không triển khai được đội hình nên gọi máy bay lên thẳng đến cứu vớt. Nhưng lần này lại thêm 2 chiếc máy bay khác trúng đạn. Trận đổ bộ của địch xuống Nà Niêu đã bị quân ta đánh tan. Ta bắn rơi 12 máy bay lên thẳng, tiêu diệt và làm bị thương 70 tên, đánh đuổi địch ra khỏi hành lang căn cứ của ta, bảo vệ được cơ quan lãnh đạo của Khu V¹.

Trận phục kích máy bay lên thẳng tại Nà Niêu tháng 3 năm 1962, được đánh giá là một điển hình về chiến thuật phục kích địch đổ bộ đường không của Quảng Ngãi và Khu V.

1. Theo "Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng (1945-2010)", Sđd, tr. 109.

Chiến thắng Nà Niêu là cơ sở giúp huyện ủy giải quyết tư tưởng ngại ác liệt, sợ hy sinh của một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân, củng cố niềm tin vào đường lối và sức mạnh chiến tranh nhân dân do Đảng ta phát động và lãnh đạo. Đảng bộ đã huy động hàng chục vạn ngày công tham gia xây dựng đường hành lang Đông Trường Sơn, xưởng quân giới, bệnh xá, trường học cùng một số công trình của Khu, tỉnh và của huyện phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu hỏi 12: Cho biết nguyên nhân thành công, bài học kinh nghiệm và ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi?

Trả lời:

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được ghi vào lịch sử là một trong những cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên của đồng bào các dân tộc ở vùng căn cứ miền núi dọc Trường Sơn, như một đốm lửa nhỏ đã bùng cháy lên và loang ra rộng khắp cả núi rừng Tây Nguyên.

Các cuộc nổi dậy ở vùng căn cứ miền núi thuộc miền Nam Trung Bộ, cùng với những cuộc nổi dậy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, và toàn bộ phong trào cách mạng miền Nam đã góp phần tạo nên bước ngoặt lịch sử đầu tiên hết sức quan trọng của cách mạng miền Nam: thời kỳ đồng khởi lật đổ bộ máy cai trị ở cơ sở của chế độ Mỹ - Diệm ở nông thôn miền Nam Việt Nam. Đó là một thời kỳ quan trọng trong lịch sử của cách mạng miền Nam, thời kỳ suy yếu và tan rã đến tận gốc của chế độ Sài Gòn, thời kỳ bao tấp cách mạng đã dâng lên. Đồng chí Lê Duẩn đã viết:

"Cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa; bộ máy ngục quyền ở cơ sở, từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đông đảo nông dân thì sôi sục cách mạng, đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là những điều kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nhân dân nông thôn khởi nghĩa từng phần đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch"¹.

Trong những cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra từ cuối năm 1959, không thể không nhắc đến các cuộc khởi nghĩa ở vùng căn cứ miền núi dọc Trường Sơn, trong đó cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là tiêu biểu; cũng như trong những cuộc khởi nghĩa từng phần ở đồng bằng vào đầu năm 1960, cuộc khởi nghĩa Bến Tre là điển hình. Trà Bồng và Bến Tre đã cắm những cái mốc lớn đánh dấu một chặng đường gian khổ nhưng đầy quang vinh của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có những nét đặc biệt về quy mô và nội dung cũng như về thành quả đạt được.

Về quy mô, đó là cuộc nổi dậy của cả bốn huyện bao gồm bốn dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh ở miền Tây Quảng Ngãi. Từ vùng cao Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa đã nhanh

1. Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 51.

chóng lan ra khắp các vùng cao các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, rồi bao trùm cả các vùng thấp các huyện đó và đạt tới quy mô của một cuộc khởi nghĩa khá rộng lớn, với nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú, diễn ra trên những mức độ khác nhau, với sự tham gia của gần 80.000 đồng bào trên một địa bàn chiến lược bao gồm gần 5.000 ki-lô-mét vuông.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có sự lãnh đạo chặt chẽ và trải qua một quá trình chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, được chuẩn bị và tiến hành dưới ánh sáng của Nghị quyết 15 và văn kiện "*Bàn về cách mạng miền Nam*". Quan điểm dùng bạo lực cách mạng của quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù và phải tiến lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân được quán triệt sâu sắc trong cán bộ và nhân dân. Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi cũng nhận được những chỉ thị cùng những dự kiến sáng suốt của cấp trên. Về phần mình, tỉnh cũng đã có một kế hoạch chuẩn bị toàn diện, từng bước tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra và thắng lợi đúng như dự kiến.

Từ những điều trên cho thấy cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc *khởi nghĩa từng phần* với tính chất quần chúng rộng rãi và có quy mô khá lớn, đã nổ ra và thắng lợi trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cùng với các cuộc khởi nghĩa khác nổ ra trước và vào đầu năm 1960, đã ghi lại trên chặng đường lịch sử của cách mạng miền Nam một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là ngọn sóng cả trong đợt sóng khởi nghĩa ở vùng căn cứ miền núi, trong

đó nhân dân vừa đập tan ngụy quyền của địch, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng trong thôn xã, vừa đánh bại cuộc phản kích điên cuồng của Mỹ - Diệm, vừa củng cố căn cứ địa và vùng giải phóng rộng lớn, tiến hành chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích với những nét độc đáo của núi rừng.

Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu và nguyên nhân thành công của cuộc khởi nghĩa như sau:

Một là, ngay cả trong lúc cách mạng gặp khó khăn, tình hình còn đen tối, phải giữ vững lập trường đấu tranh giai cấp, kiên trì quan điểm cách mạng bạo lực, luôn luôn dùng sức mạnh của quần chúng để chống lại quân thù tàn bạo, tiến tới lật đổ ách thống trị của chúng, giành chính quyền về tay nhân dân.

Từ sau năm 1954, nước nhà tạm thời chia làm hai miền, một nửa nước ta còn ở dưới sự thống trị của Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam sau chiến thắng vĩ đại của cả nước, đã đứng trước một bước ngoặt lịch sử. Trước sự phản kích ác liệt của thế lực phản động đang cầm quyền, cách mạng miền Nam phải trải qua một giai đoạn cực kỳ phức tạp khó khăn. Lúc bấy giờ cách mạng đang chuyển hướng từ đấu tranh vũ trang qua đấu tranh chính trị cho nên vừa phải đấu tranh để bảo vệ pháp lý của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, vừa phải chống lại những âm mưu, thủ đoạn vô cùng xảo quyệt thâm độc và hết sức tàn bạo của kẻ thù. Chính trong giai đoạn lịch sử đó, việc nhận rõ tình hình, giữ vững lập trường đấu tranh giai cấp là một điều hết sức quan trọng có tính chất sống còn của cách mạng. Dù tình thế có biến chuyển như thế nào đi nữa thì *cuộc đấu tranh đó vẫn là cuộc đấu*

tranh giai cấp hết sức gay go và quyết liệt. Kẻ thù Mỹ-Diệm đã dùng tất cả bạo lực phản cách mạng để chống lại nhân dân ta thì không có cách nào khác là phải dựa vào quần chúng, dùng bạo lực của quần chúng để chống lại chúng. Qua bao nhiêu năm đấu tranh, "Đảng ta đã xác định con đường cách mạng bạo lực là con đường duy nhất đúng đắn để đánh đổ kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng, đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi"¹.

Nhờ thấm nhuần quan điểm bạo lực cách mạng, đứng vững trên lập trường đấu tranh giai cấp mà chúng ta có thể nhận thức rõ xu thế cách mạng của thời đại, xu thế cách mạng của cả nước. Tuy lúc bấy giờ, sau khi bộ đội và cán bộ tập kết ra Bắc, ở miền Nam dưới thời thống trị và đánh phá dã man của Mỹ - Diệm, cách mạng miền Nam nói chung phải tạm thời ở vào thời kỳ bảo tồn và tích lũy lực lượng trong khi cách mạng trong cả nước và phong trào cách mạng toàn thế giới vẫn đang ở thế chiến lược tiến công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc. Cách mạng miền Nam cùng với toàn quốc vừa trải qua 9 năm kháng chiến đã thu được những thắng lợi to lớn; kẻ thù đế quốc (thực dân Pháp và can thiệp Mỹ) cùng bọn tay sai vừa phải chịu những thất bại nặng nề. Ngay trong thời kỳ Mỹ - Diệm tiến công ác liệt cách mạng miền Nam gây cho nhân dân ta, nhất là ở thành thị và nông thôn đồng bằng nhiều tổn thất, nhưng có nơi có chỗ, nhất là ở vùng căn cứ miền núi dọc Trường Sơn và Tây Nguyên, cách mạng lại phát triển thêm những bước mới.

1. Trường Chinh, *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi con đường của Các Mác đã vạch ra*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1968, tr. 49.

Tất cả những nhân tố đã đòi hỏi phải có nhận thức đúng đắn và đứng vững trên thế cách mạng tiến công mà ra sức phát huy khí thế chiến thắng của quần chúng, động viên, tập hợp, phát huy sức mạnh của quần chúng, từng bước tiến lên đập tan âm mưu, thủ đoạn của quân thù, giành chính quyền về tay nhân dân. Ngay từ sau năm 1954, chúng ta đã tiến hành đấu tranh chính trị buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, bằng cách vận dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Tuy nhiên, dù vận dụng hình thức đấu tranh nào đi nữa, điều cơ bản là phải dựa vào sức mạnh của quần chúng, dùng bạo lực của quần chúng để chống lại kẻ thù, không thể tiến hành đấu tranh hoà bình hợp pháp đơn thuần, trước kẻ thù đang dìm phong trào cách mạng trong bể máu. Quảng Ngãi vừa phát huy khí thế chiến thắng của nhân dân để tiến hành đấu tranh chính trị, vừa duy trì các hình thức đấu tranh có tính chất vũ trang tự vệ quyết liệt để giữ vững phong trào, nhất là ở miền Tây, là việc làm cần thiết và đúng đắn. Và cũng chỉ có như thế mới bảo tồn và phát triển được lực lượng của cách mạng, mới tránh được những tổn thất nặng nề. Mặc dù từ sau năm 1954 ở miền Nam ta không còn chính quyền, không còn lực lượng vũ trang, nhưng nếu nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, ta có thể phát động quần chúng phát huy sức mạnh chính trị và khả năng tự vệ của mình để chống lại các thủ đoạn tàn bạo của kẻ địch một cách có hiệu quả, tiến lên xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang từng bước chiến thắng kẻ thù.

Sau năm 1954, Mỹ - Diệm đã thiết lập từ thôn xã lên đến Trung ương, một bộ máy chính quyền cực kỳ phản động

thắng tay đàn áp nhân dân. Chính quyền cơ sở là chỗ dựa chủ yếu của chúng để tiến hành sự thống trị. Ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, ta đã nhận thấy ngay từ đầu bản chất và sự tàn bạo của ngụy quyền, cho nên đi đôi với việc chống lại các chiến dịch "tố Cộng", chúng ta kiên quyết từng bước chống lại việc thiết lập ngụy quyền trong thôn xã. Từ chỗ trì hoãn không cho địch thành lập đến chỗ buộc địch phải để cho nhân dân cử người của mình ra làm trong ngụy quyền, thực hiện chính quyền hai mặt, rồi tiến lên khống chế hoặc xoá bỏ chính quyền địch, chúng ta đã phá tan âm mưu xây dựng cơ sở chính trị và cơ sở quần chúng trong thôn xã của địch, đảm bảo tính thuần khiết trong nội bộ nhân dân ở những vùng căn cứ. Nhờ nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, thực hiện chuyên chính của nhân dân, ta đã đặt ra rất kịp thời việc thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Trước khởi nghĩa, các tổ chức tự quản đã ra đời trong thôn xã. Sau khởi nghĩa 5 ngày, Ủy ban nhân dân cách mạng xã đầu tiên ra đời. Các toà án nhân dân được tổ chức để xét xử bọn ác ôn. Chính nhờ vậy mà chúng ta đã đưa khí thế của quần chúng lên đến đỉnh cao, hoàn toàn triệt hạ ảnh hưởng của ngụy quyền dưới bất cứ hình thức nào, xây dựng và củng cố căn cứ địa và vùng giải phóng vững chắc.

Nhận rõ tính chất bạo lực phản cách mạng tàn bạo của các đợt "tố Cộng" và "diệt Cộng" của chính quyền độc tài phát xít Mỹ - Diệm, chúng ta đã sử dụng lực lượng đấu tranh và vận dụng các hình thức đấu tranh một cách đúng đắn.

Bạo lực có thể thể hiện và thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, dựa vào lực lượng khác nhau. Phổ biến có hai hình thức: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang,

và hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Ngay trong thời kỳ đấu tranh chính trị, ta đã duy trì khí thế đấu tranh và chiến thắng của quần chúng đã có từ kháng chiến chống Pháp; phát huy sức mạnh bạo lực của quần chúng chống lại quân thù ngay từ khi chúng mới đến tiếp quản và ngay trong đợt đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước cũng như phản đối và chống lại các trò hề bịp bợm "trưng cầu dân ý" và "bầu cử tổng thống"... Trước tình hình bọn ác ôn bị đánh đổ từ trong kháng chiến ngóc đầu dậy phản kích lại nhân dân, việc duy trì các hình thức tự vệ dưới một mức độ nhất định là cần thiết để hỗ trợ cho nhân dân trong đấu tranh chính trị và phát triển lực lượng chính trị của mình. Ở miền núi, trong một bối cảnh lịch sử nhất định, việc sớm phát huy các tập quán tự vệ của nhân dân làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị là một đòi hỏi phù hợp với thực tế khách quan, phù hợp với nguyện vọng, tập quán và truyền thống của đồng bào các dân tộc. Trong việc dùng bạo lực cách mạng của quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù, lãnh đạo đã nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như tiến hành một cách đúng mức và kiên quyết việc khống chế và diệt ác ôn, nhất là trong thôn xã. Đó là thế lực chủ yếu của địch ở cơ sở để kìm kẹp phong trào. Có khống chế và diệt ác ôn thì mới chặt hết tay chân của địch và nhất là mới phát huy được khí thế của quần chúng. Có khống chế và diệt được ác ôn thì đồn bốt của địch cũng như quân càn quét của địch mới không phát huy được tác dụng. Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không lúc nào xem nhẹ vấn đề khống chế và diệt ác ôn. Đó là một trong những yếu tố để phát huy khí thế đấu tranh của quần chúng nhân dân, đánh vào chỗ dựa ở cơ sở của địch.

Tiến hành đấu tranh cách mạng đến một lúc nào đó thì phải tổ chức lực lượng vũ trang của nhân dân để có thể kịp thời phát động đấu tranh vũ trang và tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Tình hình phong trào ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi lúc bấy giờ đã phát triển theo quy luật tất yếu đó. Cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền núi chống lại việc "tố Cộng" và thiết lập nguy quyền thôn xã, chống lại việc càn quét, khủng bố rất quyết liệt. Lực lượng chính trị của quần chúng được tập hợp và sử dụng đến mức cao nhất, nhưng rõ ràng là chưa đủ để đối phó lại với cuộc chiến tranh đơn phương của địch. Chúng ta đã sớm nâng các tập quán tự vệ cổ truyền của đồng bào các dân tộc lên thành một hình thức đấu tranh chủ động chống lại địch, khéo léo kết hợp giữa đấu tranh chính trị và vũ trang tự vệ, phát huy đầy đủ khả năng cách mạng và sức mạnh của đồng bào các dân tộc. Từ đó để tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, chúng ta vừa ra sức phát triển củng cố lực lượng chính trị, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, vừa hình thành và phát triển các lực lượng vũ trang cũng như lực lượng tự vệ của nhân dân. Trong khởi nghĩa và sau khởi nghĩa, việc kết hợp giữa hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang từng bước đã được thực hiện. Chính nhờ vậy đã huy động đến mức cao nhất lực lượng của quần chúng và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - nguy.

Trong bối cảnh lịch sử rất phức tạp từ sau năm 1954 ở miền Nam Việt Nam, việc kiên trì và vận dụng quan điểm bạo lực cách mạng là một vấn đề khá phức tạp khó khăn. Nhưng điều căn bản là phải giữ vững lập trường đấu tranh giai cấp, nhận rõ bản chất tàn bạo của kẻ thù, kiên quyết

chống lại, tiến lên lật đổ chúng. Mặt khác, từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chúng ta cũng thấy rõ là phải kiên trì trong một cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt để chống lại các khuynh hướng lệch lạc, thường vịn vào những lý do khách quan như sự ràng buộc và pháp lý của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, di chệch con đường đấu tranh bằng bạo lực hoặc nôn nóng thiếu cơ sở khoa học. Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, việc vận dụng các hình thức đấu tranh cũng phải trải qua một cuộc đấu tranh về nhận thức và hành động.

Hai là, hết lòng tin tưởng ở quần chúng nhân dân các dân tộc; nghiêm chỉnh chấp hành chính sách dân tộc của cách mạng; ra sức tăng cường và củng cố sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ các dân tộc và giữa các dân tộc; triệt để phát huy khả năng cách mạng của đồng bào dân tộc, khẩn trương và tích cực đào tạo một đội ngũ cán bộ người dân tộc đủ sức tự quản lý địa phương, đồng thời chú ý chăm lo đời sống của các dân tộc, tạo nên một chỗ dựa vững chắc cho cách mạng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là *thắng lợi của chính sách vận động cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc ít người*.

Nhân dân các dân tộc ở miền Tây Quảng Ngãi vốn có truyền thống cách mạng, đấu tranh bất khuất chống áp bức và chống ngoại xâm. Nhưng trước đây do chính sách cai trị của bọn đế quốc và phong kiến, cho nên cũng có một quá khứ rất nặng nề: sự kỳ thị, chia rẽ, xung đột trong nội bộ các dân tộc và giữa các dân tộc cùng với nhiều biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi... Mỹ - Diệm từ khi thiết lập chế độ độc tài phát xít càng ra sức thực hiện

chính sách chia để trị, lợi dụng dân tộc này để chống lại dân tộc khác, lợi dụng người dân tộc để chống lại cách mạng.

Ngay từ đầu, ban lãnh đạo Quảng Ngãi đã khẳng định khả năng và lòng trung thành của đồng bào đối với cách mạng, đối với Bác Hồ, mạnh dạn đặt vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền núi, làm chỗ dừng chân cho lãnh đạo, chỗ dựa cho phong trào. Do đó, đã thực hiện một cách nghiêm túc chính sách đối với vùng đồng bào các dân tộc ở miền núi và thu được nhiều thành tích đáng kể.

Trong đấu tranh cách mạng, vấn đề đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc đã là một nhân tố quan trọng vào bậc nhất thì trong điều kiện tiến hành vận động cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc ít người chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ, chủ nghĩa quốc gia giả hiệu của bọn tay sai, vấn đề đó lại càng trở thành một nhân tố sống còn.

Từ sau năm 1954, hầu hết các cán bộ đều thực hiện bám sát dân, kiên trì vận động giáo dục quần chúng, trước hết là để củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc và trong nội bộ các dân tộc, nhằm chia mũi nhọn vào kẻ thù chính là Mỹ - Diệm. Tuyên truyền cho nhân dân phân biệt rõ bạn và thù của cách mạng, thấm nhuần lời dạy *đoàn kết* của Bác Hồ, đồng thời bằng hành động thực tế mà giải quyết những hậu quả của việc kỳ thị dân tộc, đánh tan các âm mưu nham hiểm chia rẽ dân tộc của kẻ địch. Thành công của cách mạng là làm cho nhân dân thấy rõ được bản chất xấu xa của Mỹ - Diệm. Tất cả mọi thủ đoạn của chúng dù mị dân, quỷ quyệt đến đâu, cũng đều bị xem là "âm mưu và phải chống lại". Tất cả mọi việc làm của cách mạng là "công việc của mình dù có khó khăn đến mấy cũng phải đoàn kết lại

để làm". Trên cơ sở đó, không ngừng nâng cao lòng tin tuyệt đối của nhân dân đối với cách mạng, dần dần phát triển và củng cố Mặt trận đoàn kết dân tộc chống Mỹ - Diệm. Ta đã nắm vững đường lối giai cấp của cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc: "Dựa hẳn vào quần chúng lao động đông đảo, đoàn kết với tầng lớp trên, phân hoá, tranh thủ những người lớp trên làm cho địch và cô lập, đánh đổ những tên đầu sỏ tay sai có nợ máu với nhân dân", đồng thời phân tích rõ đặc điểm xã hội của đồng bào các dân tộc, tính chất của các tầng lớp nhân dân và nắm chắc yêu cầu tập trung mũi nhọn sắc bén vào kẻ thù Mỹ - Diệm. Ở miền Tây Quảng Ngãi, ta đã thành công trong việc phá tan âm mưu của Mỹ - Diệm cố khơi lại vụ phiến loạn Sơn Hà, kích động nhân dân chống lại phong trào, đưa bọn "xí xẻng" (bọn phiến loạn được vũ trang) trước đây về đánh phá cách mạng. Đồng thời ta đã đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, tiến công vào bộ máy ngụy quyền và tổ chức dân vệ trong thôn xã, làm tan rã đi đến làm tê liệt hẳn các công cụ kìm kẹp của địch.

Trong công tác vận động đồng bào các dân tộc, ta đã đặc biệt quan tâm tầng lớp thanh niên và giới phụ nữ, ra sức tổ chức bồi dưỡng, đào tạo họ thành lực lượng nòng cốt, thành cán bộ cốt cán của phong trào, đồng thời cũng quan tâm đúng mức đến việc tranh thủ những người lớn tuổi, những già làng yêu nước, những lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp ngày xưa đứng về phía cách mạng, gây một ảnh hưởng tốt trong đồng bào dân tộc. Chúng ta hạn chế đến mức thấp nhất số người làm cho địch, không cho chúng xây dựng cơ sở chính trị và cơ sở quần chúng, làm cho mặt trận nhân dân chống Mỹ - Diệm ngày càng được mở rộng không ngừng.

Song song với việc củng cố sự đoàn kết trong nội bộ các dân tộc ta đặc biệt quan tâm đến việc đoàn kết giữa các dân tộc, làm cho mỗi dân tộc tự tin vào khả năng của dân tộc mình, đồng thời thấy cần thiết phải có sự giúp đỡ các dân tộc khác, kiên quyết chống lại các tư tưởng lệch lạc như dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Do đó đã giải quyết được những sự bất đồng giữa người Cor, Hrê, Cà Dong với nhau. Trong những lúc địch đánh phá ác liệt bị đói cơm, lạt muối, bà con đã nhường cơm sẻ áo, nêu cao tinh thần phối hợp chiến đấu, hỗ trợ và học tập các kinh nghiệm tốt của nhau.

Ngoài ra, ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi còn nêu cao tinh thần đoàn kết Kinh - Thượng, hết sức cảnh giác với âm mưu của Mỹ - Diệm xúi giục người dân tộc chống lại người Kinh. Trong khi đề cao đúng mức vai trò, khả năng cách mạng của đồng bào các dân tộc ít người, lãnh đạo đã làm cho nhân dân và cán bộ người dân tộc thấy rõ vai trò của người Kinh trong cách mạng nói chung và trong phong trào cách mạng ở vùng miền núi, ở những vùng có đông người Kinh lên làm ăn sinh sống. Nhờ vậy đã giải quyết được những mâu thuẫn Kinh - Thượng còn tồn tại, đồng thời huy động được nhân dân người Kinh đóng góp vào công cuộc cách mạng ở miền núi. Nhờ am hiểu và quen hoạt động ở vùng dân tộc, họ đã tham gia tích cực vào việc nắm tình hình, làm công tác binh vận, địch vận, tiếp tế, mua bán, giúp đỡ mọi mặt cho đồng bào các dân tộc anh em.

Có thể nói, trong công tác vận động cách mạng ở miền núi, khi đã thực hiện được đoàn kết dân tộc, tranh thủ được lòng tin tưởng và tín nhiệm của đồng bào các dân tộc thì không một chủ trương nào đề ra mà không thực hiện được. Do vậy, đã tập hợp được đông đảo quần chúng trong công

cuộc chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, khi có thời cơ ta đã phát động được toàn dân tham gia khởi nghĩa, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích trong những điều kiện khó khăn, gian khổ nhất và cuối cùng đã thu được thắng lợi.

Từ thực tiễn đấu tranh, một đội ngũ cán bộ người dân tộc rất trẻ và hăng hái, nhiệt tình, trung thành vô hạn với cách mạng được hình thành và trở thành một động lực thúc đẩy tất cả dân tộc cùng tích cực tham gia mọi mặt công tác của cách mạng.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một điển hình sinh động về sự kết hợp giữa sự lãnh đạo sáng suốt của cấp trên và sự dũng cảm, thông minh, sáng tạo của cán bộ cơ sở mà tuyệt đại bộ phận là người dân tộc. Dựa vào đường lối, chủ trương, phương hướng của cấp trên đề ra họ đã nhận rõ tình hình, chớp lấy thời cơ phát động toàn dân khởi nghĩa. Đội ngũ cán bộ người dân tộc là cái cầu nối liền giữa cách mạng và đông đảo đồng bào các dân tộc, đem tư tưởng, đường lối và chủ trương của cách mạng tác động vào trái tim và khối óc của đồng bào làm chuyển động hàng vạn người cùng một lúc, tạo nên một sức mạnh diệu kỳ. Không có đội ngũ cán bộ người dân tộc vững chắc được cách mạng lãnh đạo thì không có khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, không có chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích tiếp theo đó.

Trong khi thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, ở đây đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề bình đẳng nam nữ. Các hủ tục khinh rẻ, áp bức phụ nữ, được xoá bỏ dần. Trong sản xuất, chiến đấu cũng như trong công tác cách mạng ở địa phương, người phụ nữ dân tộc đã có vị trí xứng đáng.

Đông đảo chị em phụ nữ người dân tộc được đào tạo thành cán bộ lãnh đạo ở các cấp và đã có tác dụng lớn.

Đây thực sự là một bài học kinh nghiệm quý báu thực hiện đoàn kết dân tộc, bình đẳng dân tộc, cách mạng đã không ngừng chăm lo đời sống cho các dân tộc. Vấn đề bồi dưỡng sức dân đã gắn liền với việc xây dựng tiềm lực kinh tế và quốc phòng của căn cứ địa cách mạng; mỗi một việc làm ở đây về kinh tế và văn hoá thường có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc tập hợp nhân dân để chống lại kẻ thù.

Ba là, phát huy triệt để tinh thần dựa vào sức mình là chính, ý thức tự lực tự cường, vượt khó khăn gian khổ, dám nghĩ dám làm, đồng thời nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ phối hợp hoạt động giữa các địa phương, trên cơ sở nắm vững đường lối, phương châm của cách mạng, chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của cấp trên.

Quá trình phát triển của phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi từ năm 1954 cho đến khi khởi nghĩa và đánh bại sự phản kích điên cuồng của Mỹ - Diệm, là sự kết hợp tài tình giữa sự lãnh đạo sáng suốt của cách mạng miền Nam và sức sáng tạo không ngừng của cán bộ và quần chúng nhân dân các dân tộc ở địa phương. Văn kiện lịch sử "*Bản về cách mạng miền Nam*" và những chỉ thị cụ thể của lãnh đạo cấp trên, đã trở thành ngọn đuốc soi đường cho cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi tiến lên. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, tinh thần dũng cảm và trí sáng tạo của cán bộ và nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã được phát huy lên đến cao độ và chuyển thành hành động cách mạng trực tiếp. Nhờ nắm vững đường lối, phương châm của cách mạng, chấp hành nghiêm

chính chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, cán bộ và nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã mạnh dạn dựa vào sức mình là chính, giải quyết nhiều vấn đề đặt ra trong địa phương mình để giành thắng lợi. Sự quật khởi mãnh liệt của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi thể hiện rõ nguyên lý: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhân dân không cam chịu làm nô lệ đã vùng lên để tự giải phóng. Dưới sự lãnh đạo của cách mạng, trong khi trực tiếp đấu tranh sống mái với quân thù, cán bộ và nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã sáng tạo ra nhiều hình thức và phương pháp đấu tranh. Ngay trong thời kỳ đấu tranh chính trị, họ đã vận dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú và có hiệu quả để phát huy hiệu lực của bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Trong thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, cán bộ và nhân dân đã không ngừng sáng tạo, phát huy truyền thống, tập quán, sở trường của dân tộc mình để dần dần chuyển hướng phong trào lên kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Đặc biệt là trong khởi nghĩa, giữa giờ phút quan trọng đó, theo đúng phương hướng của cấp trên đề ra, họ đã nhận rõ thời cơ, chớp lấy thời cơ cầm vũ khí đứng lên tiêu diệt quân thù, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Và ngay trong những năm tháng vô cùng gay go gian khổ chống khủng bố, càn quét, mặc dù chưa có ai có thể dự kiến hết mọi thử thách, gian lao, mọi khó khăn, phức tạp, nhưng cán bộ và nhân dân ở đây đã dũng mãnh tiến lên, đạp bằng mọi chông gai, trở ngại, tự giải quyết lấy mọi vấn đề và cuối cùng đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi luôn nêu cao tinh thần tự lực tự cường, không ngại hy sinh, không sợ ác liệt, với tinh thần yêu nước nồng nàn, căm thù giặc cao

độ, đã giải quyết tất cả mọi vấn đề, dần dần tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần, một ưu thế về lực lượng có thể đè bẹp quân thù. Sau khởi nghĩa, đứng trước sự phản kích mãnh liệt của kẻ địch, họ kiên quyết dựa vào sức mạnh của dân tộc, sức mạnh của núi rừng để đánh giặc lâu dài.

Nhìn lại cả một thời gian dài, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi phải đứng trước những thử thách ghê gớm của nạn đói, của bệnh dịch, của sự thiếu thốn về mọi mặt do kẻ địch gây ra. Nhưng được sự chỉ đạo giúp đỡ của cấp trên, của các tỉnh bạn và địa phương bạn, họ đã kiên quyết đem hết sức mình ra để khắc phục và cuối cùng đã chiến thắng.

Trong khi nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, tự lực tự cường, nhân dân và cán bộ Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi *luôn luôn tranh thủ sự hỗ trợ phối hợp hoạt động sự chi viện cần thiết của các địa phương bạn*. Nhận thức được sự phối hợp giữa các vùng trong tỉnh là rất cần thiết, nên ngay trong khi chống càn quét khủng bố ác liệt, họ đã phân chia một phần lực lượng đi tham gia mở phong trào ở vùng giáp ranh và đồng bằng. Sự nổi dậy của nhân dân ở các vùng đó đã làm phân tán lực lượng địch, thu hút các đơn vị chủ lực của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho miền núi chống càn quét thắng lợi.

Đây là một vấn đề rất quan trọng không những có ý nghĩa về mặt quân sự mà còn có tác động rất lớn về mặt chính trị. Nó thể hiện vấn đề đoàn kết giữa các địa phương, đoàn kết giữa các dân tộc.

Trên tinh thần đó, nhân dân Quảng Ngãi đã đánh giá rất cao sự giúp đỡ về vật chất cũng như về tinh thần của các tỉnh bạn trong thời kỳ trước, trong và sau khởi nghĩa. Tiếng súng khởi nghĩa ở làng Mò O, làng Mực, ở Tà Lốc, Tà

Léc, ở Tờ Lô, Bác Ái, ở đồng bằng sông Cửu Long, cũng như ở Tây Nguyên, đã cổ vũ rất nhiều cho nhân dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi. Lúc bấy giờ, do nhận thức là nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi chỉ có thể thắng lợi trong cuộc nổi dậy chung và cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp trên toàn miền Nam, nên Quảng Ngãi đã đóng góp hết sức mình vào việc xây dựng lực lượng để chi viện phong trào ở các tỉnh bạn. Trong lúc phải đương đầu với kẻ thù tàn bạo đang tập trung sức bao vây để tiêu diệt phong trào ở miền núi, Quảng Ngãi đã điều một phần lực lượng vũ trang đi chi viện cho các tỉnh bạn ở miền Trung và Nam Trung Bộ. Vào cuối năm 1960, khi tiếng súng tiến công và tiếng reo hò nổi dậy đã vang động khắp các tỉnh Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ở miền Trung và Nam Trung Bộ, cũng chính là lúc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có đầy đủ điều kiện để giáng cho địch nhiều đòn đau và phát động nhân dân nổi dậy, một lần nữa làm thất bại về căn bản âm mưu càn quét của địch.

Trong chiến tranh cách mạng, nhất là trong khởi nghĩa từng phần và trong chiến tranh du kích cục bộ, vấn đề tranh thủ sự tương trợ, giúp đỡ, phối hợp hoạt động giữa các vùng, các địa phương là một yếu tố rất quan trọng để giành thắng lợi. Hay nói một cách khác, trong khi tiến hành khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ phải bằng tất cả mọi cố gắng góp phần biến cuộc khởi nghĩa từng phần thành một cuộc đồng khởi rộng khắp, biến cuộc chiến tranh du kích cục bộ thành một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện thì mới có thể giành được thắng lợi.

Trong hoàn cảnh chiến đấu khó khăn và ác liệt lúc bấy giờ, một mặt Quảng Ngãi nêu cao tinh thần tự lực tự cường,

dựa vào sức lực của nhân dân để vượt khó khăn, một mặt khác đã tích cực tranh thủ sự chỉ đạo của cấp trên và tổ chức phối hợp hoạt động giữa các vùng, các tỉnh.

Bốn là, giữ vững thế cách mạng tiến công, tích cực chuẩn bị, chủ động trong mọi tình huống, nhận rõ thời cơ, chớp thời cơ, kịp thời lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, liên tục đánh địch để giành thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ rõ ràng là ta đã *giữ vững và phát huy đến cao độ thế cách mạng tiến công*. Lúc bấy giờ tuy chưa nhận thức được đầy đủ như ngày nay nhưng đứng trước một kẻ địch đang đánh phá cách mạng điên cuồng, tàn bạo, với những đặc điểm và điều kiện thuận lợi của núi rừng, ban lãnh đạo ở miền Trung và Nam Trung Bộ, ở Quảng Ngãi đã nhận thấy là muốn xây dựng và phát triển được phong trào, mặc dù hoàn cảnh khó khăn đến thế nào, cũng phải giữ vững thế cách mạng tiến công. Địch ở đây có nhiều sơ hở. Chúng không thể tạo nên lực lượng chính trị và không có cơ sở quần chúng, lại bị thất bại trong các âm mưu thâm độc. Còn lực lượng cách mạng thì phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Tuyệt đại bộ phận nhân dân đều trung thành với cách mạng và liên tục tiến công vào kẻ thù, làm thất bại các chiến dịch "tố Cộng" và âm mưu thiết lập nguy quyền cơ sở. Nói chung là địch ở trong thế thủ, bị động, còn ta thì ở trong thế chủ động tiến công. Nhờ nhận thức như vậy mà trong suốt cả thời kỳ đấu tranh chính trị và thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, ta đã phát huy các thuận lợi cơ bản của mình và khoét sâu các nhược điểm cơ bản của địch, chuẩn bị sẵn sàng để khi có thời cơ là tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở miền Nam, khi hoà bình lập lại, ta tạm thời chuyển vào thế thủ; tuy vậy, riêng ở miền núi thì phong trào không chuyển vào thế thủ mà vẫn phát triển thế tiến công địch liên tục. Nhìn toàn bộ chiến trường miền núi Khu 5 cũ, ta đang ở trong thế tiến công, địch ở trong thế bị động phòng ngự, biểu hiện ra trên các mặt sau đây:

Thứ nhất, nói chung trong một thời gian dài, địch không lập được chính quyền xã thôn, sau đó ta để cho chúng lập, cho nên chính quyền của chúng ở xã thôn chỉ có trên hình thức vì nhân dân đã đưa người ra làm, bộ máy cai trị cơ sở do ta nắm, địch không làm gì được. Mặc dù vậy vẫn còn trên 100 xã địch không lập được chính quyền.

Thứ hai, là những âm mưu càn quét, đánh phá, bắt bớ, "tố Cộng", của địch tiến hành không có kết quả, đã bị quân chúng đánh bại. Địch phải cố thủ trong các quận lỵ, đi ra cách một, hai ki-lô-mét phải kéo hàng đại đội, tiểu đoàn.

Thứ ba, phong trào cách mạng phát triển và mở rộng ra, phong trào đấu tranh của quần chúng luôn luôn tiến công địch về nhiều mặt.

Do đó, có thể kết luận *phong trào miền núi luôn luôn ở thế chủ động tiến công địch về mặt chiến lược*, vì miền núi là một vùng chiến lược lớn, chính cũng nhờ phát triển thế tiến công nên phong trào phát triển rộng rãi và mạnh mẽ.

Trên cơ sở nhận thức đó và rút kinh nghiệm của quá trình chuẩn bị trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám và khởi nghĩa Ba Tơ, ban lãnh đạo đã nhận thấy sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc tuy phải lâu dài và gian khổ, nhưng có thể bằng hình thức khởi nghĩa mà giành thắng lợi. Trên bước đường tiến tới tổng khởi nghĩa, do sự phát triển của phong trào ở các địa phương không đồng đều, do

sự khủng hoảng của chế độ Mỹ - Diệm, nhất là ở cơ sở, nơi này, nơi khác diễn ra có chỗ khác nhau, cho nên có thể nổ ra những cuộc khởi nghĩa ở những địa phương nào có những điều kiện chủ quan và khách quan nhất định.

Từ phương hướng đó, ta đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Chúng ta đã ra sức củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt, tạo nên một ưu thế có tính chất quyết định ở miền núi. Điều quan trọng hơn cả là tập hợp được tuyệt đại bộ phận nhân dân các dân tộc trong một mặt trận vững chắc dưới sự lãnh đạo của cách mạng, đồng thời đã làm mọi việc có thể để phân hoá và cô lập kẻ thù đến cao độ, làm mất hiệu lực đi đến chỗ làm tê liệt bộ máy ngụy quyền ở cơ sở, tạo ra những yếu tố chủ quan và khách quan cần thiết đến khi có thời cơ là có thể khởi nghĩa thắng lợi.

Do phát huy được thế cách mạng tiến công và sự chuẩn bị đầy đủ, toàn diện cho một cuộc vùng dậy, ta đã dự kiến khá chính xác về phương hướng và các tình huống nổ ra cuộc khởi nghĩa. Sau khi có Nghị quyết 15, ta lại nhận định là có thể nổi dậy ở cả vùng thấp và quận lỵ Trà Bồng. Ta giữ được chủ động ở miền Tây Quảng Ngãi và nhất là ở Trà Bồng đến mức có thể đặt ra các tình huống khi cần thiết thì phát động nhân dân nổi dậy, khi chưa cần thiết thì tiếp tục duy trì, củng cố, tranh thủ thời gian chuẩn bị cho đầy đủ hơn.

Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, ta đã có kinh nghiệm lúc nào thì có thể lãnh đạo nhân dân nổi dậy. Đó là:

"Vào lúc:

1. Hàng ngũ quân thù chia rẽ, hoang mang đến cực điểm;

2. Các đoàn thể cứu quốc và các chiến sĩ cách mạng đã quyết tâm nổi dậy giết giặc;

3. Đông đảo quần chúng nhân dân đã nhiệt liệt tán thành khởi nghĩa, đã quyết tâm giúp đội tiên phong"¹.

Ở Trà Bồng vào ngày 28 tháng 8 năm 1959 đã có đầy đủ ba điều kiện tương tự. Lúc bấy giờ khi ngụy quyền phải cho quân phân tán vào tận các thôn xóm bắt nhân dân đi bỏ phiếu chính là lúc chúng bộc lộ sự bất lực của chúng hơn bao giờ hết (chúng không kiểm soát được thôn xã). Tất cả những người làm trong ngụy quyền bỏ việc hay đứng về phía nhân dân hoặc chống lại hành động khủng bố phát xít của chúng đã làm cho quân thù ở vào một thế cô lập, yếu ớt. Lúc này các tổ chức chính trị và vũ trang của quần chúng cách mạng cũng như tất cả các tổ chức lãnh đạo đã sẵn sàng đứng lên cầm vũ khí sống mái với quân thù, còn tất cả các tầng lớp nhân dân thì kiên quyết làm theo lời kêu gọi của cách mạng, hăng hái nổi dậy. Tất cả những yếu tố đó làm cho cách mạng có một ưu thế tuyệt đối khiến cho cuộc khởi nghĩa nổ ra và nhanh chóng thu được thắng lợi từ vùng cao đến vùng thấp và cả ở quận lỵ.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cho thấy rõ sự dũng cảm tuyệt vời của quần chúng, của cán bộ lãnh đạo địa phương. Trong một thời điểm hết sức quan trọng như vậy họ không một phút ngần ngại lựa chọn con đường vũ trang khởi nghĩa, phát động quần chúng nổi dậy, đồng thời phát triển cuộc khởi nghĩa ra khắp núi rừng miền Tây Quảng Ngãi, họ chủ động và liên tục phát triển thế

1. Văn kiện Đảng (từ 25-1-1939 đến 2-9-1945), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 432.

tiến công, đấu tranh quyết liệt với khuynh hướng do dự, dừng lại, thậm chí muốn quay lại tình trạng cũ.

Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, đứng trước tình hình địch sắp tiến hành cuộc phản kích to lớn nhằm dập tắt ngọn lửa quật khởi ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, lãnh đạo ở đây, trên cơ sở những thắng lợi giành được đã chủ động, kịp thời phát động cuộc chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích với tất cả ý chí, sức lực, sở trường của quần chúng, sẵn sàng chấp nhận một cuộc đọ sức mới với kẻ thù mặc dầu cũng thấy trước cuộc thử thách ấy sẽ quyết liệt, khó khăn, gian khổ, phức tạp nhưng nhất định thắng lợi.

Chính nhờ có tinh thần chủ động tiến công, tranh thủ thời cơ mà trong mấy năm chống địch càn quét, khủng bố, ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, ta luôn luôn giành thế chủ động, liên tục phát động quần chúng kết hợp nổi dậy với tiến công, đánh bại hoàn toàn âm mưu chiếm lại vùng căn cứ của địch.

Năm là, không ngừng ra sức xây dựng và phát triển lực lượng ta, từng bước xây dựng, phát triển và củng cố căn cứ địa và vùng giải phóng một cách toàn diện từ không đến có, từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ chia cắt đến liên hoàn, làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp cách mạng.

Đứng trước sự đánh phá ác liệt của Mỹ - Diệm, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã tìm mọi cách để bảo toàn lực lượng được xây dựng từ trong kháng chiến chống Pháp, đồng thời không ngừng ra sức xây dựng và phát triển lực lượng mới, nhất là xây dựng cơ sở chính trị. Muốn giữ vững được phong trào, không thể không có những nơi đứng chân tương đối an toàn cho các cơ quan lãnh đạo, không thể không có những vùng cơ sở tương đối vững chắc,

để từ đó có thể phát triển phong trào ra cả tỉnh. Trong khi chú trọng duy trì và phát triển cơ sở ở thị xã và thị trấn, một số khu an toàn đã được lựa chọn xây dựng cho tỉnh, cho các huyện ở cả nông thôn đồng bằng và miền núi. Sau đợt "tố Cộng" đầu tiên của Mỹ - Diệm, trước sự tàn bạo của kẻ thù, việc *xây dựng và củng cố các căn cứ địa an toàn ở miền núi đã trở thành một yêu cầu bức thiết*. Vùng cao Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà được lựa chọn làm trung tâm căn cứ ở miền núi. Trong khi vẫn tích cực duy trì và phát triển các khu an toàn ở vùng giáp ranh và đồng bằng. Ta đã giải quyết đúng đắn vấn đề căn cứ địa là *ra sức xây dựng và củng cố các vùng rừng núi, đặc biệt là các vùng có ý nghĩa quan trọng về chiến lược, coi đó là căn cứ địa vững chắc nhất của cách mạng* đồng thời lại *coi trọng việc xây dựng và củng cố căn cứ địa ở vùng đồng bằng*. Nhờ vậy mà khi phong trào ở đồng bằng tạm thời gặp khó khăn, ta đã có chỗ đứng tương đối an toàn ở miền núi, lấy đó làm chỗ xuất phát gây dựng và phát triển lại phong trào ở trung châu. Và khi phong trào ở miền núi đã vững, có thể loang rộng ra thì ta đã có sẵn những chỗ đứng chân ở vùng giáp ranh và đồng bằng để phát triển phong trào ra khắp nơi.

Việc xây dựng căn cứ địa ở miền Tây Quảng Ngãi có những đặc điểm riêng biệt. Trước hết đó là những vùng căn cứ được xây dựng từ trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ - Diệm đến thiết lập bộ máy độc tài phát xít nhưng không kiểm soát được dân. Chính quyền địch ở cơ sở không thành lập được, hoặc chỉ có hình thức. Mọi công việc trong thôn xã về căn bản vẫn do nhân dân và cách mạng tự quản lý. Ở đây, nhân dân vốn có truyền thống và tập quán vũ trang tự vệ, bảo vệ làng thôn, chống thú rừng và chống giặc cướp nên đã hình thành các làng thôn chiến đấu và lực lượng

dân quân du kích để bảo vệ vùng căn cứ. Trong quá trình tiến tới vũ trang khởi nghĩa, nhân dân đã từng bước kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để bao vây và cô lập kẻ thù. Do đó, ở miền Tây Quảng Ngãi đã sớm hình thành các căn cứ địa cách mạng và nhanh chóng phát triển theo quy luật *từ không đến có, từ thấp lên cao, từ nhỏ đến lớn, từ chia cắt đến liên hoàn, hoàn chỉnh*, làm chỗ đứng an toàn cho phong trào cách mạng toàn tỉnh. Nhờ xây dựng được một hệ thống căn cứ địa ở miền núi từ đầu năm 1957 và dần dần liên hoàn được với nhau, nên ta đã nhanh chóng đẩy mạnh phong trào lên đồng đều khắp miền Tây và có thể tiến hành khởi nghĩa từ mùa thu năm 1959. Đi đôi với việc củng cố căn cứ địa về mọi mặt, ta đã không ngừng phát triển tạo nên một thể liên hoàn ngày càng rộng lớn ở miền núi của tỉnh, mở rộng ra đến vùng giáp ranh và đồng bằng, đồng thời tiếp giáp với các vùng căn cứ của tỉnh bạn, hình thành một vùng căn cứ rộng lớn có tầm quan trọng chiến lược ở miền Trung Trung Bộ lúc bấy giờ.

Bên cạnh đó, ta đặc biệt coi trọng việc thu hẹp và thủ tiêu quyền lực của địch ở cơ sở, dần dần thiết lập quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng chính quyền nhân dân cách mạng; luôn luôn chống lại bọn gián điệp từ bên trong, bọn thám báo, biệt kích từ bên ngoài trên cơ sở tính thuần khiết nội bộ nhân dân. Phải xoá dần và triệt bỏ chính quyền của địch thì mới có thể diệt đến tận gốc tay chân của chúng. Có xây dựng được chính quyền cách mạng thì mới có thể tổ chức và lãnh đạo nhân dân xây dựng căn cứ địa về mọi mặt.

Trong việc xây dựng căn cứ địa, ngay từ đầu và nhất là từ khi bước vào thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, ta đã đặt vấn đề phải nắm vững phương châm toàn diện với thể

"kiêng ba chân", chú ý cả ba mặt chính trị, quân sự và kinh tế, trong đó mặt chính trị có tầm quan trọng đặc biệt.

Về phương diện chính trị, dưới sự lãnh đạo của cách mạng, ta đã không ngừng mở rộng và củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc và trong nội bộ các dân tộc, ra sức vận động, giáo dục, tổ chức quần chúng nhân dân lao động rộng rãi, đồng thời làm tắt cả mọi việc để tranh thủ các tầng lớp trên, những người có quan hệ với địch. Hạn chế đến mức thấp nhất những người làm tay chân cho địch. Đại hội nhân dân ở Gò Rô là một điển hình đẹp đẽ về tinh thần đoàn kết dân tộc. Ta đặc biệt coi trọng việc củng cố các tổ chức quần chúng trong khi hết sức kiện toàn sự lãnh đạo của cách mạng. Để chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, ta tích cực tranh thủ thời gian từng bước phát động tư tưởng của quần chúng, hướng ý chí của toàn dân vào việc khởi nghĩa giành chính quyền. Trong việc xây dựng căn cứ địa, ta đã củng cố không ngừng các tổ chức lãnh đạo từ xã, huyện lên đến tỉnh thành một khối thống nhất, được nhân dân tin tưởng. Đây là một yếu tố cơ bản và chung nhất cho tất cả các địa phương. Đối với vùng căn cứ ở miền núi, vai trò các tổ chức lãnh đạo cách mạng ở các cấp và nhất là ở xã hết sức quan trọng. Vốn có niềm tin tuyệt đối ở cách mạng cho nên nhân dân các dân tộc dù trong hoàn cảnh khó khăn đến mấy, được sự hướng dẫn của tổ chức lãnh đạo thì việc gì họ cũng làm được.

Về mặt quân sự, ta triệt để phát huy truyền thống, tập quán, sở trường của đồng bào các dân tộc, thực hiện vũ trang toàn thể nhân dân ở một trình độ cao, xây dựng và phát triển dân làng thôn chiến đấu. Trên cơ sở sự ra đời và lớn mạnh của các tổ chức du kích bí mật, thanh niên thoát

ly bí mật, các nhóm vũ trang dưới nhiều hình thức, ta tranh thủ xây dựng các đơn vị bộ đội tập trung của tỉnh. Trong việc xây dựng căn cứ địa về mặt quân sự, vấn đề tổ chức bảo vệ thôn xóm (một hình thức xây dựng làng thôn chiến đấu) có tầm quan trọng đặc biệt. Thực tế đã chứng minh rằng, với việc tổ chức bảo vệ làng thôn phát triển đến độ cao, nhân dân có thể làm thất bại các cuộc hành quân lớn của địch.

Về kinh tế, ta hết sức quan tâm xây dựng căn cứ địa, biến rừng núi thành một hậu phương vững chắc. Ở đó nhân dân vừa tự cung, tự cấp, vừa có thể đóng góp cho cách mạng. Do tính chất lâu dài và gian khổ của cuộc chiến đấu, chúng ta đã có hướng xây dựng lâu dài về mặt kinh tế, phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, tổ chức việc giao lưu giữa đồng bằng và miền núi, tích trữ lương thực và vật chất cho cách mạng và giải quyết từng bước nạn đói, nạn lụt muối, nạn rách... cho nhân dân. Đồng thời với việc xây dựng kinh tế, việc xây dựng về văn hoá, xã hội, cải tạo phong tục, tập quán, phát triển giáo dục, đặt ra chữ viết tổ chức y tế, phát động phong trào phòng bệnh... cũng có một ý nghĩa chính trị rất lớn.

Việc hình thành và củng cố các căn cứ địa ở vùng núi rừng miền Tây Quảng Ngãi đã có một vai trò hết sức quan trọng không những trong thời kỳ khởi nghĩa chống lại chế độ Mỹ - Diệm mà trong suốt cả quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ "chiến tranh đặc biệt" đến "chiến tranh cục bộ" và "chiến tranh Việt Nam hóa" của chúng.

Sáu là, dựa vào cơ sở chính trị, phát huy tập quán, truyền thống tốt đẹp, sở trường, khả năng của đồng bào các dân tộc, địa thế thuận lợi của núi rừng, từng bước xây dựng

và phát triển lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc, đẩy mạnh việc tổ chức bảo vệ làng thôn, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân.

Từ tháng 7 năm 1954, thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, tất cả lực lượng vũ trang ta đã di tập kết, việc bố phòng làng thôn không còn tiếp tục như cũ nữa. Nhưng trước sự đánh phá điên cuồng của Mỹ - Diệm, nhân dân miền xuôi cũng như miền núi ở Quảng Ngãi đã kiên trì quan điểm cách mạng bạo lực, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Dựa vào các điều khoản của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, một mặt nhân dân tăng cường đấu tranh chính trị, buộc địch phải đình chỉ việc đàn áp, khủng bố, một mặt phục hồi một số hình thức tự vệ có tính chất vũ trang để chống lại quân thù. Do tập quán cổ truyền ở miền núi, đi đâu nhân dân cũng có mang vũ khí phòng thân, làng thôn nào cũng có tổ chức chống thú rừng và chống giặc cướp; việc đấu tranh chính trị vô hình chung đã gắn liền với tính chất vũ trang tự vệ. Do đó, việc hình thành các lực lượng vũ trang của nhân dân cũng thường gắn liền với sự hình thành các lực lượng chính trị. Vấn đề đặt ra là tổ chức và sử dụng các lực lượng vũ trang đó như thế nào cho thích hợp với tình hình chính trị lúc bấy giờ và không làm cho địch phản ứng không có lợi cho phong trào.

Sau năm 1954, dựa vào các cơ sở chính trị nòng cốt trung kiên, một số tổ tự vệ đã được duy trì và xây dựng để bảo vệ căn cứ, bảo vệ cơ quan lãnh đạo. Sau đợt "tố Cộng" đầu tiên, khi Mỹ - Diệm gây nhiều tội ác trong nhân dân, nhất là ở Sơn Hà và Trà Bồng, theo phong tục tập quán cổ truyền, nhân dân vừa đấu tranh chính trị chống lại, vừa tự

động đứng ra tổ chức các nhóm vũ trang dưới hình thức "trả dẫu" trong thôn xóm, diệt trừ bọn ác ôn có nhiều nợ máu. Địch tăng cường khủng bố, giết chóc thì các hình thức "trả dẫu", "đòi xương" cũng tăng lên. Như thế là trong cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, đã hình thành các lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân. Tuy đó là những lực lượng nhỏ bé, chưa được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, nhưng rất có hiệu lực, và quân thù rất sợ hãi bởi vì chúng thấy rõ chúng đang đứng trước sự căm thù của các dân tộc, vốn có truyền thống đấu tranh bất khuất từ ngàn xưa, có sở trường chiến đấu ở rừng núi mà không có lực lượng nào có thể tiêu diệt nổi. Bên cạnh đó để chống lại các cuộc hành quân lùng sục bắt bớ, đốt phá, nhân dân đã duy trì và tăng cường việc cắm chông gài bẫy, rào làng để bảo vệ làng thôn theo tập quán chống thú rừng và chống cướp. Như vậy, nhân dân đã phát huy được nhân tố quân sự ở miền núi, chống trả lại quân thù một cách có hiệu quả.

Đầu năm 1958, khi được sự đồng ý của cấp trên, Quảng Ngãi bắt tay vào việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền thì tất cả sức mạnh quân sự của quân chúng dưới sự lãnh đạo của cách mạng đã được phát huy và nâng cao lên một trình độ mới. Việc tổ chức bảo vệ làng thôn được dần dần nâng lên thành xây dựng làng thôn chiến đấu. Từ các trại thanh niên thoát ly bí mật đã ra đời các tổ vũ trang của quần chúng rộng rãi trong thôn xã mà hình thức không khác các đội dân quân du kích. Trong khi đó thì một số nhóm vũ trang bí mật đã được tập hợp lại thành các nhóm lớn công khai hoạt động. Tiếp theo là các nhóm "bảo vệ dân tộc" được tổ chức, hoạt động trên một phạm vi rộng lớn hơn. Do thực tiễn đấu tranh vũ trang đòi hỏi, các tổ chức quân sự có tính chất quần chúng đã hoạt động trong

một thời gian dài theo phương thức các đội vũ trang tuyên truyền.

Tuy lực lượng quân sự của quần chúng được phát triển nhưng để tiến hành khởi nghĩa vũ trang đòi hỏi phải có một lực lượng quân sự được tổ chức chặt chẽ, trang bị tương đối đầy đủ và được huấn luyện kỹ làm nòng cốt, do đó các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh thành lập. Các đơn vị này có một tác dụng lớn trong việc huấn luyện dân quân du kích ở thôn xã, vận động quần chúng tham gia đánh địch bảo vệ thôn xóm và trong khởi nghĩa đã trở thành những đơn vị xung kích tiến công địch giành những thắng lợi to lớn.

Về vũ khí, trang bị cũng rất quan trọng. Nguồn cung cấp vũ khí chủ yếu cũng phải dựa vào nhân dân, dựa vào tài nguyên của rừng núi; triệt để khai thác các kinh nghiệm cổ truyền làm vũ khí đánh địch của nghĩa quân chống Pháp ngày xưa, đồng thời phát động toàn dân tự trang bị vũ khí thô sơ và tổ chức đánh địch bằng mọi hình thức thích hợp. Thực tế ở Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà cho thấy, ngay trong đợt phản kích đầu tiên với hơn một sư đoàn, địch đã không thể gây thiệt hại lớn cho quân khởi nghĩa, mà trái lại chúng còn bị tiêu hao nặng nề, không thực hiện được mục tiêu đặt ra. Trong suốt mấy năm sau nhờ phát huy được uy lực của các vũ khí thô sơ, tổ chức bảo vệ thôn xóm cùng với nhiều cách đánh địch kỳ diệu mà quân khởi nghĩa và nhân dân đã đánh bại tất cả các cuộc càn quét vùng giải phóng của địch.

Kinh nghiệm ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cho thấy: muốn khởi nghĩa thành công phải nhanh chóng biến lực lượng chính trị thành lực lượng vũ trang có tổ chức và được trang bị bằng tất cả những gì có thể có được, đồng thời có lực lượng vũ trang tập trung làm nòng cốt để nhanh chóng tiêu diệt quân thù giành thắng lợi quyết định.

Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, ta rất coi trọng phát huy đặc điểm và bản sắc địa phương các dân tộc ở miền núi, đồng thời cũng rất coi trọng việc kế thừa truyền thống cách mạng, truyền thống xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang đàn anh trước đây như đội du kích Ba Tơ, Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhờ vậy mà lực lượng của ta đã phát triển và lớn mạnh nhanh chóng. Về hình thức, lực lượng vũ trang địa phương ở miền Tây lúc bấy giờ có nhiều màu sắc và hình dạng khác nhau, nhưng về nội dung, tính chất, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức vẫn kế thừa đầy đủ các tổ chức vũ trang thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chẳng bao lâu sau khởi nghĩa ở miền Tây Quảng Ngãi đã hình thành ba thứ quân.

Trong sự hình thành và phát triển các lực lượng vũ trang địa phương ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, ta đã giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề có tính chất cơ bản và nguyên tắc. Dù ra đời và hoạt động dưới hình thức nào, các tổ chức vũ trang địa phương đều chịu sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, của tổ chức cách mạng ở địa phương. Ngay từ đầu, những vấn đề cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang như chức năng nhiệm vụ, bản chất cách mạng, bản chất nhân dân... đã được xác định. Bên cạnh đó, ta cũng đã giải quyết thành công những vấn đề về tổ chức, biên chế, cán bộ, trang bị, cung cấp, huấn luyện... để nhanh chóng phát triển lực lượng.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng ở miền Tây, mọi công tác xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương lúc bấy giờ đều nhằm thực hiện mấy yêu cầu sau đây:

1. Về tổ chức, các lực lượng vũ trang địa phương phải thể hiện được khối đoàn kết giữa các dân tộc, giữa các địa phương trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Khi thành lập các đội, lãnh đạo chủ trương phải có tỷ lệ thích đáng về số lượng giữa người Kinh và người dân tộc. Trong hàng ngũ cán bộ, người dân tộc phải chiếm một tỷ lệ thỏa đáng. Sau khi thành lập đơn vị ở vùng dân tộc Cor Trà Bông, ta cũng khẩn trương thành lập tiếp những đơn vị hoạt động ở vùng dân tộc Hrê, Cà Dong thuộc các huyện Sơn Hà, Ba Tờ, Minh Long.

2. Việc cung cấp, trang bị cho các lực lượng vũ trang địa phương phải phù hợp với điều kiện kinh tế hết sức thiếu thốn và ít ỏi lúc bấy giờ, hoàn toàn phải dựa vào khả năng cung cấp của địa phương. Do vậy mà đơn vị đã tham gia sản xuất để tự túc một phần lớn lương thực, đồng thời tổ chức kịp thời các trại sản xuất công doanh, các trại nông binh để cung cấp cho các lực lượng vũ trang. Về vũ khí, ta đặt mạnh vấn đề sưu tầm vũ khí cũ đồng thời vận động nhân dân và các lực lượng dân quân du kích tham gia bằng mọi cách vào việc trang bị cho bộ đội, như đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận hoặc diệt ác ôn, phá tế ngục để lấy súng của địch... Nhờ vậy mà chỉ trong một thời gian ngắn, ta tổ chức được 3 đơn vị bộ đội tập trung được trang bị vũ khí khá đầy đủ.

3. Giữ bí mật tuyệt đối cho việc ra đời và hoạt động của các lực lượng vũ trang địa phương. Các lực lượng vũ trang địa phương của ta đã ra đời giữa vòng vây bốn mặt của quân thù, sức lực nhỏ yếu nên việc giữ bí mật các đơn vị tập trung rất quan trọng, để tránh những rắc rối về chính trị trong tình hình lúc bấy giờ và không để địch phát hiện được hoạt động của ta, ảnh hưởng đến việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Ngay từ khi mới thành lập cũng như trải qua chiến đấu gian khổ và chiến thắng, lực lượng vũ trang địa phương của

Quảng Ngãi thể hiện rõ tính chất "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu".

Bảy là, kết hợp khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân rộng khắp ở miền núi, liên tục tiến công địch trên cả ba mặt quân sự, chính trị và binh vận, kết hợp giữa tiến công và nổi dậy trên các vùng chiến lược để giữ vững và phát triển thành quả cách mạng, liên tục giành thắng lợi cho đến ngày miền Nam giải phóng.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được chuẩn bị và tiến hành dưới ánh sáng của Nghị quyết 15 và tài liệu "*Bàn về cách mạng miền Nam*". Hai văn kiện đó chỉ rõ con đường tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền là con đường tất yếu thắng lợi của nhân dân miền Nam. Lúc bấy giờ về phương châm, phương pháp chưa được đề ra một cách đầy đủ, cụ thể, nhưng do thấm nhuần quan điểm cách mạng bạo lực, do tiếp thu được những kinh nghiệm quý báu của Cách mạng tháng Tám và của cuộc kháng chiến chống Pháp, được sự chỉ đạo cụ thể của cấp trên, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nỗ lực phát huy tinh thần sáng tạo, thực hiện đúng đường lối của cách mạng.

Từ đầu năm 1959, sau một quá trình chuẩn bị khá chu đáo, nhất là đã tích lũy và phát triển khá nhiều lực lượng, khi có thời cơ, chúng ta đã phát động khởi nghĩa vũ trang toàn dân, kết hợp cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, tiến công tiêu diệt hệ thống kìm kẹp của địch ở cơ sở và giành chính quyền về tay nhân dân. Ngay sau khi khởi nghĩa thắng lợi, đứng trước sự phản kích của quân thù hòng dập tắt ngọn lửa quật khởi mới bốc lên, nhân dân các

dân tộc kiên quyết tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích cục bộ để chống lại, bảo vệ căn cứ địa và vùng giải phóng, đồng thời từng bước đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang ở tất cả các địa bàn chiến lược khác, biến thành một cuộc đồng khởi rộng lớn và một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện nhịp nhàng với sự phát triển chung trong toàn miền Nam.

Quá trình khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra có sự *kết hợp chặt chẽ giữa khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân*. Đó là hai quá trình nối tiếp nhau, xen kẽ với nhau, quá trình này tạo tiền đề cho quá trình kia, quá trình kia là kết quả của quá trình này.

Trong khi phát động khởi nghĩa toàn dân và tiến hành chiến tranh nhân dân, nhân dân được tập hợp và tham gia vào cuộc chiến đấu hết sức đông đủ với một ý thức tự giác rõ rệt. Tất cả các hình thức đấu tranh nhất là đấu tranh chính trị được vận dụng song song với đấu tranh quân sự để chống càn quét, khủng bố. Do đó lúc bấy giờ khởi nghĩa và chiến tranh thể hiện rõ tính chất *toàn dân và toàn diện*.

Từ lúc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa cũng như tiến hành khởi nghĩa, phát động chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích, ban lãnh đạo tỉnh lúc bấy giờ đã *nhận thức được tính chất vị trí của các vùng chiến lược miền núi đồng bằng và thành thị*. Riêng ở địa bàn miền núi cũng phân chia các vùng cao, thấp khác nhau: vùng cao nơi không có nguy quyền dịch hoặc chỉ có trên hình thức, vùng đệm có nguy quyền dịch nhưng đại bộ phận do ta nắm hay khống chế, vùng thấp có nguy quyền dịch. Từ thực tế của các vùng, ta đề ra chủ trương hoạt động thích hợp ở từng vùng, có kết hợp chặt chẽ giữa các vùng để đánh địch.

Quảng Ngãi thể hiện rõ tính chất "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu".

Bảy là, kết hợp khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân rộng khắp ở miền núi, liên tục tiến công địch trên cả ba mặt quân sự, chính trị và binh vận, kết hợp giữa tiến công và nổi dậy trên các vùng chiến lược để giữ vững và phát triển thành quả cách mạng, liên tục giành thắng lợi cho đến ngày miền Nam giải phóng.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được chuẩn bị và tiến hành dưới ánh sáng của Nghị quyết 15 và tài liệu "*Bàn về cách mạng miền Nam*". Hai văn kiện đó chỉ rõ con đường tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền là con đường tất yếu thắng lợi của nhân dân miền Nam. Lúc bấy giờ về phương châm, phương pháp chưa được đề ra một cách đầy đủ, cụ thể, nhưng do thấm nhuần quan điểm cách mạng bạo lực, do tiếp thu được những kinh nghiệm quý báu của Cách mạng tháng Tám và của cuộc kháng chiến chống Pháp, được sự chỉ đạo cụ thể của cấp trên, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nỗ lực phát huy tinh thần sáng tạo, thực hiện đúng đường lối của cách mạng.

Từ đầu năm 1959, sau một quá trình chuẩn bị khá chu đáo, nhất là đã tích lũy và phát triển khá nhiều lực lượng, khi có thời cơ, chúng ta đã phát động khởi nghĩa vũ trang toàn dân, kết hợp cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, tiến công tiêu diệt hệ thống kìm kẹp của địch ở cơ sở và giành chính quyền về tay nhân dân. Ngay sau khi khởi nghĩa thắng lợi, đứng trước sự phản kích của quân thù hòng dập tắt ngọn lửa quật khởi mới bốc lên, nhân dân các

dân tộc kiên quyết tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích cục bộ để chống lại, bảo vệ căn cứ địa và vùng giải phóng, đồng thời từng bước đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang ở tất cả các địa bàn chiến lược khác, biến thành một cuộc đồng khởi rộng lớn và một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện nhịp nhàng với sự phát triển chung trong toàn miền Nam.

Quá trình khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra có sự *kết hợp chặt chẽ giữa khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân*. Đó là hai quá trình nối tiếp nhau, xen kẽ với nhau, quá trình này tạo tiền đề cho quá trình kia, quá trình kia là kết quả của quá trình này.

Trong khi phát động khởi nghĩa toàn dân và tiến hành chiến tranh nhân dân, nhân dân được tập hợp và tham gia vào cuộc chiến đấu hết sức đông đủ với một ý thức tự giác rõ rệt. Tất cả các hình thức đấu tranh nhất là đấu tranh chính trị được vận dụng song song với đấu tranh quân sự để chống càn quét, khủng bố. Do đó lúc bấy giờ khởi nghĩa và chiến tranh thể hiện rõ tính chất *toàn dân và toàn diện*.

Từ lúc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa cũng như tiến hành khởi nghĩa, phát động chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích, ban lãnh đạo tỉnh lúc bấy giờ đã *nhận thức được tính chất vị trí của các vùng chiến lược miền núi đồng bằng và thành thị*. Riêng ở địa bàn miền núi cũng phân chia các vùng cao, thấp khác nhau: vùng cao nơi không có nguy quyền địch hoặc chỉ có trên hình thức, vùng đệm có nguy quyền địch nhưng đại bộ phận do ta nắm hay khống chế, vùng thấp có nguy quyền địch. Từ thực tế của các vùng, ta đề ra chủ trương hoạt động thích hợp ở từng vùng, có kết hợp chặt chẽ giữa các vùng để đánh địch.

Trong khi phải đương đầu với chế độ độc tài phát xít tay sai của chủ nghĩa thực dân kiểu mới Mỹ, ta từng bước áp dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp, vận dụng cả các mặt đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận thích hợp với từng vùng chiến lược, từng địa bàn ở miền núi trong từng thời kỳ nhất định. Ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã diễn ra *hình thái kết hợp thường xuyên và liên tục giữa tiến công và nổi dậy, giữa tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ*. Ngay sau khi làm thất bại cuộc phản kích đầu tiên của địch, lực lượng vũ trang ta đã mở nhiều đợt tiến công vào quân địch. Trong các cuộc tiến công đó, lực lượng vũ trang tập trung ta đã giáng những quả đấm khá mạnh vào quân địch, đồng thời nhân dân ở các vùng địch kiểm soát trong các khu đồn cũng nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Trong khi tiến hành đấu tranh cách mạng và tiến hành chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích ở miền núi, cùng với các mũi tiến công quân sự và chính trị, mũi tiến công binh vận có tầm quan trọng đặc biệt. Nhờ làm tốt công tác binh vận, địch vận mà ở vùng cao Trà Bồng và các huyện khác ta đã làm tan rã tổ chức dân vệ của địch, vận động tất cả những người dân tộc đi lính cho địch trở về, đánh mạnh vào tinh thần binh lính địch trong các cuộc càn quét. Trong một xã hội mà sự phân hoá giai cấp chưa rõ rệt, việc đấu tranh giai cấp chưa gay gắt, nhân dân có quan hệ huyết thống và gia đình, dân tộc và địa phương, ràng buộc tình cảm và tâm lý chặt chẽ sâu sắc, thì công tác binh vận, địch vận có nhiều điều kiện thuận lợi để thu được kết quả tốt đẹp.

Cuộc khởi nghĩa toàn dân và cuộc chiến tranh nhân dân ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với phong trào

đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long và trên toàn miền Nam, đã đóng góp nhiều kinh nghiệm vào phương châm đấu tranh của cách mạng miền Nam: *phương châm khởi nghĩa từng phần, đấu tranh quân sự và chính trị song song tiến hành đánh địch bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị và binh vận, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược.*

Đánh giá về ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tháng 2 năm 1960, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy Khu V kết luận: "*Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng Việt Nam, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ*"¹.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã "tạo nên thế đứng vững chắc của cách mạng trên một vùng rừng núi hiểm trở rộng lớn nối liền với căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên"².

Đặc biệt, với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, với sự ra đời của 3 đơn vị vũ trang 339, 89, 299, có thể khẳng định rằng: Quảng Ngãi là ngọn cờ đầu của Khu V trong kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh giành chính quyền, trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng (1945-2010)*, Sđd, tr. 92.

2. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 1, Nxb Sự thật, H. 1990, tr. 68.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thanh Biên - Nguyễn Hữu Nghĩa (Chủ biên), *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975.

2. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Trà Bồng, *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng (1945-2010)*", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.

3. *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Tổng hợp, Nghĩa Bình, 1988.

4. *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

5. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

6. *Địa lý hành chính Việt Nam - Hỏi và đáp*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.

7. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử, Lịch sử Quân sự* và các tài liệu khác.

MỤC LỤC

Trang

- * Lời nói đầu* 5
- Câu hỏi 1:* Hãy cho biết vài nét về địa lý, lịch sử và truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân Quảng Ngãi nói chung và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng? 9
- Câu hỏi 2:* Làm rõ thêm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và truyền thống yêu nước của nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi? 17
- Câu hỏi 3:* Vài nét về sự ra đời và phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng trong kháng chiến chống Pháp? 33
- Câu hỏi 4:* Trình bày quá trình củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, đấu tranh giữ vững vùng tự do, chi viện sức người, sức của cho chiến trường, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Trà Bồng? 38
- Câu hỏi 5:* Tháng 10 năm 1954, Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai núp dưới lá cờ Liên hiệp Pháp đã tiếp quản Quảng

Ngãi. Hãy cho biết vài nét về tình hình ở Quảng Ngãi và Trà Bồng trong những năm đầu dưới chế độ Mỹ - Diệm? 55

Câu hỏi 6: Đứng trước những âm mưu, thủ đoạn và hành động tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi nói chung, huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng đã dùng những hình thức đấu tranh gì? Quá trình xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng được tiến hành như thế nào? 64

Câu hỏi 7: Nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi từ đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ, giữ vững thế tiến công, chuẩn bị tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền như thế nào? Cho biết đôi nét về việc thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ? 78

Câu hỏi 8: Trình bày diễn biến của Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vùng lên khởi nghĩa, đánh đổ ngụy quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng diễn ra như thế nào? 96

Câu hỏi 9: Để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, nhân dân và các lực lượng vũ trang Trà Bồng đã chiến đấu đập tan sự phản kích của địch, bảo vệ và củng cố căn cứ địa như thế nào? 126

Câu hỏi 10: Trình bày quá trình xây dựng và phát triển vùng giải phóng của quần dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Nêu những thắng lợi của ta trong việc đập tan nhưng âm mưu, thủ đoạn và hành động chống phá ác liệt của địch. 130

<i>Câu hỏi 11:</i> Hãy cho biết đôi nét về sự phát triển của lực lượng vũ trang Trà Bồng trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1962?	150
<i>Câu hỏi 12:</i> Cho biết nguyên nhân thành công, bài học kinh nghiệm và ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi?	164
<i>* Tài liệu tham khảo</i>	200

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHẠM BÁ TOÀN

Chịu trách nhiệm bản thảo: KIỀU BÁCH TUẤN

Biên tập: TRẦN NGỌC ĐOÀN

Trình bày và sửa bản in: KIM OANH

Bìa: ANH THƠ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04)38455766 -37470780; Fax: (04)37471106

Website: <http://nxbqnd.com.vn>

Email: nxbqnd@nxbqnd.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1

ĐT: (069)667452 - (08)3911563; Fax: (08)3911563

Cơ quan đại diện tại thành phố Cần Thơ

Phi trường 31, đường Cách mạng tháng Tám

ĐT: 069.629905; 0710.3814772; Fax: 0710.3814772

Cơ quan đại diện tại thành phố Đà Nẵng

15A Duy Tân, Quận Hải Châu

ĐT/Fax: 0511.6250803

In xong: 10 - 2011

Nộp lưu chiểu: 10 - 2011

Khổ sách: 14,5 x 20,5 Số trang: 204

Số lượng: 1000

Số xuất bản:

105-2011/CXB/256-12/QĐND

Sắp chữ tại:

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

In, đóng sách tại: Nhà máy in BTTM

Số in: 1861

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000308

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP. HỒ CHÍ MINH
Hệ thống Siêu thị Thành Nghĩa
Nhà sách Nguyễn Văn Cừ



Giá: 37.000đ